BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG
BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 30
Từ 23/12 - 29/12/2016

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG
*
TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY
*
TRUNG TÂM THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ
SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI
04.62821016
EMAIL
BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN
WEBSITE
HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

KIÊN QUYẾT THAY THẾ CÁN BỘ LÀM VIỆC KÉM HIỆU QUẢ

Kiên quyết sàng lọc, miễn nhiệm, thay thế, cho từ chức đối với cán bộ làm việc kém hiệu quả, không hoàn thành nhiệm vụ, yếu về năng lực, kém về phẩm chất đạo đức, tín nhiệm thấp mà không chờ hết nhiệm kỳ, hết tuổi công tác, nhất là cán bộ quản lý và người đứng đầu các cấp.

Hội nghị trực tuyến của Chính phủ với các địa phương ngày 28/12/2016

Đây là một trong những nội dung nổi bật được nêu trong dự thảo Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ, do Bộ trưởng Bộ Nội vụ Lê Vĩnh Tân trình bày tại Hội nghị trực tuyến của Chính phủ với các địa phương, ngày 28/12/2016.

Xóa bỏ "lợi ích nhóm", "sân sau"

Dự thảo đề ra 8 nhiệm vụ, giải pháp cần tập trung thực hiện, đồng thời lưu ý các bộ ngành, địa phương rà soát, hoàn thiện các quy định của pháp luật về quản lý, điều hành, kiểm soát việc thực thi quyền lực bảo đảm công khai, minh bạch, góp phần xóa bỏ tiêu cực trong cơ chế "xin - cho", "duyệt - cấp"; ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, "lợi ích nhóm", "sân sau", trục lợi trong quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản công, thoái vốn, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, vốn đầu tư, đất đai, tài nguyên, khoáng sản, tài chính, ngân hàng, thuế, hải quan, quản lý và sử dụng biên chế; tăng cường hiệu quả công tác phòng chống rửa tiền.

Kiên quyết sắp xếp lại bộ máy, đẩy mạnh xã hội hóa, tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với cải cách chế độ công vụ; thực hiện đồng bộ cải cách hành chính nhà nước, tập trung rà soát, loại bỏ thủ tục hành chính phiền hà, không còn phù hợp, gây khó khăn, cản trở liên quan đến thực hiện quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, không để xảy ra thất thoát vốn, tài sản của Nhà nước...

Kiên quyết sàng lọc cán bộ yếu kém

Sửa đổi và bổ sung quy định để tăng thẩm quyền và đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong xử lý cán bộ, công chức, viên chức dưới quyền bằng biện pháp tạm đình chỉ công tác khi có dấu hiệu vi phạm hoặc chậm trễ, trì trệ, kém hiệu quả trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; các quy định xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức kể cả khi đã thôi việc, nghỉ hưu, chuyển công tác bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ giữa kỷ luật của Đảng với kỷ luật hành chính của Nhà nước.

Khắc phục những bất hợp lý trong công tác cán bộ như phân công, phân cấp quản lý, quy trình bổ nhiệm... tình trạng kén chọn vị trí, chức danh.

Kiên quyết sàng lọc, miễn nhiệm, thay thế, cho từ chức đối với cán bộ làm việc kém hiệu quả, không hoàn thành nhiệm vụ, yếu về năng lực, kém về phẩm chất đạo đức, tín nhiệm thấp mà không chờ hết nhiệm kỳ, hết tuổi công tác, nhất là cán bộ quản lý và người đứng đầu các cấp.

Tiếp tục đổi mới chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức. Xây dựng và thực hiện chính sách nhà ở đối với cán bộ, công chức.

Chấm dứt ngay tình trạng chè chén, lãng phí

Thực hiện nghiêm Quy định 55-QĐ/TW của Bộ Chính trị về một số việc cần làm ngay để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên; Chỉ thị 11-CT/TW của Ban Bí thư về tổ chức Tết năm 2017; Chỉ thị số 26/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính các cấp.

Chấm dứt ngay tình trạng ăn uống, chè chén, liên hoan, gặp mặt khi hội họp, được đề bạt, thuyên chuyển công tác và việc tổ chức cưới hỏi, ma chay, giỗ, tết... xa hoa, lãng phí, không phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc, gây phản cảm trong dư luận xã hội.

Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Chính phủ về việc tổ chức đoàn công tác của lãnh đạo Chính phủ, bộ, ngành đi địa phương.

Xây dựng, hoàn thiện và thực hiện có hiệu quả các quy định, quy chế về trách nhiệm, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp, phong cách lối sống, quy tắc ứng xử của cơ quan nhà nước, của đơn vị sự nghiệp công lập, của cán bộ, công chức, viên chức.

Xử lý dứt điểm các dự án thua lỗ lớn

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí. Trước mắt, tập trung xử lý ngay, dứt điểm đối với các dự án thất thoát, thua lỗ lớn, lãng phí, những vụ việc tham nhũng, tội phạm kinh tế và tội phạm về chức vụ nghiêm trọng, phức tạp... được dư luận xã hội, nhân dân quan tâm. Xử lý nghiêm minh đối với những cán bộ, công chức, viên chức sai phạm theo quy định của pháp luật.

Xây dựng quy định khung về việc lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân đối với cơ quan, cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết công việc của người dân, doanh nghiệp; có hình thức xử lý phù hợp, kịp thời đối với những tổ chức, cá nhân có chỉ số hài lòng thấp.

Xây dựng và thực hiện cơ chế bảo vệ, khuyến khích người dân phản ánh, tố giác và tích cực đấu tranh phòng, chống suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".

Nguồn: chinhphu.vn

TĂNG CƯỜNG KỶ CƯƠNG, ĐỀ CAO TRÁCH NHIỆM, THI ĐUA SÁNG TẠO, PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG

Sáng 29/12/2016, tại Trụ sở Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tiếp tục chủ trì Hội nghị trực tuyến của Chính phủ với các địa phương. Cùng dự, có đồng chí Nguyễn Thiện Nhân, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Ủy ban T.Ư MTTQ Việt Nam.

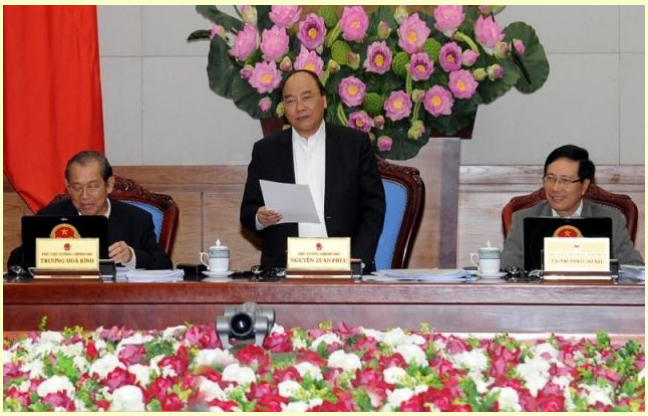

Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc phát biểu tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 12

Phát biểu ý kiến kết luận Hội nghị, Thủ tướng Chính phủ Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc nhất trí với chủ đề năm 2017 là "Tăng cường kỷ cương, đề cao trách nhiệm, thi đua sáng tạo, phát triển nhanh và bền vững". Thủ tướng Chính phủ nêu bật hàng loạt nhiệm vụ trọng tâm năm 2017, đó là:

Ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, điều hành thận trọng, linh hoạt, chặt chẽ để bảo đảm các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Cải thiện, nâng cao năng suất, chất lượng của các ngành, địa phương, nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với tái cơ cấu nền kinh tế, bảo đảm tăng trưởng bền vững, bảo vệ môi trường. Tập trung tháo gỡ thể chế, chính sách, sớm phát hiện, kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ những quy định bất hợp lý. Có lộ trình xử lý nợ xấu và nợ công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phát động phong trào tiết kiệm, chống xa hoa, lãng phí trong toàn xã hội. Giao Ngân hàng Nhà nước nghiên cứu đề xuất hạ lãi suất cho vay. Tập trung phát triển thị trường trong nước, mở rộng thị trường xuất khẩu. Bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa, không để "sốt giá", phát triển thị trường bán lẻ, tổ chức chợ nông thôn.

Tập trung cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phấn đấu nâng hạng quốc tế về môi trường đầu tư kinh doanh, đặc biệt là đổi mới sáng tạo. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phấn đấu vào nhóm ASEAN 4. Đẩy mạnh khuyến khích khởi nghiệp, đầu tư nông nghiệp công nghệ cao. Tập trung vốn ngân sách nhà nước vào các dự án hạ tầng trọng điểm. Quyết liệt xử lý nợ xấu, tái cơ

cấu các tổ chức tín dụng. Đẩy mạnh tái cơ cấu, cổ phần hoá DNNN, không để xảy ra tham nhũng, thất thoát. Kiên quyết xử lý các dự án "nghìn tỷ" đang thua lỗ, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu kể cả người tham mưu. Thực hiện quyết liệt cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.

Quyết tâm phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn; tăng cường liên kết vùng, phát triển vùng kinh tế; tăng cường phân cấp, phân quyền, tinh gọn đầu mối, tinh giản biên chế. Chấn chỉnh công tác quy hoạch đô thị, trong đó Hà Nội và TP Hồ Chí Minh cần nghiêm túc rà soát, chấn chỉnh các dự án chung cư cao tầng. Tập trung phát triển nguồn nhân lực, khoa học công nghệ. Kiên quyết lập lại trật tự trong bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm. Tăng cường ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ tài nguyên và môi trường. Tập trung cải cách hành chính, tăng cường kỷ luật kỷ cương, chấn chỉnh việc bổ nhiệm cán bộ gây bức xúc dư luận thời gian qua; phát huy mô hình Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ. Triển khai Nghị quyết T.Ư 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; tập trung làm tốt công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tích cực đối thoại với dân. Bảo đảm, giữ vững chủ quyền, an ninh quốc phòng. Mở đợt cao điểm trấn áp tội phạm, phòng, chống cháy nổ...

Chiều cùng ngày, tại Trụ sở Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc chủ trì phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 12/2016.

Phiên họp đã nghe và thảo luận: Báo cáo thẩm tra về năm dự thảo Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các bộ, cơ quan: Nội vụ; Lao động, Thương binh và Xã hội; Giao thông vận tải, Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban Dân tộc; báo cáo tổng hợp xin ý kiến thành viên Chính phủ về dự thảo Nghị định cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ đối với UBND tỉnh, thành phố trực thuộc T.Ư; báo cáo về việc kéo dài thời gian thực hiện Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản…

Phát biểu ý kiến tại phiên họp, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã cho ý kiến về các báo cáo, trong đó, về đề nghị kéo dài thời gian thực hiện Nghị định 67, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành, cơ quan liên quan đôn đốc, kiểm tra những số tàu cá đã và đang triển khai đóng, phối hợp với các ngân hàng thúc đẩy giải ngân, sớm đưa số tàu này vào hoạt động. Thống nhất kéo dài thời hạn, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức hội nghị tổng kết Nghị định 67 trong tháng 01/2017, báo cáo Thủ tướng Chính phủ…

Nguồn: nhandan.com.vn

CÔNG KHAI, MINH BẠCH TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC CHÍNH PHỦ

Theo Báo cáo của Chính phủ, từ năm 2006 - 2016, công tác cải cách hành chính, công khai, minh bạch hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị, đổi mới công nghệ quản lý đã đạt được nhiều kết quả tích cực, cơ bản đáp ứng yêu cầu của công tác phòng, chống tham nhũng; hầu hết các lĩnh vực quản lý nhà nước đã thực hiện tốt việc công khai, minh bạch. Người dân dễ dàng nhận biết được các quyền và nghĩa vụ của mình để chủ động thực hiện theo quy định của pháp luật. Cán bộ, công chức nhà nước ý thức hơn trong việc thực hiện chức trách, công vụ của mình theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền do pháp luật quy định. Nhất là sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 phê duyệt Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 và Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 22/5/2013 về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020.

Văn phòng Chính phủ và Bộ Nội vụ tổ chức Hội nghị trực tuyến sơ kết công tác cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2015 và triển khai kế hoạch cải cách hành chính 2016 - 2020

Chính phủ đã quy định cụ thể trách nhiệm của người đứng đầu và trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương để bảo đảm cải cách hành chính được thực hiện quyết liệt, hiệu quả. Hệ thống thể chế tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững, tạo hành lang pháp lý cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế - xã hội, từng bước khắc phục những sơ hở làm nảy sinh tham nhũng, tiêu cực. Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các cơ quan hành chính được điều chỉnh phù hợp hơn. Phân cấp quản lý giữa Chính phủ và chính quyền cấp tỉnh được thực hiện có hiệu quả hơn, bảo đảm tính tự chủ, năng động, sáng tạo trong quản lý của bộ máy chính quyền các cấp. Cải cách chế độ công vụ, công chức được đẩy mạnh, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Thể chế, pháp luật về quản lý tài chính công từng bước được đổi mới, hoàn thiện. Việc luật hóa và công khai hoá các nguồn thu và các khoản chi ngân sách Nhà nước đã nâng cao tính dân chủ và minh bạch trong quản lý ngân sách quốc gia.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo quyết liệt việc rà soát, hợp lý hóa trình tự giải quyết công việc, xóa bỏ các quy định chồng chéo, đơn giản hóa thủ tục hành chính. Các cơ quan, đơn vị đã chủ động xây dựng kế hoạch công tác kiểm soát thủ tục hành chính, đẩy mạnh việc đơn giản hóa thủ tục hành chính; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, nhân rộng mô hình một cửa điện tử; triển khai Đề án tổng thể đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013-2020; thiết lập và công bố Bộ cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính tại 4 cấp chính quyền và công khai trên mạng Internet; chuẩn hóa và thống nhất được bộ thủ tục hành chính cấp huyện, cấp xã theo hướng rút gọn. Đã có gần 400.000 doanh nghiệp khai thuế qua mạng Internet, chiếm 86% doanh nghiệp đang hoạt động. Các bộ, ngành đã ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đơn giản hóa 4.219/4.712 thủ tục hành chính đã được Chính phủ phê duyệt tại 25 nghị quyết chuyên đề (đạt tỷ lệ 89,5%). Đã thiết lập và công bố Bộ cơ sở dữ liệu quốc gia gồm 102.911 hồ sơ thủ tục hành chính và 9.855 hồ sơ văn bản có liên quan về thủ tục hành chính tại 4 cấp chính quyền và công khai trên mạng Internet; chuẩn hóa và thống nhất được bộ thủ tục hành chính cấp huyện, cấp xã theo hướng rút gọn từ 10.000 bộ thủ tục hành chính cấp xã và 700 bộ thủ tục hành chính cấp huyện xuống còn 63 bộ ở mỗi cấp.

Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị có chuyển biến rõ nét, nhất là công khai, minh bạch về chính sách, pháp luật; hoạt động chất vấn, trách nhiệm giải trình… Các bộ, ngành, địa phương đã bổ sung, hoàn thiện quy định về công tác cán bộ, bảo đảm công khai, minh bạch, nhất là trong bổ nhiệm, tuyển dụng cán bộ, công chức, giới thiệu cán bộ ứng cử vào các vị trí lãnh đạo, quản lý của các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội; công tác thi tuyển, tiếp nhận cán bộ, công chức đã được quan tâm chấn chỉnh.

Việc hoạch định, xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách, chế độ, định mức, tiêu chuẩn được khảo sát, công khai lấy ý kiến rộng rãi, tạo điều kiện để người dân cũng như toàn xã hội tham gia giám sát hoạt động của các cơ quan Nhà nước. Theo kết quả khảo sát Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công năm 2015 - PAPI 2015 do Trung tâm nghiên cứu phát triển và hỗ trợ cộng đồng (CECODES), Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ và Nghiên cứu khoa học Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP) thực hiện: Từ năm 2011 đến hết năm 2015 có sự gia tăng đáng kể về mức độ công khai, minh bạch, với mức gia tăng về điểm qua năm năm đạt 5,92: từ 5,47 lên 5,88 điểm; so với giai đoạn 2006-2011 tăng mạnh từ 3,1 lên 5,47 điểm.

Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch từng bước được tăng cường. Từ năm 2006-2015 đã kiểm tra 64.242 cơ quan, đơn vị, phát hiện, chấn chỉnh, xử lý 2.406 cơ quan, đơn vị có vi phạm quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động. Các hoạt động đẩy mạnh đổi mới công nghệ quản lý cũng được chú trọng như mở rộng việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, gắn với cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động...

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác này vẫn còn một số hạn chế như: Bộ máy hành chính còn cồng kềnh, hoạt động kém hiệu quả. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức tuy đã được

nâng lên so với trước nhưng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Thủ tục hành chính còn rườm rà, đặc biệt là trong các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp như thuế, hải quan, đất đai; tình trạng cán bộ, công chức nhũng nhiễu khi giải quyết thủ tục hành chính chưa được cải thiện; việc thực hiện công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình chưa đồng bộ; việc ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa nền hành chính còn gặp nhiều khó khăn. Nguyên nhân chủ yếu là do việc tổ chức triển khai thực hiện còn có nhiều vấn đề chưa hợp lý. Ý thức trách nhiệm và quyết tâm chính trị của những tập thể và cá nhân có trọng trách, nhất là của người đứng đầu triển khai thực hiện chưa cao.

Nguồn: noichinh.vn

YÊU CẦU HÀ NỘI KHÔNG ĐƯỢC ĐẨY VIỆC LÊN THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Đó là một trong những nội dung đáng chú ý trong Công văn do Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Nguyễn Cao Lục ký truyền đạt ý kiến của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tới UBND TP Hà Nội.

Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc

Công văn truyền đạt ý kiến của Thủ tướng Chính phủ thể hiện: Về đề nghị của UBND thành phố Hà Nội tại các văn bản số 882/UBND-XDGT ngày 17/2/2016, số 1960/UBND-QHKT ngày 5/4/2016, số 1231/UBND-QHKT ngày 4/3/2016, số 1257/UBND-QHKT ngày 7/3/2016 và số 2802/UBND-ĐT ngày 17/5/2016 trình Thủ tướng Chính phủ về việc đầu tư xây dựng công trình cao tầng trong khu vực nội đô lịch sử thành phố Hà Nội, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến như sau:

Yêu cầu Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội chỉ đạo tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng công trình cao tầng theo Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội và Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc công trình cao tầng trong khu vực nội đô lịch sử thành phố Hà Nội; xử lý đúng thẩm quyền, theo đúng quy định của pháp luật.

Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội chỉ đạo việc sửa đổi Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 4/4/2016 của UBND thành phố Hà Nội, không được quy định trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ trong quyết định của UBND thành phố Hà Nội.

"UBND thành phố Hà Nội và Văn phòng Chính phủ cần rút kinh nghiệm trong việc trình, xử lý các hồ sơ để xử lý đúng thẩm quyền, không đẩy việc lên Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật", Công văn cũng thể hiện

Trước đó, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội Nguyễn Đức Chung đã ký Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 04/4/2016 ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc công trình cao tầng trong khu vực nội đô lịch sử thành phố Hà Nội.

Quy chế được áp dụng đối với một số khu vực thuộc 5 quận Ba Đình, Đống Đa, Hoàn Kiếm, một phần phía bắc quận Hai Bà Trưng và một phần phía nam của quận Tây Hồ.

Trong quy chế quy định rõ chiều cao tối đa các khu chung cư cũ như khu Nguyễn Công Trứ được xây tối đa 25 tầng; Giảng Võ, Hào Nam, Ngọc Khánh 21 tầng; khu Văn Chương chỉ được xây cao tối đa 18 tầng...

Tại Hội nghị trực tuyến của Chính phủ với lãnh đạo 63 tỉnh, thành phố hôm qua (29/12/2016), khi đề cập tới vấn đề chung cư cao tầng của Hà Nội, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ rõ là không có lý thuyết quy hoạch nào cho phép xây dựng tại khu trung tâm Giảng Võ các tòa chung cư cao 50 tầng với mấy nghìn căn hộ.

Nguồn: tuoitre.vn

"CHÍNH PHỦ KIẾN TẠO VÀ HÀNH ĐỘNG" – ĐỘNG LỰC MỚI CHO PHÁT TRIỂN

Ngày 09/12/2016, tại Hà Nội đã diễn ra "Diễn đàn Phát triển Việt Nam, VDF-2016". Đây là hội nghị gặp gỡ thường niên giữa Thủ tướng Chính phủ, lãnh đạo Chính phủ với các nhà tài trợ, đối tác quốc tế để cùng trao đổi về kết quả đạt được, phân tích đánh giá những hạn chế tồn tại và thảo luận, đề xuất phương hướng phát triển của Việt Nam trong năm tới và trong trung, dài hạn. Chủ đề của Hội nghị VDF-2016 là "Chính phủ kiến tạo và hành động - động lực mới cho phát triển".

Tại Hội nghị, một số Bộ của Việt Nam đã cùng các nhà tài trợ, đối tác quốc tế thảo luận sâu về 5 chủ đề: Triển vọng kinh tế của Việt Nam và các gợi ý chính sách; đóng góp của Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam-Liên minh châu Âu EU (EVFTA) cho tăng trưởng bền vững; Quản lý tài khóa hướng tới tăng trưởng bền vững và toàn diện; bảo đảm sự công bằng và hiệu quả trong quản lý tài khóa; và Nâng cao hiệu quả chi tiêu công.

Thủ tướng Chính phủ đã có bài phát biểu quan trọng trao đổi nhiều vấn đề được Hội nghị quan tâm và nêu ra 8 định hướng, giải pháp phát triển quan trọng của Việt Nam, Cổng Thông tin Điện tử Chính phủ xin trân trọng giới thiệu nội dung phát biểu của Thủ tướng Chính phủ.

Thủ tướng Chính phủ dự và phát biểu tại Diễn đàn

Các phát biểu của Diễn đàn VDF-2016 là những đóng góp hết sức quan trọng ở tầm vĩ mô, giúp Chính phủ, các bộ, các cơ quan nhận định, đánh giá đúng tình hình, triển vọng phát triển trong bối cảnh quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường; từ đó đề ra các chủ trương, biện pháp phát triển phù hợp nhằm thực hiện thành công kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2017, Chương trình hành động Chính phủ nhiệm kỳ 2016-2021, với các nhiệm vụ, giải pháp, hành động, mang lại hiệu quả thiết thực.

Quyết tâm xây dựng Chính phủ liêm chính, kiến tạo phát triển, hành động, phục vụ người dân, doanh nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ nêu rõ trong phát biểu nhậm chức trước Quốc hội và được Chính phủ cụ thể hóa trong các nghị quyết, quyết định quan trọng thời gian qua (Nghị quyết 19, Nghị quyết 35, các Nghị quyết phiên họp thường kỳ).

Theo đó, Chính phủ tập trung hoàn thiện thể chế pháp luật, cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo mọi thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân phát triển sản xuất kinh doanh, đổi mới sáng tạo, khuyến khích khởi nghiệp... Đồng thời, chú trọng khắc phục những hạn chế, yếu kém; giải quyết những vấn đề xã hội quan trọng, cấp thiết như giữ gìn trật tự an toàn xã hội, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người dân, doanh nghiệp, quản lý an toàn thực phẩm; bảo vệ môi trường, ứng phó với hạn hán, xâm nhập mặn, lũ lụt nặng nề vừa qua,...

Nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, trở ngại, dự kiến năm 2016, tăng trưởng GDP đạt khoảng 6,3%. Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát; các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm. Thu ngân sách tăng; mặt bằng lãi suất giảm; thị trường ngoại tệ, vàng cơ bản ổn định; dự trữ ngoại hối đạt khoảng 41 tỷ USD, cao nhất từ trước tới nay.

Cơ cấu lại nền kinh tế đạt kết quả bước đầu. Trong bối cảnh thương mại thế giới giảm mạnh, nhưng xuất khẩu Việt Nam vẫn tăng khoảng 8%, xuất siêu 2-3 tỷ USD. Huy động tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 32,5% GDP. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt mức cao kỷ lục, với vốn thực hiện FDI đạt gần 15,8 tỷ USD (tăng 9% so cùng kỳ) và vốn FDI đăng ký mới (bao gồm cả bổ

sung tăng vốn, vốn mua cổ phần) đạt 24,4 tỷ USD (tăng 7%). Năm 2016, lần đầu tiên có hơn 110.000 doanh nghiệp được thành lập mới. Những chuyển biến tích cực này thể hiện niềm tin, sự ủng hộ của cộng đồng doanh nghiệp đối với những chính sách, hành động mạnh mẽ của Chính phủ và những kết quả đạt được bước đầu về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

An sinh xã hội được bảo đảm; đời sống vật chất tinh thần của người dân được cải thiện. Chính trị, xã hội ổn định. Vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng lên.

Tuy nhiên, Chính phủ Việt Nam nhận thức rõ vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế, yếu kém phải quyết tâm, tập trung khắc phục để hướng tới mục tiêu tăng trưởng nhanh, bền vững, bao trùm, không để ai bị bỏ lại phía sau, với mức tăng GDP bình quân đạt 6,5-7% giai đoạn 2016-2020.

Trong thời gian tới, Thủ tướng Chính phủ nhất trí với các ý kiến cho rằng kinh tế Việt Nam còn phải đối mặt với nhiều rủi ro, khó khăn, thách thức, nhất là biến động khó lường của giá dầu, xu hướng tăng bảo hộ thương mại (việc phê chuẩn Hiệp định TPP gặp trở ngại),… tác động mạnh đến sản xuất, thu hút vốn FDI và tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam.

Nhiều dự báo cho rằng thiên tai, biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, lũ lụt, hạn hán diễn biến phức tạp sẽ ảnh hưởng nặng nề đến khu vực nông nghiệp. Xử lý nợ xấu còn nhiều khó khăn. Nợ công tăng nhanh, sức ép trả nợ lớn, trong khi Chính phủ cần có nhiều nguồn lực để tái cơ cấu kinh tế sâu rộng, tạo động lực mới cho phát triển.

Cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt trong khi năng lực của nền kinh tế còn nhiều hạn chế. Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, xây dựng Cộng đồng ASEAN, thực hiện các hiệp định thương mại tự do FTA và hợp tác tiểu vùng Mekong đặt ra cả cơ hội và thách thức to lớn đòi hỏi Chính phủ phải quyết liệt hành động hơn nữa.

Thủ tướng Chính phủ rất đồng tình với phần lớn đánh giá, phát biểu của các nhà tài trợ, đối tác, chuyên gia về các nhân tố tác động đến triển vọng kinh tế, các khuyến cáo chính sách cho phát triển bền vững của Việt Nam thời gian tới.

Chính phủ Việt Nam khẳng định quan điểm xây dựng hệ thống hành chính nhà nước thống nhất, hiệu lực, hiệu quả, thực hiện tốt nhiệm vụ kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động, phục vụ người dân, doanh nghiệp - coi đây là một nhiệm vụ quan trọng nhất của nhiệm kỳ 2016-2020. Một số định hướng và giải pháp chủ yếu trong thời gian tới là:

Một là, tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật, tạo mọi thuận lợi cho phát triển sản xuất kinh doanh. Kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước, bảo đảm tinh gọn, hiệu lực hiệu quả, kỷ luật kỷ cương, chuyên nghiệp. Tập trung cải cách thủ tục hành chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, nhũng nhiễu; giảm thiểu chi phí và thời gian thực hiện thủ tục hành chính; xử lý nghiêm vi phạm.

Hai là, tập trung cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; trong đó chú trọng hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về quy hoạch, đầu tư, kinh doanh; có các chính sách giải pháp đột phá cho phát triển. Khuyến khích khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế

tư nhân là động lực tăng trưởng của nền kinh tế. Phấn đấu năm 2017 đạt các chỉ tiêu chủ yếu về môi trường kinh doanh bằng mức trung bình của ASEAN-4.

Chính phủ đề nghị Ngân hàng Thế giới (WB) và các đối tác phát triển hỗ trợ kinh nghiệm và các nguồn lực để Việt Nam phát triển kinh tế tư nhân, khuyến khích khởi nghiệp và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tốt hơn. Mặc dù năm 2016, WB đã xếp hạng môi trường kinh doanh của Việt Nam tăng 9 bậc, nhưng so với yêu cầu thì vẫn còn ở mức thấp.

Ba là, cơ cấu lại nền kinh tế một cách thực chất, gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh - coi đây là một trọng tâm của năm 2017. Triển khai Kế hoạch đầu tư công trung hạn, ưu tiên vốn cho phát triển hạ tầng trọng điểm, tạo sự lan tỏa và kết nối phát triển.

Bốn là, đẩy mạnh cổ phần hóa, thoái vốn theo cơ chế thị trường trong thực hiện Kế hoạch 2016-2020. Thành lập cơ quan chuyên trách đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Nâng cao năng lực quản trị, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp Nhà nước (DNNN). Đối với các DNNN thua lỗ kéo dài, mất vốn chủ sở hữu mà không thể tháo gỡ được thì xem xét cho bán, phá sản theo quy định của pháp luật. Thực hiện công khai, minh bạch, chống tiêu cực, tham nhũng. Chính phủ vừa tiến hành Hội nghị toàn quốc triển khai mạnh mẽ công tác sắp xếp, đổi mới DNNN giai đoạn 2016-2020.

Năm là, nợ công ngày càng là một thách thức chính sách vĩ mô của Việt Nam và là một nội dung quan trọng trong Diễn đàn hôm nay. Cùng với việc huy động nguồn lực cho phát triển, Chính phủ chỉ đạo kiểm soát các dự án sử dụng vốn vay theo đúng mục đích, hiệu quả và trả nợ đầy đủ, đúng hạn. Hạn chế tối đa việc cấp bảo lãnh Chính phủ; chú trọng kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay về cho vay lại, bảo đảm nâng cao khả năng tự trả nợ.

Kiểm soát chặt chẽ các khoản nợ của chính quyền địa phương, nợ đọng xây dựng cơ bản. Tiếp tục cơ cấu lại nợ công theo hướng kéo dài kỳ hạn, giảm chi phí vay vốn. Sửa đổi Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý nợ công, Chiến lược và Chương trình quản lý nợ công trung hạn.

Sáu là, việc xử lý nợ xấu là hết sức quan trọng như các ý kiến chuyên gia nêu tại Diễn đàn; nếu không xử lý tốt sẽ ảnh hưởng đến ổn định kinh tế vĩ mô và tăng trưởng. Chính phủ tập trung hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, nhất là xử lý tài sản bảo đảm; nâng cao năng lực và cơ sở pháp lý của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng (VAMC); phát triển thị trường mua bán nợ. Yêu cầu các tổ chức tín dụng tự xử lý nợ xấu, gắn với cơ cấu lại nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, bảo đảm công khai minh bạch, tiếp cận chuẩn mực quốc tế.

Thủ tướng Chính phủ đề nghị với WB, cụ thể là Tổ chức Tài chính quốc tế IFC, giúp giải quyết vấn đề nợ xấu một cách thực chất và thông báo với các đại biểu Diễn đàn là Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) tư vấn cho một đối tác tư nhân Việt Nam đang có kế hoạch xử lý mua lại một ngân hàng thương mại Việt Nam yếu kém và có thể giới thiệu những đối tác khác để hỗ trợ Việt Nam trong xử lý nợ xấu và các ngân hàng thương mại yếu kém (bị mua lại với giá 0 đồng).

Bảy là, Chính phủ Việt Nam khẳng định bảo đảm an sinh xã hội luôn là một nhiệm vụ ưu tiên. Xác định rõ vai trò, phạm vi tham gia, chức năng điều tiết của Nhà nước trong lĩnh vực này đi đôi với khuyến khích xã hội hóa. Chú trọng bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; phòng chống ma túy; đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại. Phấn đấu giảm mạnh tai nạn giao thông. Bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu cũng là một trọng tâm chỉ đạo của Chính phủ phù hợp với Mục tiêu phát triển bền vững (SDG) 2030 của Liên Hợp Quốc.

Chính phủ mong tiếp tục nhận được hỗ trợ, tư vấn, đề xuất các chính sách trong thời gian tới. Đặc biệt là xóa đói giảm nghèo, vừa qua WB và một số đối tác phát triển đã giúp Việt Nam rất hiệu quả. Nhưng tỷ lệ đói nghèo ở vùng núi, vùng dân tộc thiểu số vẫn còn ở mức cao. Rất mong WB và các đối tác phát triển luôn nhất quán và tạo điều kiện hỗ trợ để Việt Nam thực hiện tốt mục tiêu quan trọng này.

Tám là, nền kinh tế Việt Nam có độ mở lớn với kim ngạch thương mại gần 170% GDP, Chính phủ luôn chủ động hội nhập quốc tế và nỗ lực để triển khai hiệu quả 12 hiệp định thương mại tự do (FTA) đã ký kết.

Trong đó, việc thực hiện Hiệp định EVFTA là cơ hội tốt để mở rộng thị trường nhưng cũng phải nâng chất lượng sản phẩm, đáp ứng tiêu chuẩn cao của EU. Việt Nam tiếp tục hợp tác với các đối tác ASEAN, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Nga, Australia,.. để thực hiện hiệu quả các hiệp định thương mại đem lại lợi ích tốt nhất cho các bên.

Đánh giá cao phát biểu của các đại biểu tại Diễn đàn, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cùng các cơ quan nghiêm túc tiếp thu, xử lý kịp thời những kiến nghị phù hợp./.

Nguồn: baochinhphu.vn

TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT 19: TRÁCH NHIỆM, QUYẾT LIỆT, PHỐI HỢP CHẶT CHẼ

Để triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam nhấn mạnh trách nhiệm, sự vào cuộc quyết liệt, phối hợp chặt chẽ của các bộ, ngành và đặc biệt trong khâu thực hiện ở địa phương.

Sáng 28/12/2016, trong Hội nghị Chính phủ với các địa phương, Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam đã trình bày báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 19 về những nhiệm vụ giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong 3 năm 2014-2016, định hướng đến năm 2020.

Phó Thủ tướng Chính phủ cho biết, thay vì ban hành vào tháng 3-4 hằng năm, năm nay Nghị quyết 19 được ban hành ngay từ đầu năm. Lần đầu tiên Nghị quyết được đưa vào bàn trong Hội nghị Chính phủ với các địa phương để các bộ, ngành cùng địa phương cùng nhau hiểu và cùng vào cuộc để tạo sức bật mới trong cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam

Nghị quyết xây dựng theo chuẩn mực quốc tế, với những chỉ số, chỉ tiêu được nêu trong báo cáo về môi trường kinh doanh của Ngân hàng Thế giới (WB), báo cáo năng lực cạnh tranh toàn cầu của Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF)… đặt ra cách nhìn phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng của cộng đồng DN.

Đây không chỉ là hình ảnh, vị thế quốc gia mà còn thế mạnh trong thu hút đầu tư, cạnh tranh của nền kinh tế, trong đàm phán các cam kết thương mại quốc tế. Tín nhiệm quốc tế cao thì chi phí vốn của cả quốc gia và DN đều giảm.

Qua trình bày tại hội nghị, Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam cho biết một loạt chỉ số về môi trường kinh doanh cho thấy Việt Nam ở mức trung bình. Chỉ số tốt nhất đứng thứ 60 và có những chỉ số đứng thứ 116-120.

Nói về môi trường kinh doanh do WB đánh giá, xếp hạng qua 3 năm Việt Nam thực hiện Nghị quyết 19 (2014-2016), Phó Thủ tướng Chính phủ cho biết trong 10 nhóm chỉ tiêu có đến 41 chỉ tiêu cụ thể để đánh giá, chấm điểm.

Việt Nam hiện xếp hạng thứ 82, có những thủ tục rất tốt như cấp phép xây dựng đứng thứ 24 nhưng khởi sự kinh doanh đứng thứ 121, đặc biệt thuế, bảo hiểm dù đã cải tiến rất nhiều nhưng vẫn đứng 167, giải quyết tranh chấp, phá sản xếp thứ 125.

Còn báo cáo của WEF về xếp hạng năng lực cạnh tranh toàn cầu chia làm 3 trụ cột với 12 nhóm tiêu chí và 114 tiêu chí cụ thể.

So sánh tương quan với các nước ASEAN về môi trường kinh doanh, Phó Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh để đạt được mục tiêu mức trung bình của ASEAN-4, Việt Nam sẽ phải nỗ lực rất nhiều trong việc cải thiện các chỉ số cụ thể.

"Hiện nay chúng ta xếp thứ 82, để lọt vào trung bình ASEAN-6, tính cả Singapore, thì chúng ta phải tiến tới vị trí 56, còn nếu muốn lọt vào trung bình ASEAN-4 thì chúng ta phải đứng thứ 43 trên thế giới".

Nêu một số ví dụ về việc cải thiện chỉ số khởi sự kinh doanh, nhiều người thường nghĩ là của Bộ KH&ĐT, đổi mới sáng tạo thuộc trách nhiệm của Bộ KH&CN hay cấp phép xây dựng thuộc Bộ Xây dựng… Phó Thủ tướng Chính phủ cho biết có rất nhiều chỉ tiêu cụ thể trong từng chỉ số là của các bộ, ngành khác.

Ví dụ trong khởi sự kinh doanh, có thủ tục khắc dấu trước đây thuộc Bộ Công an, mua bán hóa đơn thuộc Bộ Tài chính. Ví dụ thứ hai là cấp phép xây dựng đứng thứ 24/190 có thủ tục phòng cháy, chữa cháy thuộc Bộ Công an, chứng nhận về sở hữu công trình sau khi hoàn thành Bộ TN&MT…

Theo Phó Thủ tướng Chính phủ, có tới 80% nhiệm vụ trong Nghị quyết 19 cần sự phối hợp liên ngành, vì vậy rất cần làm rõ phần việc, trách nhiệm của từng bộ, ngành trong từng chỉ tiêu, chỉ số về môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Nhìn lại quá trình thực hiện Nghị quyết 19 trong 3 năm 2014 -2016, Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam cho biết năm đầu tiên Nghị quyết đề ra 50 nhóm giải pháp, nhiệm vụ, thực hiện được 8, đang thực hiện 17 giải pháp chưa có kết quả rõ ràng. Năm 2015 có 73 nhóm nhiệm vụ, giải pháp, đã thực hiện được 44%, đang thực hiện 23% và chưa thực hiện 23%. Năm 2016 có tới 83 nhóm giải pháp, nhiệm vụ đã thực hiện được 42% nhưng mới qua 8 tháng và nếu tính đủ 1 năm thì tỷ lệ đã thực hiện sẽ vượt 30% so với các năm trước.

Điều đó cho thấy số giải pháp được thực hiện ngày càng nhiều, đạt kết quả rõ rệt trong các chỉ tiêu. Một số bộ, ngành, địa phương đã vào cuộc quyết liệt, tuy nhiên, vẫn còn khoảng cách từ văn bản xuống đến thực tế.

"Nghị quyết năm nay đưa ra khoảng 250 nhóm giải pháp, nhiệm vụ với tinh thần càng cụ thể, càng tốt và giao cho từng bộ, ngành, địa phương", Phó Thủ tướng Chính phủ nói.

Nhấn mạnh đến thực tế hầu hết các chỉ số về môi trường kinh doanh của Việt Nam được cải thiện nhiều nhưng các nước khác cũng tiến rất nhanh, Phó Thủ tướng Chính phủ cho rằng cần phải có sự vào cuộc quyết liệt hơn nữa, đặc biệt là khâu thực hiện ở địa phương.

"Về thuế, chúng ta cải cách cơ bản trên văn bản nhưng thực thi còn khoảng cách và để văn bản xuống đến thực tế, cần các sở, ngành, địa phương vào cuộc cùng Trung ương. Hay trong khởi sự kinh doanh thì đăng ký DN theo văn bản quy định 3 ngày nhưng khảo sát thực tế ở địa phương lại lên đến 5 ngày. Rõ ràng mức độ vào cuộc của các bộ, ngành, địa phương còn khác nhau".

Đề cập đến vai trò quan trọng của người đứng đầu trong thực hiện cải cách, Phó Thủ tướng Chính phủ nêu ví dụ vừa qua, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã bãi bỏ các quy định kiểm tra hàm

lượng fomaldehyte trong vải, khai báo hóa chất đã tiết kiệm hàng nghìn tỷ đồng, hàng vạn ngày công cho DN. Tới đây Bộ Công Thương sẽ tiếp tục sửa đổi quy định về dán nhãn năng lượng vốn gây tốn kém rất lớn về thời gian, chi phí cho DN khi mọi loại thiết bị sử dụng năng lượng khi nhập vào Việt Nam đều phải kiểm tra, dán nhãn năng lượng, dù năng lực kiểm định của Việt Nam có hạn.

Phó Thủ tướng Chính phủ cho rằng bản chất của việc cải thiện môi trường kinh doanh là vấn đề cải cách thủ tục hành chính, đẩy mạnh thuê dịch vụ, cung cấp dịch vụ công trực tuyến…

Nghị quyết đưa ra mục tiêu thứ hạng rất cụ thể đối với những chỉ số môi trường kinh doanh đang thấp như: Khởi sự kinh doanh từ vị trí 121 phải xuống 60; thủ tục cấp phép xây dựng từ 166 ngày phải rút ngắn thêm 30 ngày; thuế có tiến bộ nhưng vẫn còn 540 giờ và phải tiếp tục giảm; thời gian giải quyết tranh chấp từ 400 ngày còn 300 ngày…

Về nâng cao năng lực cạnh tranh, Nghị quyết 19 đặt mục tiêu nâng thứ hạng Việt Nam theo xếp hạng của WEF từ 60 lên vị trí 50.

Việc cải thiện chỉ số đổi mới sáng tạo sẽ tập trung vào cải thiện những chỉ số còn kém như thể chế vĩ mô đang ở vị trí 93 trong vài năm sẽ nâng lên khoảng 70; tiếp tục đẩy mạnh nhóm giải pháp về KH&CN, sở hữu trí tuệ.

Liên quan đến Chính phủ điện tử, Phó Thủ tướng Chính phủ cho biết Nghị quyết 19 đặt mục tiêu nâng thứ hạng từ 74 lên 60, trong đó chú trọng cải thiện nguồn nhân lực và hạ tầng viễn thông, vốn chỉ tốt so với yêu cầu cũ, để đáp ứng yêu cầu, khả năng tận dụng cơ hội từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Về tổ chức thực hiện Nghị quyết, Phó Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh: Với trách nhiệm được giao làm đầu mối, các Bộ: KH&ĐT (cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh), KH&CN (đổi mới sáng tạo), Thông tin và Truyền thông (thực hiện Chính phủ điện tử) phải có tập huấn phổ biến sâu cho sở, ngành bên dưới để cùng vào cuộc. Các bộ, ngành cố gắng sửa thông tư, quy định nhưng quan trọng nhất là thực thi của địa phương bởi "ra văn bản nhưng không nghiêm túc vào cuộc thì rất khó".

Bên cạnh đó, cần tăng cường cơ chế, giám sát, đánh giá độc lập; huy động các hiệp hội, DN, chuyên gia, nhà khoa học... tổ chức các đoàn giám sát thực tế, hội nghị đối thoại với DN, đặc biệt tăng cường đầu mối tiếp nhận kiến nghị của DN của Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Bộ KH&ĐT.

"Ở đây có câu chuyện rất thật là DN có nhiều bức xúc nhưng ngại kiến nghị, phản ánh vì sợ lộ danh tính, bị định kiến của cán bộ tại chỗ. Vì vậy cần có cơ chế để tiếp thu kiến nghị nhưng giữ kín danh tính của DN ở bên dưới", Phó Thủ tướng Chính phủ nói.

Việc thực hiện Nghị quyết cần có cơ chế đánh giá thường niên kết hợp với việc thực hiện chương trình phát triển bền vững, Báo cáo Việt Nam 2035.

Trong Nghị quyết 19 nếu chúng ta để ý và thực hiện tốt thì luôn gắn sát với những điểm mà Thủ tướng Chính phủ đã nhiều lần nhấn mạnh, chỉ đạo. Cụ thể như để thực hiện thông điệp phát triển

mạnh mẽ DN, phấn đấu có 1 triệu DN vào năm 2020 và nâng tỷ lệ DN khởi nghiệp sáng tạo từ 0,5% hiện nay lên 5-10% tổng số DN, thì tất cả các thủ tục liên quan đến khởi sự DN chúng ta sẽ quyết tâm làm, đồng thời xây dựng cơ chế hỗ trợ tối đa về hạ tầng công nghệ, băng thông, thành lập các quỹ đầu tư mạo hiểm, tạo lập hệ sinh thái cho DN khởi nghiệp sáng tạo...

Trong việc chuẩn bị sẵn sàng tận dụng thời cơ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Nghị quyết nhấn mạnh tất các chỉ tiêu về năng lực sáng tạo, Chính phủ điện tử.

Việc xây dựng Chính phủ hành động, Nghị quyết giao rất rõ 250 chỉ tiêu và công khai, minh bạch là con đường tốt nhất để xây dựng Chính phủ liêm chính, trách nhiệm được chỉ rõ, kỷ cương phải tăng cường.

Không chỉ về KHCN mà trong điều hành phải tạo được sự thi đua sáng tạo trong toàn xã hội.

Nghị quyết thực hiện tốt thì Việt Nam sẽ xếp thứ hạng cao, chắc chắn kinh tế sẽ phát triển nhanh hơn", Phó Thủ tướng Chính phủ nói.

Nguồn: baochinhphu.vn

SÁP NHẬP QUẬN, BỘ MÁY CHÍNH QUYỀN TINH GỌN, HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ HƠN

Đi ngược với xu hướng chia tách với lý do đô thị hóa để tăng thêm bộ máy và biên chế ở một số địa phương thời gian qua, mới đây, Thành phố Hồ Chí Minh lại có đề xuất sáp nhập một số đơn vị hành chính như phường và quận, để giảm biên chế.

Đề xuất này được Phó Giám đốc Sở Nội vụ Đỗ Văn Đạo đưa ra tại buổi làm việc của Bí thư Thành ủy Đinh La Thăng với Quận ủy Bình Tân, chiều 23/12/2016. Công việc khó khăn, nhạy cảm này có thể động chạm đến lợi ích của một bộ phận cán bộ nhưng lại nhận được sự đồng thuận của nhiều chuyên gia và cơ quan quản lý nhà nước.

Thứ trưởng Bộ Nội vụ Trần Anh Tuấn

Ủng hộ quan điểm sáp nhập, Thứ trưởng Bộ Nội vụ Trần Anh Tuấn cho biết việc sáp nhập sẽ góp phần tinh gọn bộ máy, đảm bảo tinh giản biên chế tốt hơn, giảm bớt chi tiêu không cần thiết khi bộ máy cồng kềnh để tiết kiệm ngân sách nhà nước. Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, các địa phương đang đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách công vụ, công chức, xây dựng chính quyền điện tử, hình thành những mô hình trung tâm hành chính công thuộc UBND quận (huyện) để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong giải quyết thủ tục hành chính, vì vậy, việc sáp nhập sẽ không ảnh hưởng đến quá trình này.

"Tôi tin việc sáp nhập sẽ đảm bảo hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương hiệu quả hơn, tinh giản biên chế, đưa những người không làm được việc ra để giữ lại những người làm việc tốt", Thứ trưởng Tuấn nói.

Triển khai Luật chính quyền địa phương, vừa qua, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 1211 về tiêu chuẩn phân loại đơn vị hành chính. Trong đó, quy định rõ các tiêu chí để phân loại các đơn vị hành chính. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để đảm bảo cho việc sáp nhập đơn vị hành chính quận, huyện. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra được dư luận xã hội quan tâm và cũng là nguyên nhân khiến một bộ phận không đồng tình với đề xuất sáp nhập quận, phường này là sắp xếp cán bộ dôi dư.

Nêu quan điểm của mình, Thứ trưởng Trần Anh Tuấn cho rằng số cán bộ dôi dư sẽ được sắp xếp, phân loại theo tinh thần Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Theo đó, ai không đáp ứng yêu cầu công việc thì tạo điều kiện để họ tìm công việc mới. Những người đáp ứng yêu cầu công việc được giữ lại và thu hút thêm người có năng lực. Ông cho rằng không nên nghi ngại việc sáp nhập. Trên cơ sở khi sáp nhập, quận, huyện phải xác định vị trí việc làm cho từng người trong đơn vị, bố trí người vào vị trí phù hợp, phân công nhiệm vụ rõ ràng, rành mạch cùng với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để công việc "chạy" hiệu quả hơn.

Theo Thứ trưởng Trần Anh Tuấn, các đơn vị hành chính, cơ quan sự nghiệp cấp quận huyện, xã phường nói chung, nếu có thể sáp nhập, đảm bảo sự tinh gọn, đảm bảo phục vụ nhân dân tốt hơn, không cần đến bộ máy cồng kềnh, nhiều biên chế thì nên thực hiện. Một số địa phương, một số người vì cục bộ, lợi ích cá nhân thích tách ra để thêm biên chế, vị trí, thêm ghế, nhưng nhìn về yêu cầu xây dựng cơ quan hành chính nhà nước, phục vụ nhân dân tốt hơn thì nên ủng hộ việc sáp nhập, Thứ trưởng Tuấn bày tỏ./.

Nguồn: dangcongsan.vn

HỘI NGHỊ TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2016, TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ NĂM 2016 NGÀNH NỘI VỤ

Chiều ngày 26/12/2016, tại Hà Nội, Bộ Nội vụ tổ chức Hội nghị trực tuyến tổng kết công tác năm 2016, triển khai nhiệm vụ năm 2017 ngành Nội vụ.

Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị

Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình đã tới dự và phát biểu chỉ đạo Hội nghị.

Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Lê Vĩnh Tân phát biểu tại Hội nghị

Phát biểu khai mạc Hội nghị, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Lê Vĩnh Tân khẳng định, năm 2016 là năm diễn ra rất nhiều sự kiện chính trị đặc biệt quan trọng của đất nước. Bộ Nội vụ, ngành Nội vụ được Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tin tưởng giao nhiều nhiệm vụ quan trọng; trong đó có nhiệm vụ được giao theo chương trình, kế hoạch từ đầu năm và nhiều nhiệm vụ

đột xuất, phát sinh trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Với quyết tâm chính trị của tập thể lãnh đạo Bộ, lãnh đạo các đơn vị trong ngành Nội vụ, cùng với tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, nỗ lực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, Bộ Nội vụ đã cơ bản hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Kết quả trên đã thể hiện được sự tiến bộ của ngành Nội vụ nói chung, các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Nội vụ, các Vụ (Ban) Tổ chức cán bộ các bộ, ngành Trung ương đến Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ các địa phương nói riêng, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong năm 2016.

Theo Báo cáo Kết quả công tác năm 2016 và Phương hướng nhiệm vụ năm 2017 của ngành Nội vụ được Thứ trưởng Bộ Nội vụ Trần Anh Tuấn trình bày tại Hội nghị:

Nhìn chung trong năm 2016, Bộ Nội vụ, ngành Nội vụ luôn bám sát định hướng, quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân (HĐND), Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh để chủ động triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Công tác xây dựng thể chế, chính sách thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, ngành Nội vụ được tập trung chỉ đạo quyết liệt, bảo đảm tiến độ và chất lượng. Đã làm tốt nhiệm vụ giúp Chính phủ và Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử ở các địa phương tổ chức thành công bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Việc triển khai Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương đã góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các cơ quan hành chính nhà nước từ Trung ương đến địa phương. Việc phân cấp trung ương - địa phương tiếp tục được đẩy mạnh, kết hợp với ủy quyền và phân công; quản lý biên chế và giao biên chế năm sau được giao sớm để các Bộ, ngành và địa phương chủ động phân bổ và thực hiện; cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tiếp tục được đẩy mạnh trong các đơn vị sự nghiệp. Công tác cải cách hành chính (CCHC) được tiến hành đồng bộ và có những chuyển biến tích cực; công tác chỉ đạo, điều hành CCHC được triển khai mạnh mẽ, quyết liệt từ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành đến các địa phương; việc cải cách thể chế có chuyển biến tích cực, đã cơ bản hoàn thành việc ban hành các nghị định quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh, góp phần thúc đẩy sản xuất, kinh doanh; việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin đã thúc đẩy tiến trình xây dựng Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công ở các lĩnh vực trọng tâm như thuế, hải quan, đăng ký doanh nghiệp, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; Cơ chế một cửa tiếp tục được duy trì, mở rộng, nâng cao chất lượng.

Đã hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm về cải cách chế độ công vụ, công chức; việc xây dựng vị trí việc làm và hệ thống tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cơ bản đã hoàn thành; chế độ đánh giá, phân loại công chức, viên chức hàng năm được tiếp tục hoàn thiện cùng với đổi mới phương thức tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức; có quy định cụ thể về chính sách thu hút, phát hiện, trọng dụng và đãi ngộ người có tài năng trong hoạt động công vụ;...

Cải cách tiền lương và các chế độ, chính sách khác đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tiếp tục được quan tâm theo lộ trình và điều kiện của đất nước. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng được

chú trọng theo hướng nâng cao chất lượng, gắn với biên soạn chương trình, tài liệu. Các khóa bồi dưỡng cán bộ, công chức ở nước ngoài được tổ chức hiệu quả, chất lượng, góp phần nâng cao năng lực, hiệu quả thực thi công vụ và hội nhập quốc tế cho cán bộ, công chức.

Công tác thi đua khen thưởng có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2016 và Kế hoạch 5 năm 2016 - 2020. Luật Tín ngưỡng, tôn giáo đã được Quốc hội thông qua, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân ngày càng được thực hiện và đảm bảo tốt hơn.

Lĩnh vực văn thư, lưu trữ cơ bản đạt được kết quả tốt: Bảo quản an toàn và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ quốc gia; quản lý nhà nước về hội và tổ chức phi chính phủ được thực hiện chặt chẽ hiệu quả, bảo đảm công dân thực hiện quyền lập hội thuận lợi; tổ chức, bộ máy làm công tác thanh niên được kiện toàn, đảm bảo yêu cầu quản lý nhà nước; công tác phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, công tác cán bộ nữ và bình đẳng giới, công tác dân vận, dân chủ tiếp tục phát huy hiệu lực, hiệu quả. Việc trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND và kiến nghị của cử tri được thực hiện nghiêm túc, theo quy định.

Bên cạnh đó, trong năm qua Bộ Nội vụ và ngành Nội vụ đã chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan; từng bước phấn đấu theo hướng "Chính phủ điện tử", "Chính quyền điện tử". Mạng lưới kết nối thông tin giữa các cơ quan đang ngày càng mở rộng, hình thành cơ sở dữ liệu chung trong nhiều lĩnh vực quản lý.

Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị, thay mặt Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình nhiệt liệt biểu dương, đánh giá cao các kết quả và thành tích của Bộ, ngành Nội vụ, tinh thần sự nỗ lực công tác, vượt mọi khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ của toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của Bộ, ngành Nội vụ trong năm 2016.

Đối với nhiệm vụ công tác năm 2017, Phó Thủ tướng đề nghị Bộ Nội vụ và ngành Nội vụ thực hiện tốt các nội dung sau:

Một là, tiếp tục tập trung công tác xây dựng thể chế, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong các lĩnh vực mà Bộ, ngành Nội vụ được phân công, phấn đấu xây dựng hệ thống thể chế đồng bộ, thống nhất. Trước mắt, Bộ Nội vụ cần kịp thời hoàn thiện các Dự án Luật, Pháp lệnh và các đề án trong Chương trình công tác của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ. Trong đó, đặc biệt chú ý Đề án tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (sẽ trình Hội nghị Trung ương 6 vào tháng 10/2017); giúp Chính phủ tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TW ngày 01/8/2007 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước. Khẩn trương hoàn thiện Dự thảo Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 Khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ, trình Thủ tướng ký ban hành. Đồng thời, trình

Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành pháp luật, bảo đảm chất lượng, tiến độ, chấm dứt tình trạng "nợ" văn bản.

Hai là, về công tác cải cách hành chính, Bộ Nội vụ tiếp tục đôn đốc, kiểm tra, đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước. Phát huy vai trò là cơ quan thường trực về cải cách hành chính, Bộ Nội vụ cần tích cực phối hợp với các Bộ, ngành liên quan làm tốt công tác tham mưu, tăng cường công tác ứng dụng công nghệ thông tin tạo ra các giải pháp thông minh có hiệu quả, đột phá giúp Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ trong việc xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả, thông suốt từ Trung ương đến địa phương. Tiếp tục phát huy vai trò trong tổ chức triển khai Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2 (2016 - 2020) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016; tham mưu, đề xuất các chủ trương, chính sách và giải pháp để đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước, trong đó chú trọng cải cách chính sách tiền lương và chất lượng dịch vụ hành chính, chất lượng dịch vụ công.

Ba là, về cán bộ, công chức, công vụ, tiền lương, tiếp tục xây dựng, hoàn thiện thể chế về tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức, bảo đảm đồng bộ giữa quy định của đảng và pháp luật của nhà nước, nhất là công tác quy hoạch, bổ nhiệm, đánh giá, kỷ luật; rà soát những vướng mắc trong công tác tuyển dụng, sử dụng, thi nâng ngạch, quản lý công chức, viên chức để có giải pháp khắc phục. Trong lĩnh vực tuyển chọn công chức, viên chức, cần công khai tiêu chí, tiêu chuẩn, minh bạch để ứng viên cạnh tranh với khả năng thực sự, đáp ứng yêu cầu tuyển dụng; rà soát sửa đổi ngay các thủ tục, quy trình bất hợp lý, sớm xóa bỏ tình trạng chạy chọt, tuyển dụng và bổ nhiệm người nhà. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công vụ, giải quyết dứt điểm các vụ việc nổi cộm được dư luận xã hội quan tâm. Không để tình trạng bổ nhiệm cán bộ vào các chức vụ lãnh đạo "đúng quy trình" nhưng thực tế là cán bộ không đủ tiêu chuẩn, điều kiện, vi phạm phẩm chất đạo đức, có sai phạm hoặc vi phạm pháp luật.

Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý biên chếtriển khai thực hiện tốt Nghị quyết của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện tinh giản biên chế đồng bộ với các giải pháp khác. Cần chấn chỉnh ngay từ khâu tuyển dụng đến đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức, kiên quyết sàng lọc, miễn nhiệm, thay thế đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc kém hiệu quả, không hoàn thành nhiệm vụ Nghiên cứu, kịp thời tham mưu các giải pháp để khắc phục hạn chế, bất cập trong việc thực hiện cơ chế tiền lương, phụ cấp; xây dựng và hoàn thiện Đề án tiền lương phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực của nhà nước.

Bốn là, về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương và cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân, phù hợp với chủ trương tinh giản biên chế, bộ máy. Đẩy nhanh tiến độ thẩm định các Dự thảo Nghị định về tổ chức các bộ (theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các Nghị định phải ban hành trong Tháng 10, Tháng 11 năm 2016 nhưng đến nay

mới có Nghị định về tổ chức của Văn phòng Chính phủ đã ban hành và 05 cơ quan đã trình), đề xuất chính kiến rõ ràng về cơ cấu tổ chức, phương án phân định thẩm quyền giữa các cơ quan (về chất thải, phân bón, tài nguyên nước, đa dạng sinh học…).

Tập trung rà soát, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các văn bản sửa đổi các quy định về tổ chức bộ máy, biên chế trong các luật hiện hành không thuộc lĩnh vực tổ chức nhà nước theo đúng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị. Quán triệt việc không quy định thành lập tổ chức vào các luật chuyên ngành; cần có ý kiến rõ ràng tại văn bản góp ý hoặc thẩm định. Theo dõi, cập nhật tình hình hoạt động của các tổ chức phối hợp liên ngành, đề xuất sắp xếp lại hoặc giải thể các tổ chức phối hợp liên ngành không hoạt động, hoặc đã hoàn thành nhiệm vụ. Nghiên cứu, đổi mới hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập. Phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan xây dựng Đề án về cơ chế tài chính, hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập. Thực hiện tốt công tác quản lý hành chính nhà nước về địa giới hành chính, giải quyết triệt để các điểm tranh chấp địa giới cấp tỉnh.

Đối với Bộ Nội vụ, cần gương mẫu rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Bộ để sắp xếp phù hợp với yêu cầu tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị; xem xét kỹ chức năng, nhiệm vụ của từng cơ sở đào tạo để xắp xếp lại, trách chồng chéo; khẩn trương nghiên cứu sắp xếp tổ chức bộ máy Học viện Hành chính Quốc gia theo hướng thu gọn hợp lý các đơn vị đầu mối trực thuộc; tăng cường năng lực thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo xây dựng Học viện thành một trung tâm đào tạo cán bộ , công chức hàng đầu của quốc gia, ngang tầm khu vực.

Năm là, quản lý nhà nước đối với Hội; lĩnh vực tôn giáo; công tác thi đua khen thưởng; văn thư lưu trữ và công tác thanh niên.

- Tiếp tục hoàn thiện dự án Luật về hội để trình Quốc hội. Trước mắt, trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 45/2010/NĐ-CP về tổ chức, hoạt động và quản lý đối với hội; bảo đảm không tăng biên chế các hội (theo dự kiến, Ban cán sự đảng Chính phủ sẽ nghe vấn đề này). Cần chú ý nghiên cứu xây dựng Đề án liên quan đến các tổ chức phi chính phủ (NGO), phù hợp với điều kiện kinh tế, phong tục truyền thống, đặc thù văn hóa, thể chế chính trị của nước ta.

- Khẩn trương xây dựng, trình Chính phủ ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo; quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về chính sách đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết các tôn giáo, đoàn kết lương giáo và thực hiện nhất quán chính sách tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng, nhà nước ta; tăng cường đối thoại, tranh thủ các chức sắc, người có uy tín trong tôn giáo vận động các phong trào xây dựng nông thôn mới, đô thị văn hóa, chăm lo phát triển kinh tế xã hội, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân, nhất là vùng đồng bào tôn giáo; bên cạnh đó, kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, trục lợi, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối an ninh trật tự, lợi dụng chống phá Nhà nước.

- Tiếp tục rà soát, đánh giá, sửa đổi các quy định pháp luật về thi đua, khen thưởng; bảo đảm tính đồng nhất, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và đơn giản hóa thủ tục khen thưởng; tập trung chỉ đạo tạo sự chuyển biến rõ nét để nâng cao chất lượng công tác khen thưởng, trong đó khắc phục tình trạng "nặng trên, nhẹ dưới" chỉ khen thưởng nhiều cho cán bộ lãnh đạo; chú trọng việc khen thưởng cho các đơn vị cơ sở, công chức, viên chức, chiến sỹ, công nhân, nông dân, người lao động trực tiếp, khen thưởng xứng đáng cho các tập thể, cá nhân có thành tích thực sự; không để tình trạng khen thưởng cho các tập thể, cá nhân sai phạm, vi phạm pháp luật vẫn được đề xuất khen thưởng dưới mọi hình thức.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác văn thư-lưu trữ; bảo quản kho lưu trữ khoa học, hiện đại; tổ chức tốt việc khai thác, thu thập tư liệu lịch sử.

- Hoàn thiện Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thanh niên, trình Chính phủ.

Sáu là, đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học, trong đó lưu ý đào tạo cán bộ quản lý, lãnh đạo có trình độ chuyên môn cao ngang tầm khu vực, tập trung nghiên cứu sâu, chú trọng tính ứng dụng, kịp thời, thiết thực, phục vụ quản lý nhà nước của công tác nghiên cứu khoa học.

Bẩy là, Việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII tại Bộ Nội Vụ phải gắn chặt với việc thực hiện Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Làm tốt công tác chính trị, tư tưởng, bảo đảm đoàn kết nội bộ và đề cao kỷ cương, kỷ luật hành chính trong hoạt động công vụ. Thực hiện đồng bộ các giải pháp về phòng chống tham nhũng, lãng phí; thực hiện công khai, minh bạch, đề cao trách nhiệm giải trình thực thi công vụ trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước và trách nhiệm của người đứng đầu.

Nguồn: Anh Cao-Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

HỘI THẢO CHIA SẺ KINH NGHIỆM TRONG THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Sáng ngày 23/12/2016, Ban Quản lý Dự án cải cách hành chính Bộ Nội vụ (CCHC) đã tổ chức Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm trong thực hiện cải cách hành chính.

Thứ trưởng Bộ Nội vụ Nguyễn Duy Thăng chủ trì và phát biểu khai mạc Hội thảo.

Hội thảo có sự tham dự của ông Phạm Minh Hùng, Vụ trưởng Vụ Cải cách hành chính, Giám đốc Ban Quản lý Dự án CCHC Bộ Nội vụ; ông Thái Quang Toản, Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Biên chế; ông Trần Huy Liệu, Phó Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Hà Tĩnh; bà Phan Thị Tố Hoa, Phó Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Hà Tĩnh; ông Nguyễn Văn Nghĩa, Phó Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Bắc Giang; ông Phạm Việt Trung, nguyên Giám đốc Sở Nội vụ thành phố Cần Thơ - Giám đốc Ban Quản lý Dự án CCHC thành phố Cần Thơ; ông Trần Trung Sơn, Quản đốc Ban Quản lý Dự án CCHC thành phố Đà Nẵng; cùng đại diện Chương trình phát triển Liên Hợp quốc (UNDP), cán bộ các Ban Quản lý Dự án CCHC các tỉnh, thành phố Bắc Giang, Cần Thơ, Đà Nẵng, Hà Tĩnh và đại diện lãnh đạo, công chức của 20 Sở Nội vụ khu vực phía Bắc.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Thứ trưởng Bộ Nội vụ Nguyễn Duy Thăng khẳng định, các sản phẩm của Dự án là một kênh đóng góp rất quan trọng trong tiến trình CCHC. Bộ Nội vụ đã được Chính phủ giao trọng trách Thường trực Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ, và vai trò của Dự án là hỗ trợ kỹ thuật, kết nối, tài liệu hóa và chia sẻ các kinh nghiệm hay tới các địa phương, và đây chính là một kênh thông tin tốt để làm tốt nhiệm vụ CCHC. Thứ trưởng cũng cho biết thêm Bộ Nội vụ đang tiến hành sửa đổi Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ về Quy định vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập trình Chính phủ, trong đó Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9/2016 số 89/NQ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ đã quy định việc phân cấp về thẩm quyền phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập. Ngoài ra, Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ

chức cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh cũng đang được sửa đổi quy định việc thành lập sở, phòng….

Thứ trưởng đánh giá cao Ban Quản lý Dự án CCHC Bộ Nội vụ đã chuẩn bị tốt hội nghị, tài liệu chia sẻ đầy đủ, đa dạng và hữu ích; bên cạnh đó, Thứ trưởng đánh giá cao sự hỗ trợ của Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc (UNDP), đã nhiệt tình đóng góp cho sự phát triển của nền CCHC Việt Nam.

Tại Hội thảo, ông Phạm Minh Hùng, Vụ trưởng Vụ Cải cách hành chính, Giám đốc Ban Quản lý Dự án CCHC Bộ Nội vụ cho rằng: Hội thảo được tổ chức nhằm chia sẻ kinh nghiệm trong thực hiện CCHC, chia sẻ những bài học trong quá trình thực hiện dự án và các sản phẩm/kết quả chính của nhóm 5 Dự án CCHC, trong đó tập trung vào các lĩnh vực: Tuyển dụng và đào tạo cán bộ, công chức, viên chức; thí điểm mô hình một cửa, một cửa liên thông tập trung trực thuộc UBND cấp tỉnh; áp dụng phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức; phần mềm một cửa/một cửa liên thông và phương pháp xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức… của một số địa phương ngoài nhóm các địa phương thực hiện Dự án

Kinh nghiệm và kết quả/sản phẩm của Dự án CCHC Bộ Nội vụ được chia sẻ tại Hội thảo, cụ thể:

Tổng quan về các Dự án CCHC: (1) Dự án CCHC Bộ Nội vụ được xây dựng cùng với 4 dự án tăng cường tác động của CCHC ở 4 địa phương Bắc Giang, Cần Thơ, Đà Nẵng và Hà Tĩnh. Trong đó, Mục tiêu của các Dự án địa phương là nâng cao chất lượng đội ngũ công chức và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công cho người dân và tổ chức thông qua cơ chế một cửa/một cửa liên thông. Mục tiêu của Dự án CCHC Bộ Nội vụ là hỗ trợ kỹ thuật cho các Dự án địa phương, tài liệu hóa và chia sẻ, nhân rộng các sản phẩm của các Dự án địa phương. (2) Các Dự án CCHC địa phương và Dự án CCHC Bộ Nội vụ kết thúc hoạt động vào cuối năm 2016, riêng Dự án CCHC Đà Nẵng được gia hạn đến giữa năm 2017 do có thêm nguồn tài trợ để thực hiện một hoạt động mới.

Kết quả thực hiện của các Dự án CCHC: Các Dự án địa phương và Dự án CCHC Bộ Nội vụ đều thực hiện tốt kế hoạch và đạt được kết quả như trong Đề cương chi tiết (DPO) đề ra.

Hiệu quả của các Dự án CCHC: (1) Các kết quả đầu ra và kết quả đạt được của nhóm Dự án CCHC đã có tác động lớn và góp phần tích cực vào thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của địa phương. (2) Những thay đổi mà các Dự án hướng tới là nhằm tạo sự chuyển biến mang tính bứt phá về chất lượng và hiệu quả hoạt động của đội ngũ công chức ở địa phương thông qua việc thay đổi từ sử dụng, quản lý, đánh giá, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho CBCCV. Tương tự như vậy là tạo ra sự chuyển biến trong cơ chế, phương thức cung cấp dịch vụ công. (3) Những thay đổi này góp phần cải thiện môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh ở Bắc Giang, Cần Thơ, Đà Nẵng và Hà Tĩnh và được phản ánh thông qua các chỉ số như PCI, PAR Index… trong thời gian qua.

Các sản phẩm của các Dự án CCHC được chia sẻ

(1) Sổ tay hướng dẫn xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức.

Nội dung của cuốn Sổ tay: Cung cấp một quy trình chi tiết từng bước nhằm hỗ trợ các tổ chức, cơ quan hành chính thực hiện phân tích công việc và xác định vị trí việc làm một cách khách quan thông qua việc đưa ra các hướng dẫn (phương pháp, quy trình, và công cụ) rõ ràng, thực tế và chi tiết, với các ví dụ cụ thể về quá trình xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức trong các cơ quan hành chính Tỉnh Bắc Giang.

(2) Hướng dẫn thẩm định VTVL: i) Nội dung và phương pháp thẩm định đề án VTVL; ii) Các bước triển khai thẩm định đề án VTVL.

(3) Bộ tài liệu bồi dưỡng 4 vị trí, chức danh của tỉnh Bắc Giang bao gồm: Tài liệu bồi dưỡng kỹ năng cho lãnh đạo cấp sở; tài liệu bồi dưỡng kỹ năng cho lãnh đạo UBND cấp huyện; tài liệu bồi dưỡng kỹ năng cho lãnh đạo phòng cấp huyện; tài liệu bồi dưỡng kỹ năng cho lãnh đạo UBND cấp xã;

(4) Bộ Tài liệu bồi dưỡng dành cho công chức làm công tác cải cách hành chính. Bộ Tài liệu này gồm 02 chương trình: 1) dành cho công chức làm công tác cải cách hành chính và 2) dành cho công chức lãnh đạo, quản lý công tác cải cách hành chính.

(5) Bộ Tài liệu bồi dưỡng công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông.

(6) Ứng dụng CNTT trong CCHC: tập hợp các sáng kiến của các Dự án CCHC các tỉnh vào thực hiện CCHC như xây dựng và áp dụng phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức, phần mềm một cửa/một cửa liên thông, phần mềm dùng chung cho các phòng, ban chuyên môn cấp huyện...

(7) Kinh nghiệm triển khai CCHC của thành phố Đà Nẵng:

- Tuyển dụng công chức, viên chức theo nguyên tắc cạnh tranh, thực tài.

- Khảo sát mức độ hài lòng của người dân, tổ chức

(8) Quyết định số 4223/QĐ-BNV ngày 30 tháng 11 năm 2016 ban hành Danh mục chuẩn thông tin và Quy định kỹ thuật về dữ liệu dùng cho phần mềm, cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức, viên chức cấp xã.

Tại Hội thảo các tham luận chia sẻ kinh nghiệm và kết quả/sản phẩm của đại diện các tỉnh Bắc Giang, Hải Phòng, Đà Nẵng, Nam Định, Cần Thơ, Hà Tĩnh, Hà Nội, Quảng Ninh và Trung tâm Thông tin Bộ Nội vụ.

Kết luận Hội thảo, ông Phạm Minh Hùng, Vụ trưởng Vụ Cải cách hành chính, Giám đốc Ban Quản lý Dự án CCHC Bộ Nội vụ đánh giá cao sự tham gia, chia sẻ kinh nghiệm cải cách hành chính của các địa phương (cả những địa phương trong nhóm dự án và các địa phương được mời tham gia: Hải Phòng, Nam Định, Vĩnh Phúc, Quảng Ninh,…). Những kết quả của các Dự án CCHC được áp dụng thành công tại 4 địa phương Bắc Giang, Hà Tĩnh, Đà Nẵng và Cần Thơ đã giúp đẩy mạnh CCHC, tập trung vào các trọng tâm của cải cách hành chính ở Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020, bao gồm: Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công do các cơ quan hành chính nhà nước cung cấp thông qua triển khai cơ chế một cửa,

một cửa liên thông và hiện đại hóa nền hành chính. Do vậy, trong quá trình triển khai, ứng dụng các kết quả đạt được từ dự án, các địa phương cần chủ động chia sẻ, hợp tác và sử dụng nguồn lực của địa phương để tiếp tục chỉnh sửa, cập nhật để các sản phẩm/kết quả này có tính bền vững, phục vụ hiệu quả cho quá trình cải cách hành chính tại địa phương. Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục phối hợp với các địa phương triển khai, theo dõi, đánh giá để phát huy tối đa các kết quả của nhóm 5 Dự án CCHC đã đạt được; sẽ giới thiệu, chia sẻ các sản phẩm của nhóm dự án để các địa phương khác trong cả nước có thể tiếp cận, nghiên cứu, tham khảo, vận dụng phù hợp với điều kiện thực tế của mình. Với vai trò là cơ quan thường trực cải cách hành chính của Chính phủ, Bộ Nội vụ sẽ phối hợp với các bộ, ngành, địa phương triển khai, phát hiện, tổng kết những mô hình, giải pháp hay trong cải cách hành chính để chia sẻ, nhân rộng; trong quá trình đó, Bộ sẽ tiếp tục tăng cường đối thoại chính sách nhằm tận dụng tối đa nguồn lực, kinh nghiệm của các đối tác trong và ngoài nước để thực hiện thành công các mục tiêu cải cách hành chính trong giai đoạn tới. Đồng thời, đề nghị UNDP, các nhà tài trợ quốc tế tiếp tục hỗ trợ Bộ Nội vụ và các địa phương về kinh phí để thực hiện công tác CCHC trong thời gian tới./.

Minh Nguyên - Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ

BỘ CÔNG THƯƠNG COI CẢI CÁCH BỘ MÁY LÀ SỰ KIỆN NỔI BẬT

Bộ Công Thương vừa công bố 10 sự kiện nổi bật của ngành trong năm 2016, trong đó có việc đẩy mạnh cải cách bộ máy và đột phá cải cách hành chính là 2 sự kiện kiện nổi bật trong việc thực hiện công tác cải cách hành chính của toàn ngành.

Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc gắn Huân chương Hồ Chí Minh lên cờ lưu niệm của ngành Công Thương

1/ Đẩy mạnh việc kiện toàn công tác cán bộ và triển khai xây dựng cơ cấu tổ chức mới nhằm khắc phục các vấn đề đã được Ủy ban Kiểm tra Trung ương kết luận.

Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định thông qua phương án kiện toàn và tái cấu trúc nhân sự. Phương án xây dựng cơ cấu tổ chức Bộ Công Thương nhiệm kỳ 2016-2020 theo hướng giảm từ 35 đầu mối xuống còn 28 đầu mối.

Bộ trưởng Trần Tuấn Anh cho biết thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ sẽ trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương (thay thế Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012).

Sau khi Chính phủ ban hành Nghị định mới quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, Bộ sẽ thực hiện sắp xếp lại nhân sự theo tổ chức bộ máy mới. Dự kiến việc này sẽ hoàn thành trong đầu quý I/2017.

2/ Đột phá trong công tác cải cách hành chính: Cổng dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ online.moit.gov.vn vận hành; bãi bỏ và đơn giản hóa nhiều thủ tục hành chính.

Đây được coi là cuộc "cải cách chưa từng có" của ngành công thương trong năm vừa qua. Theo đó, Bộ trưởng Bộ Công Thương Trần Tuấn Anh đã ký quyết định phê duyệt phương án tổng thể đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước năm 2017.

Nguồn: baochinhphu.vn

BỘ CÔNG THƯƠNG THU HỒI HÀNG LOẠT QUYẾT ĐỊNH BỔ NHIỆM CÁN BỘ SAI

Ngày 28/12/2016, Bộ Công thương thông tin cho biết, căn cứ Thông báo số 138-TB/UBKTTW ngày 27/10/2016 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương; thực hiện ý kiến chỉ đạo của Tổng Bí thư và ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc xử lý một số trường hợp được bổ nhiệm không đúng quy định, Ban cán sự đảng Bộ Công Thương đã chỉ đạo các đơn vị chức năng của bộ triển khai rà soát và thống nhất ban hành Nghị quyết xử lý một số trường hợp cán bộ được bổ nhiệm không đúng quy định nêu tại kết luận của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Theo đó, Ban cán sự đảng Bộ Công Thương đã báo cáo Ban Tổ chức Trung ương đưa 3 trường hợp Trịnh Xuân Thanh, Nguyễn Xuân Sơn và Võ Thanh Hà ra khỏi quy hoạch chức danh Thứ trưởng Bộ Công Thương giai đoạn 2016-2021. Ban cán sự đảng Bộ Công Thương yêu cầu Bộ trưởng Bộ Công Thương thu hồi các quyết định tiếp nhận, bổ nhiệm, điều động cán bộ không đúng quy định. Trong đó, đối với trường hợp của ông Trịnh Xuân Thanh, thu hồi quyết định tiếp nhận và bổ nhiệm chức vụ Phó Chánh Văn phòng Bộ Công thương, Trưởng đại diện Văn phòng Bộ Công Thương tại TP Đà Nẵng; quyết định bổ nhiệm chức vụ Vụ trưởng, Chánh Văn phòng Ban cán sự đảng, Thường trực Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Bộ Công thương.

Ban cán sự đảng Bộ Công Thương yêu cầu thu hồi quyết định tiếp nhận và bổ nhiệm đối với ông Trịnh Xuân Thanh

Đối với trường hợp của ông Vũ Quang Hải, thu hồi quyết định bổ nhiệm kiểm soát viên kiêm nhiệm tại Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam; quyết định bổ nhiệm hàm Phó Vụ trưởng; quyết định đồng ý điều động ông Vũ Quang Hải đến nhận công tác tại Tổng Công ty cổ phần Bia - rượu - nước giải khát Sài Gòn (SABECO) và đề cử tham gia Hội đồng quản trị SABECO. Đồng thời, giao bộ phận đại diện phần vốn nhà nước tại SABECO báo cáo Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông SABECO xem xét miễn nhiệm theo trình tự luật định các chức danh ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc SABECO của ông Vũ Quang Hải.

Đối với trường hợp của ông Vũ Đình Duy, thu hồi quyết định tiếp nhận và bổ nhiệm chức vụ Phó Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và môi trường công nghiệp đối với ông Vũ Đình Duy. Đối với trường hợp của bà Vũ Thúy Huệ, thu hồi quyết định điều động và bổ nhiệm bà Vũ Thúy Huệ giữ chức vụ Phó Vụ trưởng Bộ Công thương, đại diện Tổng cục Năng lượng tại TPHCM. Đồng thời, đồng ý để bà Vũ Thúy Huệ được thôi việc theo nguyện vọng cá nhân. Đối với trường hợp ông Võ Thanh Hà, thu hồi quyết định bổ nhiệm chức vụ Chánh Văn phòng Bộ Công Thương đối với ông Võ Thanh Hà. Ban cán sự đảng Bộ Công Thương cũng đã ra nghị quyết hủy bỏ mục 3, phần III, Thông báo số 619-TB-BCSĐ ngày 26-9-2015 của Ban cán sự đảng về việc điều động ông Vũ Hùng Sơn, Giám đốc Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại giữ chức Chánh Văn phòng kiêm thư ký bộ trưởng.

Nguồn: sggp.org.vn

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG: ĐẠT 60% HỒ SƠ NỘP QUA DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN NĂM 2017

Bộ Thông tin và Truyền thông đặt ra ba mục tiêu ứng dụng CNTT năm 2017 gồm: hoàn thiện, nâng cao chất lượng hạ tầng công nghệ thông tin; cung cấp đầy đủ thông tin và dịch vụ công trực tuyến và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nội bộ.

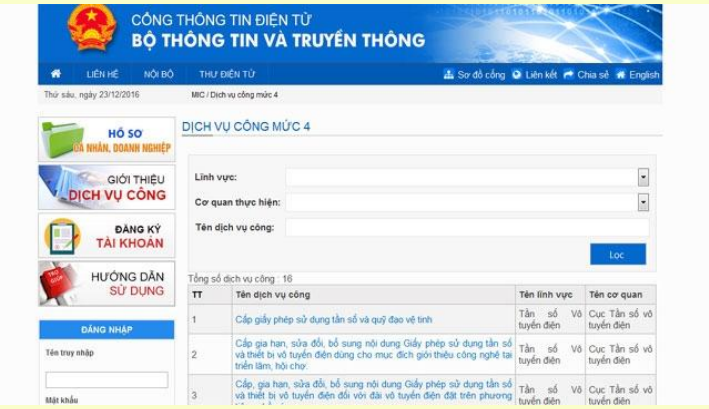

Trang dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông

Đó là nội dung của Quyết định số 2287/QĐ-BTTTT ban hành ngày 21/12/2016 phê duyệt Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Theo đó, trong năm 2017, Bộ đặt mục tiêu cung cấp các dịch vụ công cơ bản trực tuyến mức độ 3 và 4 trên Cổng thông tin điện tử của Bộ với tỷ lệ hồ sơ nộp qua dịch vụ công trực tuyến đạt 60%. Kết nối 100% dịch vụ công liên quan đến thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cho doanh nghiệp với Hệ thống hải quan một cửa quốc gia theo yêu cầu của Tổng cục Hải quan và bảo đảm sẵn sàng về mặt kỹ thuật để thực hiện tích hợp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 của Bộ với Cổng dịch vụ công quốc gia theo yêu cầu của Văn phòng Chính phủ.

Bộ Thông tin và Truyền thông đẩy mạnh tích hợp các hệ thống thông tin dùng chung trong năm 2017, tạo lập môi trường chia sẻ thông tin rộng khắp giữa các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.

Trong việc triển khai ứng dụng CNTT trong hoạt động nội bộ, Bộ sẽ tích hợp các hệ thống thông tin dùng chung (hệ thống thư điện tử, hệ thống quản lý văn bản điều hành, hệ thống thông tin nội bộ), tạo lập môi trường chia sẻ thông tin rộng khắp giữa các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ. Mục tiêu 100% văn bản không mật trình lãnh đạo Bộ và 90% văn bản trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị dưới dạng điện tử; 80% cơ quan, đơn vị thuộc Bộ triển khai quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức trên môi trường mạng. Đồng thời, tiếp tục thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin kết hợp với Hệ thống quản lý chất lượng ISO (ISO điện tử).

Để thực hiện mục tiêu đặt ra, Bộ đã đề ra kế hoạch cụ thể về nâng cao chất lượng hạ tầng CNTT; ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan; ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp; bảo

đảm an toàn thông tin và nâng cao nhận thức, đào tạo nguồn nhân lực, đồng thời ban hành danh mục các nhiệm vụ để thực hiện kế hoạch năm 2017.

Nguồn: nhandan.com.vn

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Ngày 20/12/2016, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Chương trình hành động về công tác cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020. Theo đó, một trong những mục tiêu quan trọng của Chương trình hành động là phấn đấu xây dựng thành công Bộ Thông tin và Truyền thông điện tử vào năm 2020. Bên cạnh đó, Chương trình hành động đã xác định 7 mục tiêu cụ thể, 3 yêu cầu và 02 nhiệm vụ quan trọng đó là: "Nhiệm vụ về cải cách hành chính của Bộ Thông tin và Truyền thông" và "Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020". Trong đó, nhiệm vụ "Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020" được ưu tiên triển khai thực hiện một số nội dung công việc, như: Hoàn thiện hành lang pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn để hỗ trợ phát triển chính phủ điện tử; tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan nhà nước xây dựng, duy trì, triển khai Kiến trúc Chính phủ điện tử (đối với cấp Bộ), Kiến trúc Chính quyền điện tử (đối với cấp tỉnh) để tăng cường khả năng kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan nhà nước hướng tới đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ, nâng cao chất lượng cải cách hành chính; tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị đẩy mạnh hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin để đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả; thực hiện các nhiệm vụ của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020.

Chương trình hành động của Bộ Thông tin và Truyền thông cũng phân công tổ chức thực hiện cụ thể cho các đơn vị thuộc Bộ, bao gồm: Vụ Tổ chức Cán bộ; Vụ Pháp chế; Vụ Kế hoạch – Tài chính; Văn phòng Bộ; Trung Tâm Thông tin; Vụ Khoa học và Công nghệ; Cục Tin học hóa.

Mạnh Cường – Vụ CCHC, Bộ Nội vụ (tổng hợp từ nguồn của Bộ Thông tin và Truyền thông)

TIN ĐỊA PHƯƠNG

HÀ GIANG BAN HÀNH TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHÍNH QUYỀN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

Ngày 19 tháng 12 năm 2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang đã ban hành quyết định số 3164/QĐ-UBND "Ban hành quy định tiêu chí đánh giá, xếp loại chính quyền cơ sở trên địa bàn tỉnh Hà Giang", thay thế Quyết định số 31/QĐ-UB ngày 06 tháng 01 năm 1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định tiêu chuẩn "Chính quyền xã, phường, thị trấn trong sạch, vững mạnh".

Theo đó, bản Quy định này quy định về nguyên tắc, nội dung, tiêu chí, quy trình đánh giá, xếp loại hàng năm đối với chính quyền địa phương ở xã, phường, thị trấn (gọi chung là chính quyền cơ sở) trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Trụ sở chính quyền xã Ngọc Đường, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang

Mục đích nhằm đánh giá chính xác hiệu quả hoạt động của chính quyền xã, phường, thị trấn trong từng năm, làm cơ sở để bình xét khen thưởng; đồng thời, cũng là cơ sở để chính quyền cấp xã có định hướng, mục tiêu, giải pháp thực hiện nhiệm vụ chính trị trong thời gian tiếp theo.

Việc đánh giá, xếp loại chính quyền cơ sở hàng năm được tính theo thang điểm 100, trong đó 90 điểm chấm cho các nội dung theo 05 tiêu chí, 10 điểm thưởng cho các đơn vị có yếu tố, lĩnh vực tiêu biểu, lập thành tích xuất sắc. 05 tiêu chí đánh giá gồm: hoạt động của chính quyền cấp xã (10 điểm); lĩnh vực phát triển kinh tế (30 điểm); lĩnh vực Văn hóa - Xã hội (20 điểm); lĩnh vực Quốc phòng - An ninh (15 điểm); củng cố tổ chức bộ máy chính quyền cơ sở (15 điểm).

Về việc xếp loại xã, phường, thị trấn được quy định như sau:

Xã, phường, thị trấn đạt tổng số điểm từ 90 điểm trở lên được xếp loại "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ".

Xã, phường, thị trấn đạt số điểm từ 70 điểm đến dưới 90 điểm, được xếp loại Khá.

Xã, phường, thị trấn đạt số điểm từ 50 điểm đến dưới 70 điểm, xếp loại Trung bình.

Xã, phường, thị trấn đạt số điểm dưới 50 điểm, xếp loại Yếu.

Xã, phường, thị trấn vi phạm Điều 5 của Quyết định này, xếp loại Kém.

Nhân dân tham gia làm đường giao thông nông thôn trong xây dựng Nông thôn mới

"Điều 5. Không đánh giá đối với xã, phường, thị trấn để xảy ra một trong các vấn đề sau: Không đăng ký xây dựng chính quyền xã, phường, thị trấn trong sạch, vững mạnh hằng năm; không chấp hành đúng về thời gian việc tổ chức đánh giá và nộp hồ sơ đề nghị, theo quy định; tập thể Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân phải chịu hình thức xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên; không giải quyết dứt điểm các khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền, dẫn đến tình trạng bức xúc trong nhân dân, khiếu kiện đông người, kéo dài; một trong các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân bị bãi nhiệm hoặc có số phiếu tín nhiệm thấp với tỷ lệ trên 50% (tính từ thời gian tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đến thời điểm đánh giá, xếp loại, còn đủ 12 tháng trở xuống)".

Quy định này được sử dụng để đánh giá, xếp loại chính quyền các xã, phường, thị trấn từ năm 2016 trở đi./.

Bùi Văn Tuân – Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Hà Giang

HÀ GIANG: TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020

Ngày 20/12/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang đã ban hành Quyết định số 3183/QĐ-UBND về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Giang về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020.

Với mục tiêu tạo bước đột phá về cải cách thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng công vụ; tiếp tục nâng cao chất lượng ban hành văn bản qui phạm pháp luật, hoàn thiện các cơ chế, chính sách; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và cải cách tài chính công nhằm xây dựng nền hành chính thống nhất, thông suốt, trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực, hiệu quả; tạo môi trường kinh

doanh thuận lợi thu hút các nhà đầu tư, khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa phương để phát triển kinh tế- xã hội, thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Giang lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2020.

Chuyển từ "nền hành chính mệnh lệnh" sang "nền hành chính phục vụ"; trong đó, tập trung đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, năng động, trách nhiệm, phục vụ nhân dân; quyết tâm nâng cao chỉ số hài lòng của tổ chức, người dân và doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước; xây dựng tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất, năng lực và tính chuyên nghiệp cao.

Phấn đấu cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) để Hà Giang là một trong những địa phương thuộc nhóm thứ hai (đạt chỉ số từ 80% đến dưới 90%) về thực hiện cải cách hành chính trên bảng xếp hạng hằng năm của cả nước.

Các mục tiêu cụ thể thực hiện trong giai đoạn 2016-2018:

Thể chế hành chính đảm bảo tính thống nhất với quy định của Trung ương và phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh. 100% văn bản quy phạm pháp luật được ban hành bảo đảm theo đúng các quy định về ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương được rà soát, thực hiện đồng bộ, đạt mục tiêu đề ra; bảo đảm việc quản lý, điều phối, sử dụng các nguồn lực một cách thống nhất, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững.

Phân cấp quản lý nhà nước cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã theo Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Đến hết năm 2016, hoàn thành việc rà soát lại toàn bộ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, đồng thời sắp xếp, tinh giản bộ máy trong toàn tỉnh; đảm bảo hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước từ tỉnh tới cơ sở thông suốt, tinh gọn, vững mạnh, hiệu lực, hiệu quả.

Phấn đấu giải quyết 100% hồ sơ thủ tục hành chính đúng hạn. Giảm ít nhất 30% tổng thời gian giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở đơn giản hóa thủ tục hành chính và đổi mới quy trình giải quyết thủ tục hành chính, 30% hồ sơ hành chính giải quyết trước hạn. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính trong quý II, năm 2017. 100% thủ tục hành chính các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh được giải quyết tại Trung tâm hành chính công tỉnh. 10% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến tại mức độ 4; 80% hồ sơ khai thuế của doanh nghiệp được nộp qua mạng; 80% số doanh nghiệp thực hiện nộp thuế qua mạng; 80% cơ quan, tổ chức thực hiện giao dịch điện tử trong việc thực hiện thủ tục tham gia Bảo hiểm xã hội; tỷ lệ cấp đăng ký doanh nghiệp qua mạng đạt 15%; tỷ lệ cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư qua mạng đạt 10%.triển khai phần mềm một cửa điện tử tại 20% xã, phường, thị trấn; 80% văn bản không mật trình ủy ban nhân dân tỉnh dưới dạng điện tử; 75% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử.

Mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính đạt trên 75%; đối với dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cung cấp đạt trên 80% vào năm 2018.

Phấn đấu ít nhất có 60% cơ quan hành chính nhà nước có cơ cấu cán bộ, công chức theo vị trí việc làm.

Các mục tiêu cụ thể thực hiện trong giai đoạn 2018-2020:

Duy trì đạt 100% hồ sơ hành chính được giải quyết đúng hạn, 30% hồ sơ hành chính giải quyết trước hạn; mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính và đối với dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cung cấp đạt tỷ lệ trên 80%.

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh có số lượng, cơ cấu hợp lý, đạt chuẩn trình độ và năng lực thi hành công vụ theo vị trí chức danh. Hệ thống quản lý công vụ của tỉnh được tổ chức theo nguyên tắc lấy năng lực và tính chuyên nghiệp cao làm nền tảng để phát triển. Có cơ chế đột phát trong bố trí và sử dụng nguồn nhân lực có chất lượng; đồng thời, xây dựng cơ chế giám sát và xử lý nghiêm các hành vi trái pháp luật, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

100% các cơ quan hành chính nhà nước có cơ cấu cán bộ, công chức theo vị trí việc làm; 95% cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn quy định trước khi bổ nhiệm ngạch, bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý; 90% cán bộ, công chức cấp xã đạt tiêu chuẩn theo chức danh.

Đến cuối năm 2020, tỷ lệ tinh giản biên chế tối thiểu đạt 10% biên chế giao năm 2015 theo thẩm quyền.

100% số đơn vị cung cấp các dịch vụ công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện đấu thầu, đặt hàng theo quy định.

Hoàn thành và đưa vào triển khai có hiệu quả Đề án chính quyền điện tử tỉnh Hà Giang. Bảo đảm đến hết năm 2020 đạt được các mục tiêu sau:

100% cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã sử dụng hộp thư điện tử công vụ trong trao đổi văn bản; 100% văn bản không mật trình Ủy ban nhân dân tỉnh dưới dạng điện tử; 80% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử; 100% các cơ quan hành chính từ cấp xã trở lên sử dụng phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc; 80% các cuộc họp được tổ chức trực tuyến giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với Ủy ban nhân dân cấp huyện; cung cấp chứng thư số tổ chức tới 80% cơ quan từ cấp huyện trở lên; 80% chứng thư số cá nhân cho cán bộ, công chức, viên chức từ cấp phó trưởng phòng trở lên thuộc các cơ quan cấp huyện, cấp tỉnh.

Triển khai mô hình một cửa, một cửa liên thông hiện đại từ tỉnh đến 50% Ủy ban nhân dân cấp huyện; 50% Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn sử dụng phần mềm một cửa điện tử. 30% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến tại mức độ 4; 95% hồ sơ khai thuế của doanh nghiệp được nộp qua mạng; 90% số doanh nghiệp thực hiện nộp thuế qua mạng; 90% cơ quan, tổ chức thực hiện giao dịch điện tử trong việc thực hiện thủ tục tham gia Bảo hiểm xã hội; tỷ lệ cấp đăng ký doanh nghiệp qua mạng đạt 20%; tỷ lệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư qua mạng đạt 10%.

Hoàn thành xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành dùng chung: dân cư, kinh tế - xã hội, đất đai, giáo dục - đào tạo, lao động việc làm, doanh nghiệp, thông tin địa lý để làm nền tảng phục vụ công tác quản lý nhà nước và cung cấp thông tin lên Cổng thông tin điện tử tỉnh.

Một số nhiệm vụ trọng tâm:

1. Hoàn thiện hệ thống thể chế hành chính

2. Triển khai thực hiện có hiệu quả, tạo đột phá trong cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, một cửa liên thông hiện đại để tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, giải phóng mọi nguồn lực của xã hội và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh

3. Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức và nâng cao trình độ, nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ

4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

5. Cải cách tài chính công

6. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước

Các giải pháp thực hiện:

1. Tiếp tục xác định công tác cải cách hành chính là khâu đột phá quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị. Tăng cường và nâng cao hiệu quả quản lý, chỉ đạo công tác cải cách hành chính, theo đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, người đứng đầu các sở, ban, ngành, Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn trực tiếp chỉ đạo thống nhất việc thực hiện cải cách hành chính trong phạm vi quản lý của mình.

2. Cần đề cao năng lực dự báo, nhận thức rõ mối quan hệ mật thiết giữa cải cách hành chính với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, từ đó, xây dựng mục tiêu cải cách hành chính phù hợp với từng giai đoạn và từng năm, xác định rõ các ưu tiên cải cách. Mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính của từng Sở, Ban, ngành, địa phương phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ chung của tỉnh; phải đảm bảo sự đồng bộ giữa mục tiêu với nhiệm vụ; có sự phối hợp đồng bộ trong việc triển khai từng lĩnh vực cải cách hành chính, giữa các lĩnh vực cải cách hành chính và giữa các ngành, các cấp. Việc đảm bảo đồng bộ là yếu tố then chốt để thực hiện thắng lợi các mục tiêu cải cách hành chính trọng tâm.

3. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; lấy kết quả việc triển khai, thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước làm cơ sở để đánh giá, sử dụng, đề bạt và khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức. Bắt đầu từ năm 2016, đưa nội dung đánh giá kết quả việc triển khai, thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước vào đánh giá trách nhiệm chỉ đạo, điều hành của người đúng đầu cơ quan, đơn vị và đánh giá thi đua, xếp loại hàng năm của cán bộ, công chức, viên chức.

4. Chỉ đạo thực hiện có trọng tâm, trọng điểm và tạo được điểm nhấn trong từng giai đoạn và thời điểm. Mỗi năm lựa chọn ít nhất một nội dung chuyên đề lĩnh vực để tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả. Năm 2017, tập trung các lĩnh vực quản lý đầu tư, giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tư pháp - hộ tịch… Hằng năm, đánh giá kết quả thực

hiện, có giải pháp cụ thể, mô hình mới, có tính đột phá, tạo ra hiệu ứng, sức lan tỏa và hiệu quả trên thực tế, tạo được những chuyển biến rõ nét và có sức thuyết phục.

5. Tăng cường công tác thanh tra chuyên ngành về cải cách hành chính, thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc thực hiện cải cách hành chính để có những giải pháp thích hợp nhằm đẩy mạnh cải cách hành chính. Thực Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá cải cách hành chính ở các sở, ban, ngành; các cơ quan Trung ương tại tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

6. Tổ chức điều tra xã hội học để đánh giá, nhận xét về trách nhiệm phục vụ của cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính, trước hết là ở một số lĩnh vực trọng điểm, như: Quản lý đất đai, đầu tư, xây dựng, lao động, thương binh và xã hội, thuế, hải quan... Nghiên cứu, bố trí camera giám sát hoạt động giao dịch tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp.

7. Quán triệt cán bộ, công chức về đạo đức công vụ, cải cách hành chính; chống quan liêu, tham nhũng, sách nhiễu; tinh thần chính quyền phục vụ và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm về các vi phạm của cán bộ, công chức trong phạm vi quản lý. Coi trọng công tác tuyên truyền, quán triệt sâu rộng các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về cải cách hành chính đối với các cấp chính quyền và người dân, doanh nghiệp để tạo ra sự đồng thuận chung trong toàn xã hội để thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính. Chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho cán bộ, công chức làm công tác cải cách hành chính, đặc biệt công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

8. Bảo đảm đủ kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính đạt hiệu quả, đặc biệt cho thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, một cửa liên thông hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước và phục vụ người dân, doanh nghiệp./.

Minh Nguyên - Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ (tổng hợp từ nguồn của UBND tỉnh Hà Giang)

QUẢNG NGÃI: ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC ĐIỀU HÀNH, NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Để tạo sự bứt phá trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng tỉnh Quảng Ngãi là điểm đến tin cậy cho các nhà đầu tư, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh và khởi nghiệp lành mạnh, bình đẳng và thông thoáng, ngày 19/12/2016, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành văn bản số 7363/UBND-TH về đổi mới phương thức điều hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, trong đó yêu cầu các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh, từ chính quyền cấp tỉnh đến chính quyền cơ sở tập trung đổi mới phương thức điều hành, nâng cao tính chủ động, tích cực, linh hoạt, sáng tạo mà trước hết là vai trò người đứng đầu "dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm" cùng với tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; huy động các nguồn lực, sự chung sức, đồng lòng của cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong tỉnh thông qua những nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Hàng năm, ngay từ đầu năm, Thủ trưởng các ngành, các cấp chủ động, tích cực tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả kế hoạch, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh và nhiệm vụ của ngành, đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và thẩm quyền; trường hợp khó khăn, vướng mắc không thể giải quyết theo thẩm quyền, kịp thời báo cáo, tham mưu UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

- Các nội dung trình, xin ý kiến, tham mưu UBND tỉnh phải thực hiện đúng theo Quy chế làm việc của UBND tỉnh; hạn chế việc xin ý kiến của UBND tỉnh khi chưa chủ động và tập trung giải quyết theo thẩm quyền hoặc chưa tham vấn, lấy ý kiến của cơ quan chuyên môn theo quy định;

- Nâng cao chất lượng, thực hiện đúng tiến độ các đề án, cơ chế, chính sách, các nội dung quan trọng theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh. Trong quá trình tổ chức thực hiện, chủ động rà soát, tham mưu và trình UBND tỉnh hoặc cấp có thẩm quyền xem xét ban hành mới, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách cho phù hợp với tiến trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đồng thời, tạo chuyển biến rõ nét trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước của mỗi cấp, mỗi ngành;

- Thực hiện nghiêm nguyên tắc mỗi công việc chỉ giao cho một cơ quan làm đầu mối chủ trì thực hiện và một cơ quan có thể được giao chủ trì nhiều công việc. Việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ của các cấp, các ngành cần quyết liệt nhưng linh hoạt, sát thực tiễn và đạt hiệu quả thiết thực; dứt điểm từng nhiệm vụ với yêu cầu cao nhất về chất lượng và đúng tiến độ, tránh việc chỉ đạo, đôn đốc nhiều lần, đùn đẩy, né tránh hoặc tham mưu "cho có", cho xong trách nhiệm. Xác định rõ những nhiệm vụ, công việc trọng tâm, trọng điểm để tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo yêu cầu, phù hợp với điều kiện tình hình của cơ quan, đơn vị, địa phương và phải được kiểm điểm, đánh giá thường xuyên;

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các sở, ban ngành và giữa các sở, ban ngành với UBND các huyện, thành phố trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Các cơ quan khi giải quyết công việc thuộc thẩm quyền của mình có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của sở, ban ngành, cơ quan khác phải lấy ý kiến của sở, ban ngành, cơ quan đó. Sở, ban ngành, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời rõ chính kiến bằng văn bản trong thời hạn tối đa không quá 05 ngày làm việc và phải chịu trách nhiệm về nội dung trả lời.

2. Thủ trưởng các ngành, các cấp có giải pháp tạo môi trường làm việc tích cực, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức, viên chức phát huy được tối đa năng lực, nâng cao tính chủ động, sáng tạo và thật sự chuyển biến tích cực về thái độ thực thi công vụ, ý thức phục vụ Nhân dân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; tiết kiệm tối đa chi phí hành chính; lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao để đánh giá đúng về năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm tạo động lực làm việc hiệu quả cao nhất. Thực hiện bình đẳng và đúng quy định các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức (đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm, khen thưởng…).

3. Tăng cường vai trò quản lý, điều hành và xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu chính quyền, cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Các ngành, các cấp phải cụ thể hóa

và tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy định trách nhiệm và xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu các đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao theo quy định tại Quyết định số 306-QĐ/TU ngày 25/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; thực hiện nghiêm túc kỷ luật, kỷ cương hành chính theo quy định tại Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 07/5/2013 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số biện pháp chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính của tỉnh Quảng Ngãi.

4. Các ngành, các cấp chủ động thực hiện đầy đủ và có hiệu quả quy định về phân cấp, ủy quyền; đồng thời, kịp thời tham mưu UBND tỉnh quyết định hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền về phân cấp, ủy quyền trong việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn, bảo đảm sát với tình hình thực tiễn và thúc đẩy tiến độ, chất lượng, hiệu quả giải quyết công việc; khắc phục cho được tình trạng việc lớn, việc nhỏ đều phải báo cáo thỉnh thị, xin ý kiến và dồn công việc về UBND tỉnh.

5. Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi là điểm đến tin cậy cho các nhà đầu tư, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh và khởi nghiệm lành mạnh, bình đẳng:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố có lợi thế đầu tư nghiên cứu, xây dựng ngay Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, thu hút đầu tư gắn với các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp, huy động vốn đầu tư toàn xã hội để phát triển sản xuất, kinh doanh, phát triển du lịch, dịch vụ có thể làm được; trên tinh thần năng động, sáng tạo của mỗi cấp, mỗi ngành và phù hợp với chính sách ưu đãi, hỗ trợ và thu hút đầu tư của tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 cả UBND tỉnh; bảo đảm tiêu chí phát triển kinh tế, phát triển du lịch gắn với bảo vệ môi trường. Trong đó, tham mưu UBND tỉnh giao nhiệm vụ cụ thể cho từng ngành, từng cấp;

- Các ngành, các cấp có trách nhiệm công khai, minh bạch, ngày càng đơn giản hóa các thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh; thủ tục phải dễ hiểu, dễ thực hiện để doanh nghiệp, tổ chức và người dân dễ tiếp cận, theo đó tập trung vào các vấn đề: (1) Xác định rõ thẩm quyền giải quyết; (2) Cơ quan là đầu mối tiếp nhận hồ sơ; (3) Thủ tục thực hiện gồm những hồ sơ gì; (4) Thời gian giải quyết và gửi lại kết quả. Quán triệt và yêu cầu đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị hướng dẫn, đồng hành và tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đến tìm hiểu cơ hội đầu tư, thực hiện đầu tư trên địa bàn tỉnh; xem đây là nhiệm vụ chính trị của mỗi cá nhân, tổ chức trong việc xây dựng, nâng cao hình ảnh của tỉnh Quảng Ngãi. Công bố công khai số điện thoại đường dây nóng của lãnh đạo cơ quan tại nơi thực hiện các thủ tục hành chính. Trường hợp phát hiện cá nhân, tổ chức gây những nhiễu, phiền hà trái với quy định của Nhà nước, người đứng đầu có trách nhiệm xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định; đồng thời, người đứng đầu cơ quan, đơn vị cũng phải chịu trách nhiệm theo quy định;

- Tăng cường đi công tác cơ sở để nắm bắt tình hình thực tế, kịp thời chỉ đạo xử lý, giải quyết dứt điểm các nội dung theo phản ánh, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp, tạo sự đồng thuận và giữ vững môi trường chính trị ổn định, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

6. Cải tiến chế độ họp, hội nghị; hạn chế các cuộc họp chưa thật sự cần thiết hoặc chưa chuẩn bị nội dung có chất lượng; chỉ tổ chức kỷ niệm ngày thành lập vào các năm chẵn (10, 20,… năm) với quy mô phù hợp, tiết kiệm và thiết thực; các ngày kỷ niệm không phải là năm chẵn, tổng kết năm, các ngành, các cấp chủ động tổ chức trong nội bộ; đồng thời, cân nhắc khi mời lãnh đạo UBND tỉnh tham dự các ngày lễ kỷ niệm, tổng kết năm, sự kiện… của ngành, đơn vị, địa phương. Trường hợp thật sự cần thiết, phải phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh xin ý kiến của lãnh đạo UBND tỉnh trước khi có Giấy mời để tránh bị động trong việc thực hiện chương trình công tác của UBND tỉnh (Lịch công tác được sắp xếp, bố trí trước 02 tuần để giải quyết các vấn đề quan trọng trong việc thực hiện các kế hoạch, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; ngoài ra, lãnh đạo UBND tỉnh còn tham dự các cuộc họp, hội nghị bất thường của Chính phủ, bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh)./.

Minh Nguyên - Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ (tổng hợp từ nguồn của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

VĨNH PHÚC: XÂY DỰNG ĐỀ ÁN THÍ ĐIỂM THÀNH LẬP TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN TRÌNH THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Ngày 22/12/2016, Đoàn công tác của Bộ Nội vụ do ông Nguyễn Trọng Thừa, Thứ trưởng Bộ Nội vụ làm Trưởng đoàn có buổi làm việc với Lãnh đạo UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc xin chủ trương thí điểm thành lập Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện thuộc tỉnh Vĩnh Phúc. Tham dự buổi làm việc về phía UBND tỉnh Vĩnh Phúc có ông Nguyễn Văn Trì, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh; ông Hoàng Văn Toàn, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy; đại diện lãnh đạo: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ và một số sở, ban, ngành của tỉnh. Về phía Bộ Nội vụ có đại diện lãnh đạo các Vụ: Cải cách hành chính; Chính quyền địa phương; Tổ chức - Biên chế.

Sau khi giới thiệu khái quát dự thảo Tờ trình và Đề án của UBND tỉnh Vĩnh Phúc trình Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm thành lập Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện thuộc tỉnh Vĩnh Phúc. Ông Phạm Quang Tuệ, Giám đốc Sở Nội vụ cho rằng: "Qua thực tiễn công tác cải cách hành chính của tỉnh, nhất là những tồn tại, hạn chế, yếu kém, vấn đề đặt ra là cần có những cải cách về mô hình, cách thức tổ chức giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính nhất là các hồ sơ thủ tục hành chính trong lĩnh vực thu hút, hỗ trợ đầu tư, tập trung cải thiện, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh (PAR INDEX)… Đó là cần thành lập Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh và cấp huyện của tỉnh Vĩnh Phúc. Việc hình thành Trung tâm Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc và

Trung tâm Hành chính công các huyện, thành, thị thực chất là việc tổ chức lại và mở rộng quy mô tổ chức, hoạt động của Bộ phận một cửa theo hai tuyến tỉnh và huyện. Theo mô hình này thì toàn bộ các thủ tục hành chính liên quan với các tổ chức, công dân đều phải đưa vào giải quyết theo quy trình tiếp nhận và trả kết quả tại một đầu mối là Trung tâm Hành chính công. Việc hình thành này ngoài các cơ sở pháp lý theo quy định còn xuất phát từ thực tiễn với những lý do cụ thể: Một là, thể hiện quyết tâm chính trị trong đổi mới, cải cách của lãnh đạo tỉnh Vĩnh Phúc và lãnh đạo các sở, ban, ngành trong chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính và về thu hút, xúc tiến, hỗ trợ đầu tư nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, xã hội của tỉnh. Qua đó không ngừng cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh (PAR INDEX)… Hai là, qua thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông đã tạo sự chuyển biến nhất định về ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong chuyên nghiệp, thái độ phục vụ Nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; từng bước cải thiện, giảm phiền hà, tiêu cực trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính. Ba là, việc hình thành Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc (IPA) đã góp phần cải cách hành chính trong lĩnh vực thu hút, xúc tiến và hỗ trợ đầu tư; nhìn chung từ khi đi vào hoạt động đến nay, IPA đã thực hiện tương đối tốt các chức năng, nhiệm vụ được giao, kết quả thu hút đầu tư hàng năm đều tăng và vượt so với kế hoạch đối với dự án đầu tư trong và ngoài nước".

Toàn cảnh buổi làm việc

Cũng tại buổi làm việc, ông Nguyễn Văn Trì, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc nhấn mạnh: "Với quyết tâm nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy nhà nước và chuyển từ chính quyền quản lý sang chính quyền vừa quản lý vừa phục vụ, Vĩnh Phúc đang tập trung triển khai Đề án sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao đội ngũ cán bộ công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016 - 2021 và trước mắt là đẩy mạnh công tác cải cách hành chính. Do vậy, việc thành lập Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện là một việc làm cần thiết thể hiện sự quyết tâm chính trị của tỉnh trong việc cải cách hành chính".

Kết luận buổi làm việc, ông Nguyễn Trọng Thừa, Thứ trưởng Bộ Nội vụ đánh giá cao quyết tâm của Vĩnh Phúc trong việc cải cách hành chính và cho rằng việc thành lập Trung tâm Hành chính công là một mô hình khá mới trên cả nước, do vậy tỉnh Vĩnh Phúc cần nghiên cứu kỹ mô hình hoạt

động của Trung tâm Hành chính công để có các phương án tối ưu, phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh. Đồng thời, xác định rõ nhiệm vụ từng bộ phận, bố trí, sắp xếp việc làm của cán bộ công chức, viên chức theo từng vị trí cụ thể trên quan điểm không tăng thêm biên chế./.

Minh Nguyên - Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ

LÀO CAI: TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2016 – 2020

Thực hiện Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 3853/QĐ-BNV ngày 21/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án "Tăng cường năng lực đội ngũ công chức thực hiện công tác cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020", UBND tỉnh Lào Cai đã ban hành Kế hoạch số 302/KH-UBND ngày 06/12/2016 triển khai thực hiện Đề án Tăng cường năng lực đội ngũ công chức thực hiện công tác cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020 tỉnh Lào Cai.

Tại Kế hoạch, UBND tỉnh Lào Cai đã xác định 2 nhóm mục tiêu cụ thể đó là: 100% công chức thực hiện công tác cải cách hành chính được cung cấp các kiến thức, kỹ năng cần thiết phục vụ quá trình tham mưu, tổng hợp, hướng dẫn triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ cải cách hành chính, được tiếp cận kinh nghiệm cải cách hành chính của các nước phát triển trên thế giới; 100% công chức thực hiện công tác cải cách hành chính của tỉnh được tiếp cận các tài liệu, bài giảng điện tử về cải cách hành chính qua Cổng thông tin điện tử của Bộ Nội vụ, Sở Nội vụ tỉnh Lào Cai.

Yêu cầu đặt ra trong Kế hoạch đó là việc tăng cường năng lực cho đội ngũ công chức thực hiện công tác tỉnh Lào Cai phải gắn với việc bố trí công chức phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ của vị trí việc làm của từng cơ quan, đơn vị và kế thừa, phát huy các kinh nghiệm của việc bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức chuyên trách cải cách hành chính tỉnh Lào Cai giai đoạn 2013-2015./.

Nguồn: Kế hoạch số 302/KH-UBND ngày 06/12/2016 của UBND tỉnh Lào Cai

GIA LAI: TIẾP NHẬN HỒ SƠ, TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH

Thực hiện Quyết định số 45/2016/QĐ- TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích, UBND tỉnh Gia Lai đã chỉ đạo các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Bưu điện tỉnh Gia Lai thực hiện nghiêm túc việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo đúng các quy trình được quy định tại Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, UBND tỉnh Gia Lai chỉ đạo các đơn vị phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng để tuyên truyền, phổ biến rộng rãi đến các tổ chức, cá nhân và định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo UBND tỉnh về tình hình thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

Ngọc Liên – Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ (tổng hợp từ nguồn của UBND tỉnh Gia Lai)

ĐỔI MỚI CÔNG TÁC VĂN THƯ TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ - NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN NGHIÊN CỨU

1. Chính phủ điện tử (tiếng Anh: E-Government) là một khái niệm mới xuất hiện trong những năm gần đây ở Việt Nam. Qua tìm hiểu cho thấy, đến thời điểm này, khái niệm Chính phủ điện tử chưa được giải thích trong bất kỳ một văn bản quy phạm pháp luật nào do Nhà nước ban hành. Trong các diễn đàn, hội thảo quốc gia hoặc hội nghị chuyên đề về Chính phủ điện tử do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức hay trong một số bài viết đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng, một số tác giả đã đưa ra quan niệm riêng của mình về Chính phủ điện tử.

Dưới góc nhìn của nhà quản lý – Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Minh Hồng tại buổi đối thoại trực tiếp về "Xây dựng Chính phủ điện tử tại Việt Nam" được tường thuật trực tiếp trên kênh VTC2 – Đài truyền hình Kỹ thuật số VTC hồi 10 giờ ngày 22/11/2009 khi được hỏi Chính phủ điện tử là gì đã trả lời: "Chính phủ điện tử, hiểu theo cách đơn giản, là Chính phủ ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông để nâng cao năng lực quản lý, điều hành của Chính phủ, cung cấp thông tin và các dịch vụ hành chính công trực tuyến nhằm phục vụ người dân và doanh nghiệp cũng như các tổ chức xã hội tốt hơn và đồng thời tạo điều kiện để người dân phát huy quyền làm chủ của mình"[1].

Với cách tiếp cận của người làm chuyên môn, Giám đốc Trung tâm Tin học thuộc Văn phòng Chính phủ Phùng Văn Ổn khi phản hồi về chuyên đề "Văn bản điện tử và chữ ký số trong lộ trình xây dựng Chính phủ điện tử với công tác văn thư, lưu trữ" đăng trên Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam tháng 7/2011 thì cho rằng: "Chính phủ điện tử là một phương thức hoạt động của Chính phủ dựa trên việc ứng dụng các thành tựu của công nghệ thông tin, truyền thông, trong đó thông tin – thành phần chủ chốt của các hệ thống tin học phải được tổ chức và sử dụng hiệu quả nhất để người dân có thể tiếp cận và tham gia nhiều hon vào các hoạt động của Chính phủ, nhằm hướng tới một nền hành chính phục vụ"[2].

Giảng viên Khoa Lưu trữ và Quản trị văn phòng thuộc Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội – Thạc sỹ Phạm Thị Diệu Linh trong bài viết "Chính phủ điện tử – Cơ hội và thách thức đối với tổ chức khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ" lại cho rằng: "Chính phủ điện tử là mô hình tổ chức chính quyền nhà nước dựa trên thành tựu ứng dụng công nghệ mới"[3].

Trên Trang Bách khoa toàn thư mở Wikipedia các tác giả cũng đưa ra ba cách giải thích khác nhau về Chính phủ điện tử:

Thứ nhất, Chính phủ điện tử là tên gọi của một Chính phủ mà mọi hoạt động của Nhà nước được thay đổi theo một khái niệm hoàn toàn mới, Chính phủ đó gần và thuận lợi với công dân hơn bằng các kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, hiện đại. Mọi quan hệ giữa Chính phủ và công dân

bảo đảm tính minh bạch, công khai, thuận tiện, bảo đảm sự kiểm soát và giám sát lẫn nhau giữa công dân với Chính phủ; một Chính phủ của dân, vì dân và vì sự phồn thịnh của đất nước trong một môi trường toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Thứ hai, Chính phủ điện tử là tên gọi của một Chính phủ mà mọi hoạt động của Nhà nước được "điện tử hóa", "mạng hóa". Tuy nhiên, Chính phủ điện tử không đơn thuần là máy tính, mạng Internet mà là sự đổi mới toàn diện các quan hệ (đặc biệt là quan hệ giữa chính quyền và công dân), các nguồn lực, các quy trình, phương thức hoạt động và bản thân nội dung các hoạt động của chính quyền Trung ương và địa phương và ngay cả các quan niệm về các hoạt động đó.

Thứ ba, Chính phủ điện tử là ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông để các cơ quan chính quyền từ Trung ương và địa phương đổi mới, làm việc có hiệu lực, hiệu quả và minh bạch hơn; cung cấp thông tin, dịch vụ tốt hơn cho người dân, doanh nghiệp và các tổ chức và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người dân thực hiện quyền dân chủ và tham gia quản lý Nhà nước.

Như vậy, có thể thấy trên thực tế đang tồn tại nhiều cách giải thích khác nhau về Chính phủ điện tử. Mặc dù chưa đạt được sự thống nhất cao nhưng cũng cho chúng ta thấy "Chính phủ điện tử" hoàn toàn không phải là một Chính phủ mới được lập ra mà chỉ đơn giản là hoạt động của Chính phủ này được điện tử hoá nhờ ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông với mục tiêu để Chính phủ hoạt động hiệu quả hon, phục vụ doanh nghiệp và người dân tốt hơn.

2. Xuất phát từ quan điểm trên có thể hiểu quá trình xây dựng Chính phủ điện tử là quá trình điện tử hóa hoạt động của Chính phủ nhờ ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông hay nói một cách khác là quá trình ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào trong hoạt động của Chính phủ.

Quá trình xây dựng Chính phủ điện tử ở Việt Nam được bắt đầu từ những năm đầu 90 của thế kỷ XX mà dấu ấn là việc Chính phủ ban hành Nghị quyết số 49/CP ngày 4/8/1993 về "Phát triển công nghệ thông tin ở Việt Nam trong những năm 90". Tuy nhiên, việc phát triển cơ sở hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin nhìn chung chậm và có nguy cơ tụt hậu ngày càng xa so với các nước trên thế giới và khu vực. Chính vì vậy, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 58/CT-TW ngày 17/10/2000 về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Để cụ thể hoá Chỉ thị này, một loạt các văn bản quy phạm pháp luật, các đề án, dự án, chương trình đã được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, tiêu biểu như: Quyết định 112/QĐ-TTg ngày 25/7/2001 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tin học hoá quản lý hành chính nhà nước giai đoạn 2001-201, Luật Giao dịch điện tử được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005, Luật Công nghệ thông tin được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006, Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, Quyết định số 48/QĐ-TTg ngày 31/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2009-2010, Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt

động của cơ quan Nhà nước giai đoạn 2011 – 2015…Với Chương trình này, mục tiêu đề ra của Chính phủ là đến năm 2015 sẽ có 70% các văn bản, tài liệu trao đổi giữa các cơ quan nhà nước là văn bản điện tử và 100% Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử nhằm nâng cao năng lực quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước và để phục vụ người dân và doanh nghiệp được thuận lợi.

Cùng với quá trình xây dựng Chính phủ điện tử hay nói cách khác là quá trình ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào trong hoạt động của các cơ quan Chính phủ thì ngoài văn bản giấy truyền thống đã xuất hiện một loại văn bản mới-đó là văn bản điện tử. Công tác văn thư là hoạt động gắn liền với văn bản hình thành trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức hay nói một cách khác là văn bản là đối tượng của công tác văn thư. Khi công tác văn thư xuất hiện đối tượng mới mà so với đối tượng truyền thống có sự khác nhau về cách thức tạo lập (đối với văn bản giấy, thông tin được tạo ra bằng cách viết hoặc ra trên giấy thì đối với văn bản điện tử thông tin được tạo ra, ghi lại trên các thiết bị điện tử); về cách thức thể hiện thông tin (nếu thông tin trên văn bản giấy được thể hiện ở dạng chữ viết, chữ số, hình vẽ… thì thông tin ở tài liệu điện tử được thể hiện ở dạng số); về cách thức tiếp cận thông tin (thông tin trên tài liệu giấy hoàn toàn đọc được bằng mắt thường thì đối với tài liệu điện tử, thông tin chỉ có thể truy cập và đọc được thông qua các thiết bị điện tử) thì hoạt động nghiệp vụ cơ bản của công tác văn thư từ soạn thảo, ban hành văn bản; quản lý văn bản (quản lý văn bản đi; quản lý văn bản đến; lập hồ sơ và nộp hồ sơ vào Lưu trữ); quản lý và sử dụng con dấu trong công tác văn thư sẽ phải có những thay đổi cho phù hợp. Và để quản lý thống nhất công tác văn thư trong quá trình xây dựng Chính phủ điện tử đang đặt ra rất nhiều vấn đề cần phải nghiên cứu.

3. Những vấn đề cần nghiên cứu để đổi mới công tác văn thư trong quá trình xây dựng Chính phủ điện tử rất nhiều. Dưới đây, chỉ xin để xuất một số nhóm vấn đề cần ưu tiên nghiên cứu:

Thứ nhất, phải nghiên cứu làm rõ tính chất đặc thù của văn bản điện tử - đối tượng mới của công tác văn thư; nghiên cứu xác định các tiêu chuẩn, các quy chuẩn trên cả hai phương diện tác nghiệp và công nghệ nhằm quản lý tốt văn bản điện tử kể từ khi hình thành đến khi được lựa chọn đưa vào Lưu trữ, bảo đảm được sự an toàn, tính xác thực, tính toàn vẹn và khả truy cập.

Thứ hai, kết quả nghiên cứu phải được thể chế hoá để thực hiện thống nhất trong phạm vi cả nước. Có thể tiến hành nghiên cứu xây mới các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hướng dẫn nghiệp vụ về công tác văn thư phù hợp với quá trình xây dựng Chính phủ điện tử hoặc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung những văn bản đã ban hành (ví dụ Công văn số 139/VTLTNN-TTTH ngày 14/3/2009 của Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước về hướng dẫn quản lý văn bản đi, văn bản đến và lập hồ sơ trong môi trường) để trình cấp có thẩm quyền ban hành.

Thứ ba, nghiên cứu xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu về quản lý văn bản điện tử (từ nghiên cứu hoạch định chính sách, xây dựng chiến lược phát triển đến tổ chức thực hiện và triển khai hoạt động này).

Thứ tư, nghiên cứu đề xuất mô hình tổ chức văn thư và nghiên cứu xác định rõ chức năng, nhiệm vụ cơ bản của tổ chức này bảo đảm phù hợp với quá trình xây dựng Chính phủ điện tử và cải cách nền hành chính nhà nước./.

---

[1] Website Sở Thông tin và Truyền thông Quảng Bình.

[2] Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam tháng 7/2011, trang 20.

[3] Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam số đặc biệt tháng 12/2010, trang 16.

ThS. Nguyễn Thị Tâm

Nguyên Phó Cục trưởng Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước

Nguồn: Kỷ yếu Hội thảo khoa học

CHÍNH PHỦ MỚI MỞ ĐẦU BƯỚC NGOẶT CẢI CÁCH

Ngày 7/4/2016 đã mở đầu một bước ngoặt trong quá trình cải cách và phát triển cho cả năm 2016 và những năm tiếp theo, với việc Chính phủ được kiện toàn do Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đứng đầu.

TS Lê Đăng Doanh cho rằng Thủ tướng Chính phủ và Chính phủ mới đã thành công trong việc xây dựng niềm tin,hy vọng của các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp tư nhân

Chính phủ mới tiếp nhận di sản kinh tế của giai đoạn trước với ngân sách bội chi cao, nợ công tăng nhanh, nhiều doanh nghiệp nhà nước kém hiệu quả, khu vực kinh tế tư nhân khó khăn. Tình trạng nhóm lợi ích gây nhiều bức xúc, như nhiều trường hợp bổ nhiệm cán bộ. Niềm tin của người dân bị ảnh hưởng.

Cùng với đó, thiên tai và khó khăn dồn dập, như khô hạn và nhiễm mặn chưa từng có ở đồng bằng sông Cửu Long, mưa lũ tàn phá miền Trung, ô nhiễm môi trường do Formosa gây hậu quả nặng nề…

Năm 2016 cũng là năm đầu tiên thực hiện Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), khi thị trường trong nước không còn là thị trường riêng của doanh nghiệp Việt Nam, mở ra những cơ hội và thách thức lớn. Năng lực cạnh tranh kém đã bộc lộ ngay: Xuất khẩu sang các nước ASEAN giảm 9,6%, trong khi nhập khẩu đã tăng vọt 40%.

Không chậm trễ, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc ngay lập tức tổ chức hội nghị đối thoại với cộng đồng doanh nghiệp tư nhân, can thiệp sâu sát vào vụ quán cà phê Xin Chào, với yêu cầu dứt khoát chấm dứt hình sự hóa các quan hệ kinh tế và dân sự.

Thủ tướng cũng trực tiếp chỉ đạo phải giảm tối đa giấy phép con trong số 7.000 điều kiện kinh doanh. Với việc ban hành 50 Nghị định có hiệu lực từ 1/7/2016, 3.000 giấy phép con đã được bãi bỏ, cải thiện một bước môi trường kinh doanh cho các doanh nghiệp tư nhân.

Thủ tướng Chính phủ đã khẳng định chủ trương xây dựng Chính phủ kiến tạo, liêm chính, thực hiện công khai, minh bạch trong bộ máy nhà nước, coi kinh tế tư nhân là một động lực cho sự phát triển và đẩy mạnh cải cách, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

Ngày 11/10/2016, phát biểu tại lễ phát động phong trào thi đua "doanh nghiệp Việt Nam hội nhập và phát triển", Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đã chỉ đạo các bộ, ngành, các địa phương thực hiện "3 đồng hành, 5 hỗ trợ" đối với doanh nghiệp.

Ba đồng hành gồm: Đồng hành đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, đồng hành trong hoàn thiện thể chế pháp luật (trên các lĩnh vực như cấp phép xuất nhập khẩu, thuế, đất đai, xây dựng, tín dụng, nông nghiệp, nông thôn…) và đồng hành xây dựng và thực hiện tốt cơ chế đối thoại, tham vấn ý kiến của doanh nghiệp.

Tiếng nói của doanh nghiệp phải được các cơ quan nhà nước có liên quan lắng nghe thường xuyên, Thủ tướng nhấn mạnh.

Năm hỗ trợ là: Hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động, hỗ trợ tạo môi trường thuận lợi, bảo đảm quyền kinh doanh, bình đẳng tiếp cận nguồn lực và cơ hội kinh doanh, hỗ trợ xây dựng thương hiệu sản phẩm gắn với doanh nghiệp và cuối cùng là hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực.

Với sự quan tâm đặc biệt của Thủ tướng, năm 2016 đã có trên 110.000 doanh nghiệp thành lập mới, là năm đầu tiên số doanh nghiệp mới đăng ký vượt mốc 100.000, hướng tới đạt 1 triệu doanh nghiệp hoạt động vào năm 2020 và 2 triệu doanh nghiệp vào năm 2030.

Mới nhất, Thủ tướng đã quyết định gói tín dụng 60.000 tỷ đồng với lãi suất thấp để hỗ trợ phát triển nông nghiệp công nghệ cao, phát triển các doanh nghiệp hoạt động trong nông nghiệp.

Đích thân Thủ tướng đã sâu sát chỉ đạo, lập Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ, kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại các Bộ, ngành, địa phương.

Mặc dù sự chuyển biến của bộ máy trong thực tế còn chậm, các doanh nghiệp vẫn còn phản ánh về tình trạng vòi vĩnh, sách nhiễu và các khoản chi phí ngoài pháp luật, song Thủ tướng và Chính phủ mới đã thành công trong việc xây dựng niềm tin, hy vọng của các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp tư nhân trong năm 2016.

Nguồn: canhtranhquocgia.vn

CÔNG CHỨC HÀ NỘI CÓ GÌ ĐẶC BIỆT MÀ CẦN "ĐẶC THÙ"?

Công chức, viên chức Hà Nội có gì đặc biệt mà phải có một bộ qui tắc ứng xử riêng, trong khi đã có Luật công chức, Luật thủ đô?

Một bộ quy tắc ứng xử đối với những người làm việc trong hệ thống quản lý, dịch vụ công ở Hà Nội đang được lấy ý kiến để chuẩn bị ban hành vào 1/1/2017 gây nhiều tranh cãi.

Nếu theo đúng như lời lãnh đạo Sở Văn hóa - Thể thao Hà Nội thì bộ quy tắc này có quá nhiều thứ trùng lắp không cần thiết, thậm chí là "lơ mơ, khó thực hiện".

Cụ thể, theo lời ông Tô Văn Động – Giám đốc Sở Văn hóa - Thể thao Hà Nội, cái quy tắc này phải nhắc lại những điều đã quy định trong luật, đã có rồi nhưng vi phạm vẫn cứ xảy ra. Một đằng phạt mà không làm thì một đằng mình phải phản ứng, tức là lên án. Họp hành lên án, nhắc nhở, thậm chí là đưa hình ảnh đó lên thông tin đại chúng. Phạt có khi người ta không sợ mà bêu tên lên người ta lại sợ.

Một kiểu hành xử côn đồ của một công chức ở Hà Nội bị dư luận lên án

Xem ra có một sự mâu thuẫn không nhỏ trong đội ngũ công chức, viên chức ở Hà Nội. Bởi họ là người hướng dẫn, yêu cầu người dân, xã hội sống và làm việc phải tuân thủ pháp luật nhưng vì sao chính họ lại là những người vi phạm pháp luật mà cơ quan chủ quản của họ phải "bó tay"? Vậy ở đây, vai trò làm gương, dẫn đầu của đảng viên, công chức là không có thì sao đòi hỏi xã hội có tôn ti, trật tự được?

Khi chúng ta sống và làm việc trong một xã hội thượng tôn pháp luật thì mọi quan hệ xã hội đều phải được điều chỉnh bằng luật pháp. Là công chức, viên chức thì trước tiên anh/chị đó phải là một công dân tuân thủ pháp luật, biết tôn trọng bản thân và những người xung quanh. Đặc biệt, họ phải biết điều chỉnh hành vi, việc làm cho phù hợp với vị trí, công việc của mình.

Là cán bộ, công chức cũng giống như các công dân khác, họ được quyền làm những gì pháp luật không cấm. Nhưng điều đó không có nghĩa cán bộ công chức được làm tất cả những việc người khác đang làm.

Đơn cử, việc ăn mặc như thế nào là phù hợp, thật khó đưa ra một định nghĩa hay qui định chính xác, phù hợp với mọi người trong mọi hoàn cảnh. Nhưng đã là một cán bộ, công chức nhà nước họ phải đủ nhận thức để biết rằng, hôm nay tiếp dân thì mặc như thế nào; ngày mai đi dự hội nghị phải ăn mặc ra sao, ngày cuối tuần đi chơi cùng gia đình thì nên ăn mặc như thế nào; Hay đang đi tiệc tùng, hội họp mà phải đi đám hiếu thì phải điều chỉnh cách ăn mặc ra sao.

Chính vì thế, chỉ cần qua cách ăn mặc, cốt cách con người, những người xung quanh có thể đánh giá được người đó là người thế nào, hành vi ứng xử có văn hoá hay không.

Chúng ta đã có Luật Cán bộ công chức, riêng Hà Nội thì có Luật Thủ đô… Vậy cớ sao phải thêm một bộ quy tắc ứng xử nữa cho thêm phần rối rắm? Công chức, viên chức Hà Nội có gì đặc biệt, đặc thù so với các địa phương khác trong cả nước mà cần phải có bộ quy tắc ứng xử riêng?

Ấy là chưa kể, truyền thống Văn hoá của người Việt, mỗi gia đình đã dạy con em mình từ tấm bé đã phải biết "kính trên, nhường dưới", "chín bỏ làm mười",…

Theo ý kiến của các chuyên gia và nhiều người dân, Hà Nội chỉ cần tập trung làm nghiêm các quy định đã có thì văn hoá công sở, văn minh đô thị đã tốt lên nhiều lần rồi. Thay vì ra một bộ quy tắc gây nhiều tranh cãi thì Hà Nội nên làm mạnh công tác tuyên truyền phổ biến các loại văn bản pháp luật, tăng cường ý thức cho mỗi cán bộ công chức và xử lý nghiêm những người cố tình vi phạm.

Vẫn biết, các nhà quản lý của Hà Nội khá sốt ruột về đội ngũ cán bộ công chức hiện nay, đặc biệt là sau hàng loạt vụ việc xảy ra khiến dư luận bức xúc. Thế nhưng, việc nâng cao chất lượng, đạo đức hành chính công vụ không phải chỉ ở việc dùng nước hoa thế nào, ăn mặc ra sao, có hình săm hay không… mà còn nằm ở năng lực chuyên môn, trình độ nhận thức, nền tảng văn hoá, ứng xử của mỗi con người. Mỗi cán bộ công chức hãy làm tròn chức trách, nhiệm vụ của mình, nghiêm túc chấp hành Luật, văn bản pháp luật hiện có thì sẽ có những con người chuẩn mực, cư xử có văn hoá và khi đó mới mong có nền đạo đức, văn hoá công vụ chuẩn mực./.

Nguồn: vietnamnet.vn

BỔ NHIỆM VỤ PHÓ 26 TUỔI: CẦN THƠ "NÓNG VỘI" DO CẦN NGƯỜI TÀI

Giám đốc Sở Nội vụ TP Cần Thơ: Do cần người tài nên Thành phố nóng vội trong tiếp nhận, đề bạt ông Vũ Minh Hoàng.

Liên quan đến việc Trung tâm Xúc tiến Đầu tư – Thương mại và Hội chợ triển lãm TP. Cần Thơ, tiếp nhận ông Vũ Minh Hoàng, Vụ phó Vụ Kinh tế, BCĐ Tây Nam bộ về làm Phó GĐ dù cơ quan này đã có 4 Phó GĐ, ông Nguyễn Hoàng Ba, Giám đốc Sở Nội vụ TP.

Ông Vũ Minh Hoàng (phải) nhận quyết định điều về làm
Phó Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Đầu tư-Thương mại và Hội chợ triển lãm Cần Thơ

Cần Thơ cho biết, quy trình tiếp nhận ông Vũ Minh Hoàng là phù hợp với chính sách thu hút nguồn nhân lực mà thành phố đang thực hiện, góp phần tăng cường nguồn nhân lực trong hoạt động quảng bá, giới thiệu, xúc tiến thương mại trong lĩnh vực nông nghiệp kỹ thuật cao mà thành phố đang hướng đến.

"Hiện nay, chưa có quy định cụ thể về số lượng cấp phó của các đơn vị sự nghiệp như số lượng cấp phó các cơ quan chuyên môn. Mặc khác, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư – Thương mại và Hội chợ triển lãm Cần Thơ là đơn vị hợp nhất từ hai trung tâm, đó là Trung tâm Xúc tiến - Đầu tư - Thương mại - Du lịch và Trung tâm Hội chợ triển lãm quốc tế.

Ngoài việc sắp xếp tinh giảm biên chế, kiện toàn bộ máy, Trung tâm rất cần nguồn nhân sự lãnh đạo đảm nhận vai trò cầu nối xúc tiến thương mại với các đối tác nước ngoài và ông Hoàng phù hợp với vị trí này.

Mặt khác, Trung tâm này có hai đồng chí chuẩn bị về hưu. TP. Cần Thơ đã bổ nhiệm ông Hoàng làm Phó GĐ để giữ chân người tài" - Giám đốc Sở Nội vụ TP. Cần Thơ cho biết.

Tuy nhiên, do cần người có năng lực phù hợp nên thành phố nóng vội trong việc tiếp nhận và đề bạt chức vụ đối với ông Vũ Minh Hoàng.

"Sau khi có kết luận chính thức của Ủy ban Kiểm tra TƯ về công tác tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ đối với ông Vũ Minh Hoàng tại BCĐ Tây Nam Bộ; nếu quy trình tiếp nhận chưa đúng, TP. Cần Thơ sẽ mạnh dạn khắc phục trong việc tiếp nhận và bổ nhiệm cán bộ này." - ông Nguyễn Hoàng Ba nói.

Nguồn: vov.vn

PHÓ PHÒNG TƯ PHÁP BỊ ĐÌNH CHỈ VÌ SAY RƯỢU, GÁC CHÂN LÊN BÀN

Gác chân lên bàn trong giờ làm việc, có biểu hiện uống rượu trong giờ nghỉ trưa dẫn đến hành động, lời nói thiếu văn hóa, phản cảm, Phó Trưởng phòng Phòng Tư pháp TP Hạ Long Vũ Phi Hùng đã bị đình chỉ công tác.

Đây là chỉ đạo của Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Quảng Ninh Nguyễn Văn Đọc.

Theo báo cáo của Sở Nội vụ, 15h20 ngày 27/12, đoàn công tác của Sở đi kiểm tra thực thi công vụ tại Trung tâm Hành chính công TP Hạ Long đã phát hiện ông Vũ Phi Hùng, Phó Trưởng phòng Phòng Tư pháp gác chân lên bàn trong giờ làm việc.

Trung tâm Hành chính công TP Hạ Long

Ông Hùng có biểu hiện uống rượu trong giờ nghỉ trưa, dẫn đến có hành động, lời nói thiếu văn hóa, phản cảm, vi phạm các quy định về kỷ luật, kỷ cương đối với cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ, gây mất uy tín, ảnh hưởng đến niềm tin của công dân đối với việc thực thi công vụ của các cơ quan hành chính của TP Hạ Long và cả tỉnh.

Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Nguyễn Văn Đọc đã chỉ đạo Thường trực Thành ủy TP Hạ Long đình chỉ công tác đối với ông Vũ Phi Hùng và cho kiểm điểm theo luật Công chức, viên chức; kiểm điểm đảng viên, xử lý vi phạm về những điều cán bộ, công chức, đảng viên không được làm.

Đình chỉ công tác đối với Giám đốc Trung tâm Hành chính công TP Hạ Long để kiểm điểm, xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền để xảy ra vi phạm.

Kết quả xử lý, báo cáo Bí thư Tỉnh ủy trước ngày 12/01/2017.

Nguồn: vietnamnet.vn

CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUẾ TẠI QUẢNG NAM: CẦN XÃ HỘI ĐỒNG THUẬN

Ngành Thuế tỉnh Quảng Nam đã và đang nỗ lực thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính tạo thuận lợi cho người nộp thuế. PV đã có cuộc trao đổi với ông Ngô Bốn - Cục trưởng Cục Thuế tỉnh chung quanh vấn đề này.

Công tác cải cách hành chính thuế rất cần sự đồng thuận của doanh nghiệp

P.V: Thưa ông, quy trình liên thông giữa cơ quan thuế với văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất hay ứng dụng công nghệ thông tin về khai, nộp thuế điện tử theo kế hoạch nâng cao chỉ số PCI của tỉnh đã được ngành thuế thực hiện như thế nào?

Ông Ngô Bốn: Chủ trương của ngành là công nghệ thông tin phải thống nhất cho nên trung ương chưa làm thì Quảng Nam cũng chưa thể làm được. Hầu như các ứng dụng đều do trung ương đầu tư, triển khai cho các đơn vị vì kinh phí đầu tư cho công nghệ thông tin khá lớn. Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên - Môi trường đã có thông tư (có hiệu lực từ tháng 8/2016), nhưng chưa được tập huấn. Tổng cục Thuế đang xây dựng cương trình ứng dụng và quy trình kết nối, nên chưa thể triển khai được

Hiện 3 chỉ tiêu trong cải cách hành chính thuế, ngành thuế Quảng Nam chỉ đạt 2 tiêu chí (trên 95%) là số doanh nghiệp đăng ký nộp thuế điện tử qua ngân hàng và số thuế nộp theo phương thức điện tử, còn số chứng từ nộp bằng phương thức điện tử không đạt vì số chứng từ này không thường xuyên, nhưng cũng khá cao, xấp xỉ 90%. Đạt hai chỉ tiêu này cũng đã là cố gắng lớn và nằm trong tốp khá của Việt Nam. Hiện nay chỉ có 3/63 tỉnh, thành đạt 3 chỉ tiêu trên (thuộc các tỉnh có khoảng dưới 2.000 doanh nghiệp).

P.V: Cải cách hành chính thuế trong các lĩnh vực như giải quyết hoàn thuế, khiếu nại… liệu đã thực sự hiệu quả?

Ông Ngô Bốn: Ngành thuế đang tiếp tục triển khai quy trình, ứng dụng hoàn thuế điện tử cho doanh nghiệp. Việc tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả đều điện tử ở cấp độ 4 trong giao dịch thông tin và hiện cũng triển khai Nghị định 140 về quản lý trước bạ ô tô xe máy, chấm dứt sự phiền hà của người nộp thuế và tiến tới nộp thuế trước bạ điện tử. Ngành thuế cũng hoàn tất thí điểm cụ thể hóa thu thuế các dịch vụ cho thuê nhà đất, sẽ triển khai nhân rộng thu thuế của hộ khoán qua dịch vụ bưu điện và việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo của người nộp thuế sẽ giảm khoảng 50% thời gian. Đó là những nét lớn trong việc cải cách hành chính thuế từ cuối năm 2016 và đầu 2017.

P.V: Doanh nghiệp vẫn thường phàn nàn về việc thanh tra, kiểm tra thuế, ông nghĩ sao về điều này?

Ông Ngô Bốn: Thanh tra, kiểm tra là yêu cầu của Nhà nước trong chế độ hậu kiểm. Để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, Nhà nước cho phép họ tự khai, tự nộp thuế, nhưng sau đó cơ quan thuế phải thanh tra, kiểm soát. Hễ càng ít thanh tra, kiểm tra thì lọt thuế hay kê khai thiếu thuế càng nhiều. Việc này là chuyện bình thường nhưng doanh nghiệp phản ứng. Ngành thuế cần sự chia sẻ, đồng thuận từ cộng đồng doanh nghiệp, xã hội. Một khi cơ quan thuế phát hiện sai thì doanh nghiệp hay người nộp thuế phải chịu truy thu phạt, kể cả tiền lãi chậm nộp (0,03/ngày). Số tiền phải nộp gần như gấp đôi, nên họ xót và phản ứng. Nhưng tất cả điều này đã được thực hiện theo nghị định của Chính phủ. Ngoài ra, cũng có không ít cán bộ, công chức thuế thiếu năng lực trong việc thuyết phục, giải thích. Xử lý là đúng luật, nhưng cần giải thích cho người ta hiểu,

phục, thông cảm. Ngoài việc thanh tra, kiểm tra, cán bộ, công chức thuế còn phải chuyển tải việc tuân thủ pháp luật thuế đến cho người nộp thuế một cách đầy đủ để sau này họ không sai nữa. Cán bộ, công chức thuế làm không đầy đủ thành ra người nộp thuế không vừa ý.

Chính phủ yêu cầu không được thanh tra, kiểm tra quá 1 lần/năm ở mỗi doanh nghiệp, kể cả các ngành, các cấp. Nhưng từng ngành, từng cấp cũng luôn luôn đòi hỏi phải tăng cường thanh tra, kiểm tra. Bộ Tài chính cũng yêu cầu chúng tôi tăng thanh tra, kiểm tra hơn 18%/tổng doanh nghiệp mỗi năm. Số liệu doanh nghiệp trên hồ sơ nhiều, nhưng thực sự hoạt động và có phát sinh nợ thuế chỉ khoảng 50%. Những doanh nghiệp không hồ sơ, không trụ sở, không hoạt động gì hết thì thanh tra, kiểm tra gì. Mỗi năm chỉ thanh tra, kiểm tra khoảng 18% doanh nghiệp thì cũng mất 3 năm sau mới quay lại doanh nghiệp đã thanh tra, kiểm tra thì đâu có nhiều.

Tôi đã từng chứng minh trước lãnh đạo tỉnh chỉ một cuộc thanh tra trên 18.000m2 đất đã truy thu được 8 tỷ đồng, hay kiểm tra chỉ 1 doanh nghiệp đã truy thu 20 tỷ đồng thuế thu nhập cá nhân. Doanh nghiệp bị xử lý đã phải tâm phục, khẩu phục. Vậy thì hàng trăm héc ta đất Quảng Nam giao cho doanh nghiệp ngoại tỉnh đến địa phương kinh doanh bất động sản nếu được thanh tra, kiểm tra hết thì số thuế truy thu sẽ còn lớn đến cỡ nào. Chỉ riêng các cuộc thanh tra, kiểm tra năm 2016 đã truy thu trên 120 tỷ đồng, chưa kể giảm lỗ trên 200 tỷ đồng, thu hồi về ngân sách nhà nước rất lớn. Nếu không có những cuộc thanh tra, kiểm tra thì làm sao có thể phát hiện cái sai của doanh nghiệp và thu hồi thuế về cho ngân sách nhà nước. Còn họ than phiền hay phản ứng chính là mình đã chạm vào lợi ích của họ mà thôi!

P.V: Nỗ lực của cơ quan thuế đã được thể hiện thế nào trên thực tế?

Ông Ngô Bốn: Ngoài vượt thu lớn cho ngân sách nhà nước thì thành tích nổi bật nhất là việc tìm địa chỉ chống thất thu thuế của ngành thuế đã đạt kết quả. Ngành thuế đã "đánh" vào những doanh nghiệp ngoài tỉnh đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, kê khai thuế không đầy đủ hoặc chuyển tài chính, thuế về tỉnh khác. Thật sự thấy xót xa khi tài nguyên, khoáng sản, kinh doanh bất động sản bị doanh nghiệp khai thác và bán, nộp thuế nơi khác. Số thuế này không mất đi đâu trên cả nước, nhưng Quảng Nam không thể phát triển với kiểu như vậy được. Thất thu thuế chuyện này thấy rõ vì một khi đi ra khỏi Quảng Nam thì cơ quan thuế nơi khác không thể kiểm soát được thuế ở góc độ giá và sản lượng.

P.V: Cảm ơn ông!

Nguồn: baoquangnam.vn

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2016 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2017

Năm 2016 là năm đầu tiên triển khai Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020, năm bắt đầu nhiệm kỳ của Chính phủ khóa XIV với nhiều kỳ vọng về đổi mới đất nước, hướng tới mục tiêu xây dựng một Chính phủ liêm chính, hành động, kiến tạo, phục vụ người dân và doanh nghiệp. Cải cách hành chính (CCHC) nói chung và cải cách thủ tục hành chính (TTHC) nói tiêng tiếp tục được Chính phủ triển khai mạnh mẽ trên các lĩnh vực, tạo đà tăng tốc, bứt phá ngay từ đầu, làm tiền đề thuận lợi cho những năm tiếp theo. Trong bối cảnh chung đó, Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính (Hội đồng) đã thực hiện nhiều nhiệm vụ trọng tâm, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các nhiệm vụ đề ra theo chương trình, kế hoạch công tác, cụ thể:

I. Kết quả hoạt động năm 2016

1. Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách quy định hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống của người dân

a) Triển khai hoạt động đề xuất sáng kiến cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực theo Kế hoạch năm 2016 của Hội đồng:

Năm 2016, Hội đồng nghiên cứu, đề xuất 05 sáng kiến cải cách các quy định, TTHC ở các lĩnh vực, gồm: An toàn thực phẩm (kiểm soát điều kiện, chứng nhận, hợp quy,…), ghi nhãn và công bố hợp chuẩn, hợp quy đối với hàng nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu; an toàn vệ sinh lao động; sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; kiểm tra chuyên ngành liên quan đến xuất khẩu hàng dệt may. Kết quả cụ thể:

- Sáng kiến cải cách quy định, TTHC về An toàn thực phẩm (kiểm soát điều kiện, chứng nhận, hợp quy,…), ghi nhãn và công bố hợp chuẩn, hợp quy đối với hàng nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu do Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) chủ trì thực hiện.

Với 02 sáng kiến này, VASEP đã chủ động tiến hành các nghiên cứu, rà soát độc lập về các quy định, TTHC có liên quan để tìm ra các bất cập của quy định. Đồng thời, trên cơ sở tổng hợp khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp sản xuất, chế biến và kinh doanh thủy sản, VASEP đã đề xuất các phương thức cải cách, đơn giản hóa quy định, TTHC để tạo điều kiện thuận lợi, thúc đẩy doanh nghiệp thủy sản hoạt động. Tháng 7/2016, VASEP đã cùng với Cục Kiểm soát TTHC chủ trì Hội thảo tại thành phố Hồ Chí Minh thu hút hơn 30 doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thủy sản ở thành phố Hồ Chí Minh và các khu vực lân cận tham gia, đã tiếp nhận ý kiến góp ý của cộng đồng doanh nghiệp thủy sản về các khó khăn, vướng mắc và đề xuất phương án tháo gỡ, đơn giản hóa quy định, TTHC trong lĩnh vực này.

- Sáng kiến cải cách quy định, TTHC về An toàn vệ sinh lao động do Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam (VINASME) chủ trì thực hiện.

VINASME đã tiến hành nghiên cứu, rà soát độc lập các quy định, TTHC có liên quan để tìm ra các bất cập của quy định, phối hợp với Cục Kiểm soát TTHC tổ chức khảo sát tại một số doanh nghiệp về các khó khăn, vướng mắc trong quy định, TTHC về an toàn vệ sinh lao động. Theo kết quả nghiên cứu, khảo sát, VINASME dự kiến bãi bỏ 02 TTHC (gồm: thủ tục Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt

động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; thủ tục Xây dựng biện pháp ứng phó sự cố hóa chất với các doanh nghiệp sử dụng ít hóa chất), sửa đổi bổ sung 02 TTHC có liên quan để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong sản xuất đồng thời đảm bảo an toàn sức khỏe cho người lao động, đảm bảo chất lượng sản phẩm.

- Sáng kiến cải cách quy định, TTHC về Sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch do Liên đoàn Luật sư Việt Nam chủ trì thực hiện.

Liên đoàn Luật sư Việt Nam huy động 02 nhóm gồm 10 luật sư triển khai việc rà soát độc lập, nghiên cứu các quy định, TTHC còn bất cập và tổ chức tiếp nhận khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nước sạch. Liên đoàn Luật sư Việt Nam đã phối hợp với Cục Kiểm soát TTHC thảo luận, đề ra phương án đơn giản hóa nhóm quy định, TTHC liên quan đến sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch, theo đó đề xuất bãi bỏ 05 TTHC, thay thế 01 TTHC bằng biện pháp khác và sửa đổi, bổ sung 03 TTHC (đề xuất bãi bỏ các TTHC: Phê duyệt Kế hoạch phát triển cấp nước; Lấy ý kiến thỏa thuận của Bộ Xây dựng đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước; Chấp thuận hợp đồng dịch vụ cấp nước giữa đơn vị cấp nước bán buôn và đơn vị cấp nước bán lẻ; Phê duyệt định mức tính trong phương án giá tiêu thụ nước sạch đối với các loại vật tư đưa vào sản xuất chưa có quy chuẩn, tiêu chuẩn định mức kinh tế kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền công bố hoặc ban hành; Phê duyệt Kế hoạch cấp nước an toàn).

- Sáng kiến cải cách quy định, TTHC về Kiểm tra chuyên ngành liên quan đến xuất nhập khẩu hàng dệt may do Hiệp hội Dệt May Việt Nam (VITAS) chủ trì thực hiện.

VITAS chủ động nghiên cứu, rà soát các quy định, TTHC có liên quan và đưa ra các vấn đề còn bất cập trong quá trình triển khai thực hiện. Sau khi tổ chức Hội thảo tiếp nhận khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp dệt may khu vực phía Nam, VITAS tiếp tục có ý kiến tại các hội thảo do Bộ Công Thương tổ chức. Tiếp thu ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp dệt may thông qua VITAS, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã bãi bỏ Thông tư số 37/2015/TT0BCT ngày 30/10/2015 quy định về mức giới hạn và việc kiểm tra hàm lượng formaldehyt và amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản xuất dệt may (Thông tư số 23/2016/TT-BCT ngày 12/10/2016 của Bộ Công Thương). Đối với một số vấn đề, kiến nghị khác, VITAS tiếp tục khảo sát tại một số doanh nghiệp dệt may lớn ở khu vực phía Bắc (như Công ty May Tinh Lợi ở Hải Dương) để xem xét, lựa chọn các phương án đơn giản hóa đưa vào Báo cáo sáng kiến của Hội đồng.

Hiện nay, các cơ quan thành viên Hội đồng được giao chủ trì tiếp tục phối hợp với Cục Kiểm soát TTHC hoàn thiện các dự thảo Báo cáo tư vấn, đề xuất sáng kiến cải cách quy định, TTHC để báo cáo Lãnh đạo Hội đồng xem xét, trước khi báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

b) Hoạt động tiếp nhận, xử lý khó khăn, vướng mắc:

- Tháng 02/2016, Hội đồng đã tiếp nhận và nghiên cứu phản ánh, kiến nghị của Hiệp hội Thương mại Hoa Kỳ tại Việt Nam (AmCham) về khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm nhân thọ trong thực hiện thủ tục Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung do Bộ Công Thương có hiệu lực từ ngày 15/10/2015.

Hội đồng tổ chức họp với các bên liên quan gồm cơ quan quản lý nhà nước và các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm là đối tượng chịu sự quản lý, từ đó đề xuất phương án tháo gỡ, trình Lãnh đạo Hội đồng,

báo cáo Thủ tướng Chính phủ (Công văn số 1686/HĐTV-KSTT ngày 25/5/2016 của Hội đồng Tư vấn cải cách TTHC). Thủ tướng Chính phủ đã có ý kiến chỉ đạo các bộ, ngành liên quan xem xét phương án do Hội đồng đề xuất, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp (Công văn số 4631/VPCP-KTTH ngày 16/6/2016 của Văn phòng Chính phủ).

- Tháng 3/2016, Hội đồng nhận được ý kiến của VASEP phản ánh về khó khăn, vướng mắc của một số doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh thủy sản xuất khẩu liên quan đến lấy mẫu kiểm tra mầm bệnh đối với lô hàng tôm nguyên liệu đông lạnh nhập khẩu từ Ấn Độ của cơ quan thú y vùng VI. Hội đồng nghiên cứu làm rõ ý kiến của VASEP, sau đó tổ chức họp với các cơ quan, đơn vị liên quan của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về khó khăn, vướng mắc này; kết quả là những quy định không phù hợp đã được Cơ quan Thú ý vùng VI, Cục Thú y, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hủy bỏ.

- Tháng 4/2016, Hội đồng tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của AmCham liên quan đến dán nhãn năng lượng và chứng nhận về tiêu chuẩn điện năng tối thiểu. Hội đồng nghiên cứu và gửi văn bản đề nghị Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ cho ý kiến về nội dung phản ánh, kiến nghị của AmCham (Công văn số 1385/HĐTV-KSTT ngày 28/4/2016 của Hội đồng Tư vấn cải cách TTHC). Hội đồng đang tổng hợp ý kiến của các bộ, ngành liên quan để xem xét, đề xuất phương án đơn giản hóa quy định, TTHC tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp (hiện nay, Bộ Công Thương đang dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BCT ngày 04/4/2012 của Bộ Công Thương về việc quy định dán nhãn năng lượng cho các phương tiện và thiết bị sử dụng năng lượng).

c) Tham gia ý kiến đối với quy định, TTHC tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật:

Các cơ quan thành viên Hội đồng tham gia tích cực vào quá trình xây dựng, ban hành quy định, TTHC. Cục Kiểm soát TTHC và các cơ quan thành viên Hội đồng như Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Hiệp hội Dệt May Việt Nam, Hiệp hội Xuất khẩu và Chế biến thủy sản Việt Nam, Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Hội Luật gia Việt Nam… tham gia đóng góp nhiều ý kiến có giá trị cho các dự án luật quan trọng như: Luật Tín ngưỡng, tôn giáo; Luật về Hội; Luật Đấu giá tài sản; Luật Đường sắt (sửa đổi); Luật Quản lý ngoại thương; Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Luật Quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước (sửa đổi); Luật Thủy sản; Luật Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ; Luật Chuyển giao công nghệ (sửa đổi); Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (sửa đổi); Luật Cảnh vệ; Luật Du lịch (sửa đổi); Luật Trợ giúp pháp lý (sửa đổi);… Qua đó, chuyển tải được tiếng nói của người dân và cộng đồng doanh nghiệp tới các cơ quan quản lý nhà nước để tiếp tục đơn giản hóa quy định, TTHC góp phần đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, nâng cao đời sống nhân dân.

2. Đánh giá việc thực hiện cải cách TTHC tại các bộ, ngành, địa phương

a) Thực hiện nhiệm vụ đánh giá trên các lĩnh vực theo Kế hoạch hoạt động năm 2016 của Hội đồng:

Năm 2016, Hội đồng lựa chọn 02 lĩnh vực đánh giá liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống người dân, gồm: Tiếp cận điện năng; việc thực hiện liên thông các TTHC: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi.

- Đối với các quy định, TTHC liên quan đến tiếp cận điện năng: Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) cùng với Cục Kiểm soát TTHC tiến hành rà soát độc lập để tìm ra điểm bất cập và dự kiến phương án khắc phục, đơn giản hóa các quy định, TTHC ở lĩnh vực này. Đồng thời, trong tháng 9/2016, Hội đồng tổ chức đoàn khảo sát tại một số địa phương (Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng

Tàu, Quảng Ngãi, Bình Định), làm việc với Công ty Điện lực, các doanh nghiệp thực hiện TTHC tiếp cận điện năng để tìm hiểu, trao đổi về các khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị phương án tháo gỡ. VCCI và Cục Kiểm soát TTHC đang tích cực phối hợp hoàn thiện dự thảo Báo cáo đánh giá để trình Lãnh đạo Hội đồng.

- Về việc thực hiện liên thông các TTHC cho trẻ em dưới 6 tuổi: Cục Kiểm soát TTHC và Liên đoàn Luật sư Việt Nam phối hợp thực hiện khảo sát tại một số quận, huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội (Quận Tây Hồ, huyện Mỹ Đức), phát phiếu khảo sát tới người dân, cán bộ, công chức trực tiếp thực hiện liên thông các TTHC tại một số tỉnh, thành phố (Hà Nội, Thái Nguyên, Lâm Đồng, Ninh Thuận, Bắc Giang, Thanh Hóa, Phú Thọ, Đồng Nai, Đà Nẵng, Cần Thơ) và tổ chức Hội thảo tiếp nhận khó khăn, vướng mắc khi giải quyết TTHC tại Ninh Thuận, Lâm Đồng. Qua đó, Hội đồng tiếp nhận được nhiều khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện liên thông TTHC cho trẻ em dưới 6 tuổi, như: Công tác chỉ đạo điều hành, hướng dẫn triển khai thực hiện chưa kịp thời, đội ngũ công chức, kinh phí và cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ liên thông còn yếu và thiếu, người dân chưa hiểu hết về quyền và lợi ích khi thực hiện liên thông các TTHC,… Liên đoàn Luật sư Việt Nam đã đề xuất và lấy ý kiến của các cơ quan liên quan về các giải pháp nhằm tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc. Hiện nay, dự thảo Báo cáo đánh giá đang được Liên đoàn Luật sư Việt Nam và Cục Kiểm soát TTHC phối hợp hoàn thiện để trình Lãnh đạo Hội đồng.

b) Xây dựng công cụ đo lường chi phí tuân thủ TTHC phục vụ hoạt động đánh giá của Hội đồng:

Thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn bản hướng dẫn hoạt động đánh giá của Hội đồng, Cục Kiểm soát TTHC chủ trì, phối hợp với các cơ quan thành viên và các chuyên gia nghiên cứu tìm hiểu kinh nghiệm trong nước và quốc tế để xây dựng Báo cáo về sự cần thiết và dự thảo "thước đo" chi phí tuân thủ TTHC của cá nhân, tổ chức. Theo đó, "thước đo" này sẽ đo chi phí mà cá nhân, tổ chức phải bỏ ra để thực hiện TTHC theo quy định. Ngoài ra, Hội đồng tổ chức đoàn khảo sát tại một số doanh nghiệp dệt may, thủy sản, bảo hiểm nhân thọ,… để tìm hiểu thực tế chi phí về thời gian hoàn thành hồ sơ, đi lại nộp hồ sơ, các yêu cầu, điều kiện, phí và lệ phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra khi thực hiện các TTHC.

Dự thảo công cụ được lấy ý kiến tại Hội thảo tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh trong tháng 10/2016 của các cơ quan nhà nước có liên quan ở Trung ương và địa phương, các doanh nghiệp kinh doanh trong một số lĩnh vực và các cơ quan thành viên Hội đồng. Công cụ đang được hoàn thiện theo hướng xác định rõ thêm mục tiêu đo lường, cách thức, yêu cầu, phương pháp thu thập số liệu, nguyên tắc sử dụng công cụ và tiếp tục chuẩn hóa việc tính toán chi phí tuân thủ TTHC trong quá trình thực hiện. Sau khi công cụ này được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Hội đồng sẽ áp dụng trong đánh giá việc cải cách TTHC tại các bộ, ngành, địa phương thông qua đo lường chi phí tuân thủ TTHC theo Kế hoạch hoạt động hàng năm của Hội đồng.

3. Các hoạt động chung và thường xuyên khác của Hội đồng

- Tháng 02/2016, Bộ trưởng, Chủ tịch Hội đồng chủ trì Phiên họp toàn thể triển khai công tác năm 2016 của Hội đồng. Sau phiên họp, Chủ tịch Hội đồng ký văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả hoạt động năm 2015, phương hướng hoạt động năm 2016 (Báo cáo số 37/BC-HĐTV ngày 01/3/2016 của Hội đồng) và ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2016 của Hội đồng (Quyết định số 307/QĐ-HĐTV ngày 01/3/2016 của Chủ tịch Hội đồng). Đồng thời gửi ý kiến chỉ đạo của Bộ trưởng, Chủ tịch Hội đồng

để các thành viên Hội đồng, Ban công tác tổ chức thực hiện (Công văn số 124/KSTT-HTCT ngày 07/3/2016 của Cục Kiểm soát TTHC).

- Hội đồng tổ chức buổi làm việc, trao đổi với cán bộ đầu mối của các cơ quan thành viên được giao chủ trì, phối hợp thực hiện đề xuất sáng kiến, đánh giá về vai trò, nhiệm vụ cụ thể và một số kỹ năng, nghiệp vụ để thực hiện tốt công việc được giao, như: Nhận diện TTHC, lập sơ đồ nhóm, chuỗi TTHC; cách thức rà soát, đánh giá, tính toán chi phí tuân thủ TTHC; các nội dung cơ bản trong xây dựng báo cáo đề xuất sáng kiến, báo cáo đánh giá. Thông qua đó cách thực tổ chức và thực hiện nhiệm vụ cũng như mối quan hệ và trách nhiệm giữa cơ quan thành viên Hội đồng, Ban công tác với cơ quan thường trực, thư ký Hội đồng đạt hiệu quả hơn.

- Các cơ quan thành viên Hội đồng và cơ quan giúp việc thường xuyên có những hoạt động trao đổi, họp nhóm công tác để thống nhất triển khai các công việc, như: Xây dựng mẫu Phiếu khảo sát và triển khai hoạt động phát - lưu Phiếu khảo sát; chuẩn bị nội dung Hội thảo; tổ chức các đoàn công tác; góp ý vào các phương án đơn giản hóa TTHC trên các lĩnh vực.

- Thực hiện tốt Chương trình phối hợp với 7 cơ quan thông tấn, báo chí Trung ương (Báo Nhân Dân, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Báo Quân đội Nhân dân Việt Nam và Báo Công an Nhân dân) để tuyên truyền về hoạt động của Hội đồng, công tác cải cách, kiểm soát TTHC tại các bộ, ngành, địa phương. Theo đó, các hoạt động của Hội đồng, các Ban công tác được kịp thời tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông và trang tin nội bộ của các cơ quan thành viên Hội đồng.

II. Đánh giá chung

1. Những mặt được

Nhìn chung, các hoạt động của Hội đồng năm 2016 được triển khai chủ động, tích cực và cơ bản đảm bảo tiến độ, chất lượng theo chương trình, kế hoạch đề ra. Các khó khăn, vướng mắc do cơ quan thành viên Hội đồng phản ánh được cơ quan thường trực, giúp việc Hội đồng tổ chức xử lý kịp thời. Nhiều ý kiến đề xuất, kiến nghị của Hội đồng để giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp đã được bộ, ngành ghi nhận, tiếp thu trong quá trình xây dựng, ban hành, sửa đổi, bổ sung và đơn giản hóa quy định, TTHC.

Các thành viên Hội đồng, như: Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam, Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam, Phòng Thương mại Hoa Kỳ tại Việt Nam,… tiếp tục thể hiện vai trò tích cực, chủ động trong phản ánh các khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị cải cách, đơn giản hóa TTHC với cơ quan thường trực Hội đồng.

Công tác phối hợp thông tin, tuyền truyền về hoạt động của Hội đồng nói riêng, công tác cải cách, kiểm soát TTHC nói chung phát huy và mang lại hiệu quả. Nội dung thông tin, tuyên truyền hướng vào trọng tâm, trọng điểm các hoạt động của Hội đồng và công tác cải cách TTHC tại các bộ, ngành, địa phương, những kết quả và thuận lợi mang lại cũng như hạn chế, yếu kém cần khắc phục. Một số thành viên Hội đồng tham gia công tác truyền thông, quảng bá hình ảnh của Hội đồng trên trang thông tin điện tử hoặc các ấn phẩm của cơ quan mình.

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế:

Năm 2016, các thành viên Hội đồng triển khai tốt, có hiệu quả các hoạt động độc lập nhưng vẫn còn hạn chế trong phối hợp hành động giữa các thành viên từng Ban công tác và Hội đồng để huy động sức mạnh tổng hợp. Việc trao đổi, cung cấp thông tin giữa các thành viên chủ trì với các thành viên phối hợp chưa tốt nên hợp tác giữa các bên chưa hiệu quả.

Một số cơ quan thành viên Hội đồng chưa chủ động, tích cực và chưa phát huy hết vai trò, chức năng của mình trong hoạt động tư vấn, đề xuất sáng kiến cải cách quy định hành chính và đánh giá việc thực hiện cải cách TTHC tại các bộ, ngành, địa phương. Việc huy động nguồn lực cho hoạt động chung của Hội đồng chưa được đẩy mạnh.

b) Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế:

- Do chức năng, nhiệm vụ, tôn chỉ, mục đích hoạt động của một số cơ quan thành viên chưa thật sự phù hợp với vị trí, vai trò của Hội đồng, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay nên khó huy động nguồn lực có chất lượng tham gia vào các hoạt động.

- Các thành viên Hội đồng là lãnh đạo cơ quan thành viên bận nhiều công việc nên chưa dành thời gian thỏa đáng cho chỉ đạo, huy động sự tham gia của đơn vị, cá nhân thuộc cơ quan, hiệp hội do mình đại diện để thực hiện kế hoạch.

- Mặt khác, do một số cơ quan thành viên có sự thay đổi về lãnh đạo đại diện và đầu mối thực hiện dẫn tới phối hợp triển khai hoạt động đánh giá, đề xuất sáng kiến cũng như tham gia tập huấn không đồng đều, không ổn định.

- Việc kết nối hoạt động giữa thư ký Hội đồng với các cơ quan thành viên, Ban công tác vừa giữa các cơ quan thành viên Hội đồng, Ban công tác còn thiếu chặt chẽ.

III. Phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2017

1. Phương hướng

- Tiếp tục lựa chọn các lĩnh vực, TTHC cần ưu tiên đẩy mạnh cải cách, phục vụ hội nhập kinh tế quốc tế theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để đánh giá và đề xuất sáng kiến đơn giản hóa, cắt giảm chi phí tuân thủ, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các thành phần kinh tế trong môi trường kinh doanh thông thoáng, bình đẳng, góp phần giải phóng nguồn lực xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

- Tham gia, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương thực hiện xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, triển khai giải quyết TTHC theo hình thức trực tuyến cấp độ 3, 4…

2. Nhiệm vụ

Để năm 2017 tiếp tục có những thành tựu về cải cách TTHC, góp phần tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh theo đúng tinh thần của Nghị quyết 19/NQ-CP và mục tiêu "TTHC được cải cách cơ bản, mức độ hài lòng của Nhân dân và doanh nghiệp về TTHC đạt mức trên 80% vào năm 2020" tại Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ và Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng cần tập trung triển khai các nhiệm vụ cụ thể:

a) Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách quy định, TTHC có tính đột phá, mang lại lợi ích và hiệu quả thiết thực cho người dân, cộng đồng doanh nghiệp và sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, tập trung vào các nhóm quy định, TTHC trong các lĩnh vực liên quan đến cung cấp dịch vụ công; phối hợp với các bộ, ngành, địa phương thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 13/CT-TTg về tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách TTHC.

b) Kịp thời nắm bắt, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, phản ánh, kiến nghị xuất phát từ thực tiễn hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống của người dân. Phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết hoặc trình Chủ tịch Hội đồng báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

c) Tham gia ý kiến có chất lượng đối với các dự án luật, pháp lệnh, đặc biệt là các dự án luật, pháp lệnh quan trọng; kịp thời phản ánh những bất cập về quy định, TTHC trong các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành góp phần nâng cao chất lượng văn bản.

d) Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện công cụ đo lường chi phí tuân thủ TTHC và sử dụng công cụ này để triển khai hoạt động đánh giá chi phí tuân thủ của các nhóm TTHC có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; công bố định kỳ hàng năm để định lượng gánh nặng hành chính của nhóm doanh nghiệp kinh doanh trên một số ngành nghề, tại một số địa phương nhằm tạo "sức ép" cải cách TTHC đối với các bộ, ngành, địa phương.

đ) Theo dõi, đánh giá việc xử lý của bộ, ngành, địa phương đối với các đề xuất, kiến nghị đơn giản hóa quy định, TTHC của Hội đồng.

3. Giải pháp chủ yếu

Để nâng cao hiệu quả hoạt động tư vấn cho Thủ tướng Chính phủ các sáng kiến cải cách quy định, TTHC, đánh giá việc thực hiện cải cách TTHC tại các bộ, ngành, địa phương, năm 2017 Hội đồng cần thực hiện các giải pháp cụ thể:

a) Đối với cơ quan thường trực Hội đồng:

- Tham mưu, trình Chủ tịch Hội đồng báo cáo Thủ tướng Chính phủ kiện toàn thành viên Hội đồng theo hướng phù hợp và đáp ứng được yêu cầu cải cách sâu rộng, mạnh mẽ, quyết liệt trong giai đoạn mới của Chính phủ, nhất là chủ trương xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, kiến tạo.

- Trình Chủ tịch Hội đồng ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng sau khi kiện toàn để nâng cao hiệu quả hoạt động và vai trò của Hội đồng trong tư vấn, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ về các sáng kiến cải cách quy định hành chính cũng như đánh giá việc thực hiện cải cách TTHC tại các bộ, ngành, địa phương.

- Nâng cao chất lượng công tác tham mưu, giúp việc cho Bộ trưởng, Chủ tịch Hội đồng và các thành viên Hội đồng, bảo đảm gắn kết hoạt động của Hội đồng. Chủ động nắm bắt các thông tin về hoạt động của các cơ quan thành viên để huy động sự tham gia, qua đó nâng cao vị thế, vai trò của Hội đồng.

- Huy động sự tham gia của hệ thống đơn vị kiểm soát TTHC tại các bộ, ngành, địa phương. Tích cực tham vấn ý kiến chuyên gia trong điều phối, tổ chức hoạt động của Hội đồng.

b) Đối với các cơ quan thành viên Hội đồng:

- Các thành viên Hội đồng tiếp tục tích cực đóng góp ý kiến có chất lượng vào các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật hoặc các nhiệm vụ liên quan đến cải cách quy định, TTHC để cùng "chung tay" thúc đẩy toàn diện và đồng bộ công cuộc đổi mới, nâng cao vị thế Việt Nam trên bản đồ thế giới.

- Tích cực tham gia các hoạt động chung của Hội đồng. Bên cạnh việc chỉ ra các khó khăn, vướng mắc về quy định, TTHC, cần chủ động đưa ra các kiến nghị, giải pháp để tổ chức nghiên cứu, tổng hợp gửi các bộ, ngành, địa phương kịp thời tháo gỡ cho người dân, doanh nghiệp.

- Đề xuất sáng kiến cải cách quy định, TTHC trong các lĩnh vực; chủ động thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ trong hoạt động đánh giá việc thực hiện cải cách quy định, TTHC.

- Tăng cường phối hợp giữa cơ quan thường trực với các cơ quan thành viên Hội đồng trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ.

- Kịp thời phản ánh với Lãnh đạo Hội đồng các khó khăn, vướng mắc, đề xuất, kiến nghị để kịp thời tháo gỡ nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

IV. Kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ

Để nâng cao hiệu quả hoạt động, góp phần tư vấn cho Thủ tướng Chính phủ các sáng kiến cải cách quy định, TTHC, đánh giá việc thực hiện cải cách TTHC tại các bộ, ngành, địa phương, Hội đồng kiến nghị Thủ tướng Chính phủ đồng ý về mặt chủ trương để cơ quan thường trực Hội đồng trình Thủ tướng Chính phủ kiện toàn thành viên Hội đồng theo hướng tinh gọn, đảm bảo nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động của Hội đồng./.

Minh Nguyên - Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ (tổng hợp từ nguồn của Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính)

BỘ NỘI VỤ BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN "XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG"

Ngày 28/12/2016, Bộ Nội vụ ban hành Quyết định số 4361/QĐ-BNV về Phê duyệt "Đề án xác định Chỉ số của các các bộ, cơ quan ngang bộ, Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương". Dưới đây, Bản tin điện tử Cải cách hành chính của Văn phòng Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính xin đăng toàn văn Quyết định số 4361/QĐ-BNV và Phụ lục Chỉ số cải cách hành chính cấp bộ và cấp tỉnh.

BỘ NỘI VỤ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: *4361/**QĐ-BNV***	*Hà Nội, ngày **28** tháng **12** năm **2016***

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án "Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương"

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Nghị định số 58/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Cải cách hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án "Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương" (sau đây gọi tắt tiếng Việt là Chỉ số CCHC, tiếng Anh là PAR INDEX), với các nội dung chính sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung:

Xác định Chỉ số CCHC để theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan và công bằng kết quả thực hiện cải cách hành chính hàng năm của các bộ, cơ quan ngang bộ (sau đây gọi tắt là bộ), Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là tỉnh) trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 và Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Xây dựng được Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp bộ, cấp tỉnh theo đặc điểm, tính chất quản lý nhà nước của các bộ, các tỉnh.

- Xác định được thang điểm, phương pháp đánh giá cho các tiêu chí, tiêu chí thành phần, từ đó xác định được Chỉ số CCHC của từng bộ, từng tỉnh.

- Xây dựng được bộ câu hỏi điều tra xã hội học theo từng nhóm đối tượng điều tra, khảo sát.

- Hàng năm tổ chức triển khai xác định, công bố Chỉ số CCHC của các bộ, các tỉnh.

2. Yêu cầu

a) Chỉ số CCHC phải bám sát nội dung Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020; Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

b) Chỉ số CCHC phải bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế của các bộ, các tỉnh và đánh giá thực chất, khách quan kết quả triển khai cải cách hành chính hàng năm của các bộ, các tỉnh.

c) Tăng cường sự tham gia đánh giá của cá nhân, tổ chức đối với quá trình triển khai cải cách hành chính của các bộ, các tỉnh.

d) Hình thành được hệ thống theo dõi, đánh giá đồng bộ, thống nhất trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước từ Trung ương tới địa phương.

3. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh:

Công tác theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện cải cách hành chính hàng năm của các bộ, các tỉnh.

b) Đối tượng áp dụng:

Các bộ, cơ quan ngang bộ (trừ Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Văn phòng Chính phủ), Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

II. NỘI DUNG CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Chỉ số CCHC cấp bộ

a) Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp bộ:

Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp bộ được cấu trúc thành 2 nhóm:

- Nhóm I: Đánh giá kết quả thực hiện cải cách hành chính của bộ, gồm 7 lĩnh vực, 32 tiêu chí và 56 tiêu chí thành phần, cụ thể là:

+ Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: 6 tiêu chí và 9 tiêu chí thành phần;

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ: 5 tiêu chí và 11 tiêu chí thành phần;

+ Cải cách thủ tục hành chính: 6 tiêu chí và 10 tiêu chí thành phần;

+ Cải cách tổ chức bộ máy hành chính: 3 tiêu chí và 5 tiêu chí thành phần;

+ Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức: 7 tiêu chí và 8 tiêu chí thành phần;

+ Cải cách tài chính công: 2 tiêu chí và 2 tiêu chí thành phần;

+ Hiện đại hoá hành chính: 3 tiêu chí và 11 tiêu chí thành phần;

- Nhóm II: Đánh giá tác động của cải cách hành chính, gồm 28 tiêu chí, được phân loại theo 6 nội dung tác động của cải cách hành chính, cụ thể là:

+ Tác động đến thể chế, cơ chế chính sách thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ: 6 tiêu chí;

+ Tác động đến chất lượng quy định thủ tục hành chính: 4 tiêu chí;

+ Tác động đến tổ chức bộ máy hành chính: 4 tiêu chí;

+ Tác động đến đội ngũ công chức của bộ: 6 tiêu chí;

+ Tác động đến quản lý tài chính công: 3 tiêu chí;

+ Tác động đến hiện đại hóa hành chính: 5 tiêu chí.

Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp bộ được nêu chi tiết tại Bảng 1 (kèm theo Quyết định này).

b) Thang điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá của Chỉ số CCHC là 100.

- Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học là 38/100.

Thang điểm đánh giá được xác định cụ thể đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần tại Bảng 1.

c) Phương pháp đánh giá:

- Tự đánh giá của các bộ:

+ Các bộ tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của bộ và các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số CCHC cấp bộ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ. Điểm các bộ tự đánh giá được thể hiện tại cột "Tự đánh giá" của Bảng 1;

+ Điểm tự đánh giá của các bộ được Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định để xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh nếu cần thiết. Kết quả điểm do Bộ Nội vụ quyết định được thể hiện tại cột "BNV đánh giá" của Bảng 1.

- Đánh giá thông qua điều tra xã hội học:

+ Số tiêu chí đánh giá qua điều tra xã hội học là 28, được thể hiện tại cột "Ghi chú" của Bảng 1. Việc điều tra xã hội học được tiến hành để lấy ý kiến đánh giá của các nhóm đối tượng khác nhau, do Bộ Nội vụ quy định;

+ Bộ câu hỏi điều tra xã hội học được xây dựng với số lượng, nội dung câu hỏi tương ứng với các tiêu chí của Chỉ số CCHC cấp bộ;

+ Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học được thể hiện tại cột "Điều tra XHH" của Bảng 1.

d) Tính toán, xác định Chỉ số CCHC cấp bộ:

- Tổng hợp điểm đánh giá qua điều tra xã hội học và điểm Bộ Nội vụ đánh giá được thể hiện tại cột "Điểm đạt được".

- Chỉ số CCHC được xác định bằng tỉ lệ phần trăm (%) giữa tổng điểm đạt được và tổng điểm tối đa (100 điểm). Chỉ số CCHC của bộ được thể hiện ở dòng cuối cùng của Bảng 1.

- Các chỉ số thành phần theo lĩnh vực, tiêu chí, được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa điểm đạt được và điểm tối đa của từng lĩnh vực, tiêu chí.

2. Chỉ số CCHC cấp tỉnh

a) Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp tỉnh:

Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp tỉnh được cấu trúc thành 2 nhóm:

- Nhóm I: Đánh giá kết quả thực hiện cải cách hành chính của tỉnh, gồm 8 lĩnh vực, 32 tiêu chí và 64 tiêu chí thành phần, cụ thể là:

+ Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: 5 tiêu chí và 9 tiêu chí thành phần;

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại tỉnh: 4 tiêu chí và 9 tiêu chí thành phần;

+ Cải cách thủ tục hành chính: 4 tiêu chí và 9 tiêu chí thành phần;

+ Cải cách tổ chức bộ máy hành chính: 3 tiêu chí và 5 tiêu chí thành phần;

+ Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: 8 tiêu chí và 11 tiêu chí thành phần;

+ Cải cách tài chính công: 2 tiêu chí và 4 tiêu chí thành phần;

+ Hiện đại hoá hành chính: 3 tiêu chí và 10 tiêu chí thành phần;

+ Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông: 3 tiêu chí và 7 tiêu chí thành phần.

- Nhóm II: Đánh giá tác động của cải cách hành chính, gồm 27 tiêu chí, được phân loại theo 8 nội dung tác động của cải cách hành chính, cụ thể là:

+ Tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh: 2 tiêu chí;

+ Tác động đến chất lượng thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh: 4 tiêu chí;

+ Tác động đến tình hình giải quyết thủ tục hành chính: 4 tiêu chí;

+ Tác động đến tổ chức bộ máy hành chính: 3 tiêu chí;

+ Tác động đến đội ngũ công chức giải quyết thủ tục hành chính: 4 tiêu chí;

+ Tác động đến quản lý tài chính công: 3 tiêu chí;

+ Tác động đến hiện đại hóa hành chính: 4 tiêu chí;

+ Tác động đến chất lượng cung cấp dịch vụ công: 3 tiêu chí.

Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp tỉnh được nêu chi tiết tại Bảng 2 (kèm theo Quyết định này).

b) Thang điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá là 100.

- Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học là 32,5/100.

Thang điểm đánh giá được xác định cụ thể đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần tại Bảng 2.

c) Phương pháp đánh giá:

- Tự đánh giá của các tỉnh:

+ Các tỉnh tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh và các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số CCHC cấp tỉnh và hướng dẫn của Bộ Nội vụ. Điểm các tỉnh tự đánh giá được thể hiện tại cột "Tự đánh giá" của Bảng 2;

+ Điểm tự đánh giá của các tỉnh được Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định để xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh nếu cần thiết. Kết quả điểm do Bộ Nội vụ quyết định được thể hiện tại cột "BNV đánh giá" của Bảng 2.

- Đánh giá thông qua điều tra xã hội học:

+ Số tiêu chí đánh giá qua điều tra xã hội học là 24, được thể hiện tại cột "Ghi chú" của Bảng 2. Việc điều tra xã hội học được tiến hành để lấy ý kiến đánh giá của các nhóm đối tượng khác nhau, do Bộ Nội vụ quy định;

+ Bộ câu hỏi điều tra xã hội học được xây dựng với số lượng, nội dung câu hỏi tương ứng với các tiêu chí của Chỉ số CCHC cấp tỉnh;

+ Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học được thể hiện tại cột "Điều tra XHH" của Bảng 2.

d) Tính toán, xác định Chỉ số CCHC cấp tỉnh:

- Tổng hợp điểm đánh giá qua điều tra xã hội học và điểm Bộ Nội vụ đánh giá, được thể hiện tại cột "Điểm đạt được".

- Chỉ số CCHC được xác định bằng tỉ lệ phần trăm (%) giữa tổng điểm đạt được và tổng điểm tối đa (100 điểm). Chỉ số CCHC của tỉnh được thể hiện ở dòng cuối cùng của Bảng 2.

- Chỉ số thành phần theo lĩnh vực, tiêu chí được xác định bằng tỉ lệ phần trăm (%) giữa điểm đạt được và điểm tối đa của từng lĩnh vực, tiêu chí.

III. GIẢI PHÁP

1. Nâng cao trách nhiệm và hiệu quả chỉ đạo điều hành của các ngành, các cấp đối với việc xác định Chỉ số CCHC

- Chỉ đạo việc thực hiện các nội dung cải cách hành chính một cách nghiêm túc, có hiệu quả theo kế hoạch cải cách hành chính hàng năm.

- Chỉ đạo việc thực hiện công tác theo dõi, đánh giá cải cách hành chính một cách thường xuyên, liên tục, bảo đảm trung thực, khách quan trong việc tổng hợp, thống kê, đánh giá, báo cáo các kết quả cải cách hành chính.

2. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến về Chỉ số CCHC

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến về mục tiêu, nội dung, kết quả Chỉ số CCHC hàng năm dưới nhiều hình thức khác nhau (hội nghị, hội thảo, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng...) nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và tăng cường sự tham gia, phối hợp của các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong quá trình theo dõi, đánh giá kết quả triển khai cải cách hành chính hàng năm của các bộ, các tỉnh.

3. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác theo dõi, đánh giá cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị hành chính

- Các bộ, các tỉnh: Phân công nhiệm vụ cho công chức thực hiện cải cách hành chính triển khai công tác theo dõi, đánh giá cải cách hành chính của bộ, tỉnh một cách thường xuyên, liên tục. Tổng hợp, đánh giá một cách khách quan, trung thực kết quả cải cách hành chính đạt được hàng năm theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định trong Chỉ số CCHC.

- Các bộ chủ trì các nội dung cải cách hành chính theo phân công tại Nghị quyết số 30c/NQ-CP của Chính phủ, Quyết định số 225/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ tổng hợp, đánh giá tình hình, kết quả triển khai cải cách hành chính đối với lĩnh vực được giao phụ trách, để hàng năm phối hợp với Bộ Nội vụ và các bộ, cơ quan liên quan trong việc thẩm định, đánh giá kết quả triển khai cải cách hành chính của các bộ, các tỉnh.

4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm kinh phí cho công tác xác định Chỉ số CCHC

- Xây dựng phần mềm đánh giá chấm điểm để xác định Chỉ số CCHC một cách chính xác, khách quan. Xây dựng cơ sở dữ liệu về Chỉ số CCHC để bảo đảm tính hệ thống trong công tác theo dõi, đánh giá của các cơ quan hành chính. Nghiên cứu các hình thức tổ chức điều tra xã hội học một cách phù hợp, trong đó có hình thức điều tra trực tuyến để lấy ý kiến người dân, tổ chức về kết quả cải cách hành chính của các bộ, các tỉnh.

- Bố trí đủ kinh phí cho việc thực hiện xác định Chỉ số CCHC hàng năm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm thực hiện

a) Bộ Nội vụ:

- Vụ Cải cách hành chính:

+ Xây dựng trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành văn bản hướng dẫn các bộ, các tỉnh triển khai việc xác định Chỉ số CCHC trong phạm vi trách nhiệm của bộ, tỉnh;

+ Hàng năm xây dựng kế hoạch kèm theo dự toán kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC, chủ trì tổ chức thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt;

+ Tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ công chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của các bộ, các tỉnh về công tác theo dõi, đánh giá và xác định Chỉ số CCHC;

+ Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền về Chỉ số CCHC trong kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính hàng năm;

+ Theo dõi, đôn đốc các bộ, các tỉnh triển khai kế hoạch xác định Chỉ số CCHC;

+ Nghiên cứu, xác định đối tượng điều tra xã hội học và xây dựng bộ câu hỏi điều tra xã hội học phù hợp với từng nhóm đối tượng; xác định quy mô mẫu điều tra xã hội học;

+ Xác định phương thức tổ chức điều tra xã hội học phù hợp với điều kiện thực tế; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan triển khai thực hiện điều tra xã hội học phục vụ cho việc xác định Chỉ số CCHC hàng năm của các bộ, các tỉnh;

+ Tổng hợp, xử lý số liệu để xác định Chỉ số CCHC và xây dựng báo cáo kết quả Chỉ số CCHC;

+ Trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC hàng năm của các bộ, các tỉnh;

+ Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức công bố Chỉ số CCHC hàng năm;

+ Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu xây dựng và triển khai áp dụng phần mềm báo cáo chấm điểm điện tử để triển khai áp dụng từ năm 2018;

+ Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát nội dung Chỉ số CCHC để trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế.

- Vụ Kế hoạch - Tài chính:

Phối hợp với Vụ Cải cách hành chính lập dự toán kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC để tổng hợp chung vào dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Nội vụ và gửi Bộ Tài chính theo quy định.

- Các đơn vị khác thuộc Bộ:

Theo chức năng của đơn vị, phối hợp với Vụ Cải cách hành chính thực hiện các nhiệm vụ trong triển khai xác định Chỉ số CCHC hàng năm.

b) Các bộ, các tỉnh:

- Triển khai việc xác định Chỉ số CCHC trong phạm vi trách nhiệm của bộ, tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

- Tổng hợp số liệu, xây dựng báo cáo tự chấm điểm xác định Chỉ số CCHC của bộ, tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

- Phối hợp với Bộ Nội vụ trong việc tổ chức điều tra xã hội học để xác định Chỉ số CCHC của bộ, tỉnh.

- Các bộ, cơ quan ngang bộ: Tài chính; Tư pháp; Thông tin và Truyền thông; Khoa học và Công nghệ; Kế hoạch và Đầu tư; Văn phòng Chính phủ phối hợp với Bộ Nội vụ trong việc theo dõi, đánh giá cải cách hành chính đối với từng lĩnh vực cải cách theo phân công của Chính phủ.

- Các bộ, các tỉnh căn cứ vào Chỉ số CCHC được phê duyệt tại Quyết định này, xây dựng và đưa vào triển khai Chỉ số CCHC áp dụng trong nội bộ của bộ, tỉnh phục vụ cho công tác theo dõi, đánh giá cải cách hành chính đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc phù hợp với điều kiện thực tế của bộ, tỉnh để bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất trong công tác theo dõi, đánh giá cải cách hành chính.

2. Kinh phí thực hiện

a) Kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC được đảm bảo bằng ngân sách nhà nước và các nguồn tài trợ hợp pháp khác (nếu có).

b) Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cho triển khai xác định Chỉ số CCHC hàng năm thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số

1294/QĐ-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án "Xác định Chỉ số CCHC của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương".

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Sở Nội vụ các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lưu: VT, CCHC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

(đã ký)

Nguyễn Trọng Thừa

Bảng 1
CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP BỘ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số **4361** QĐ-BNV ngày 28 /12/2016 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	BNV đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
I	**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CCHC CỦA BỘ**	**62**						
1	**CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC**	**10,5**						
1.1	***Kế hoạch CCHC năm***	***2***						
1.1.1	Thời gian ban hành kế hoạch *(trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch)*	0,5						
	Ban hành kịp thời: 0,5							
	Ban hành không kịp thời: 0							
1.1.2	Chất lượng kế hoạch CCHC	0,5						
	Đạt yêu cầu theo hướng dẫn của Bộ Nội							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	BNV đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
	vụ: 0,5							
	Không đạt yêu cầu theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ: 0							
1.1.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC	1						
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1							
	Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,5							
	Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,25							
	Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0							
1.2	***Thực hiện công tác báo cáo CCHC***	***2***						
1.2.1	Báo cáo CCHC định kỳ	1						
	Đáp ứng yêu cầu về số lượng, nội dung và thời gian báo cáo theo hướng dẫn: 1							
	Không đáp ứng yêu cầu về số lượng hoặc nội dung hoặc thời gian báo cáo theo hướng dẫn: 0							
1.2.2	Báo cáo tự chấm điểm kết quả Chỉ số CCHC	1						
	Điểm tự chấm chính xác 100% so với kết quả thẩm định: 1							
	Điểm tự chấm sai số không quá 3% so với kết quả thẩm định: 0,5							
	Điểm tự chấm sai số trên 3% so với kết quả thẩm định: 0							
1.3	***Kiểm tra công tác CCHC***	***2***						
1.3.1	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị thuộc bộ *(Vụ, Cục, Tổng cục và tương đương)* được kiểm tra trong năm	1						
	Từ 30% số cơ quan, đơn vị trở lên: 1							
	Từ 20% - dưới 30% số cơ quan, đơn vị: 0,5							
	Dưới 20% số cơ quan, đơn vị: 0							
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1						
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	BNV đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
	Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5							
	Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25							
	Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0							
1.4	***Công tác tuyên truyền CCHC***	***2***						
1.4.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC	1						
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1							
	Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,5							
	Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,25							
	Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0							
1.4.2	Mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC	1						
	Thực hiện tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các kênh truyền thống: 0,5							
	Thực hiện các hình thức tuyên truyền khác về CCHC: 0,5							
1.5	***Sáng kiến trong cải cách hành chính***	***1***						
	Có sáng kiến mới trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của bộ trong năm:1							
	Không có sáng kiến: 0							
1.6	***Thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trong năm***	***1,5***						
	Hoàn thành đúng tiến độ 100% số nhiệm vụ được giao:1,5							
	Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao nhưng có nhiệm vụ hoàn thành muộn so với tiến độ: 1							
	Hoàn thành dưới 100% số nhiệm vụ được giao:0							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	BNV đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
2	**XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN THỂ CHẾ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ**	**10,5**						
2.1	***Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ***	***3***						
2.1.1	Xây dựng VBQPPL trong năm theo chương trình xây dựng pháp luật đã được phê duyệt	2						
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 2							
	Hoàn thành từ 90% - dưới 100% kế hoạch: 1							
	Hoàn thành dưới 90% kế hoạch: 0							
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL	1						
	100% VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình: 1							
	Dưới 100% VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình: 0							
2.2	***Theo dõi thi hành pháp luật***	***2,5***						
2.2.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của bộ	1						
	Hoàn thành 100% kế hoạch:1							
	Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,5							
	Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,25							
	Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0							
2.2.2	Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật	*0,5*						
	Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0,5							
	Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0							
2.2.3	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1						
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	BNV đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
	Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5							
	Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25							
	Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0							
2.3	***Rà soát, hệ thống hóa VBQPPL***	***1,5***						
2.3.1	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	0,5						
	Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định:0,5							
	Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0							
2.3.2	Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	1						
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1							
	Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5							
	Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25							
	Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0							
2.4	***Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật***	***1,5***						
2.4.1	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kiểm tra, xử lý VBQPPL	0,5						
	Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0,5							
	Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0							
2.4.2	Xử lý vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1						
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1							
	Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	BNV đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
	Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25							
	Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0							
2.5	***Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ***	***2***						
2.5.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch thanh tra	1						
	Hoàn thành 100% kế hoạch:1							
	Hoàn thành dưới 100% kế hoạch: 0							
2.5.2	Kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra	1						
	Đúng quy định:1							
	Không đúng quy định: 0							
3	**CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**	**10,5**						
3.1	***Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC)***	***1,5***						
3.1.1	Tỷ lệ TTHC do bộ tham mưu ban hành được gửi lấy ý kiến cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình dự thảo theo quy định	1						
	100% số TTHC ban hành trong năm đã được gửi lấy ý kiến: 1							
	Từ 90% - dưới 100% số TTHC ban hành trong năm đã được gửi lấy ý kiến: 0,5							
	Dưới 90% số TTHC ban hành trong năm đã được gửi lấy ý kiến: 0							
3.1.2	Tỷ lệ TTHC được ban hành trong năm đã được đánh giá tác động	0,5						
	100% số TTHC: 0,5							
	Dưới 100% số TTHC: 0							
3.2	***Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính***	***2***						
3.2.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính	1						
	Hoàn thành 100% kế hoạch:1							
	Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,5							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	BNV đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
	Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,25							
	Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0							
3.2.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát	1						
	100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1							
	Dưới 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0							
3.3	***Công bố, cập nhật thủ tục hành chính***	***2***						
3.3.1	Công bố TTHC theo quy định của Chính phủ	1						
	Công bố đầy đủ, kịp thời TTHC và các quy định có liên quan: 1							
	Công bố không đầy đủ hoặc không kịp thời: 0							
3.3.2	Cập nhật TTHC và các văn bản quy định về TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia	1						
	Kịp thời: 1							
	Không kịp thời: 0							
3.4	***Công khai thủ tục hành chính***	***2***						
3.4.1	Niêm yết công khai TTHC tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực tiếp giải quyết TTHC thuộc bộ	1						
	Đầy đủ, đúng quy định: 1							
	Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0							
3.4.2	Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng/Trang thông tin điện tử của bộ	1						
	100% số TTHC: 1							
	Dưới 100% số TTHC: 0							
3.5	***Tỷ lệ TTHC được giải quyết đúng hạn theo quy định***	***1,5***						
	100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn:1,5							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	BNV đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
	Dưới 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0							
3.6	***Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ***	***1,5***						
3.6.1	Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ	0,5						
	Thực hiện đúng quy định: 0,5							
	Không thực hiện đúng quy định: 0							
3.6.2	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ	1						
	100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1							
	Từ 90% - dưới 100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5							
	Dưới 90% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0							
4	**CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH**	**6,5**						
4.1	***Tuân thủ các quy định của Chính phủ về tổ chức bộ máy***	***1,5***						
	Thực hiện đầy đủ theo quy định: 1,5							
	Không thực hiện đầy đủ theo quy định: 0							
4.2	***Kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc bộ*** *(Vụ, Cục, Tổng cục và tương đương)*	***2***						
4.2.1	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị thuộc bộ *(Vụ, Cục, Tổng cục và tương đương)* được kiểm tra trong năm	1						
	Từ 30% số cơ quan, đơn vị trở lên: 1							
	Từ 20% - dưới 30% số cơ quan, đơn vị: 0,5							
	Dưới 20% số cơ quan, đơn vị: 0							
4.2.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	BNV đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1							
	Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5							
	Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25							
	Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0							
4.3	***Thực hiện phân cấp quản lý***	***3***						
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ ban hành	1						
	Thực hiện đầy đủ các quy định: 1							
	Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0							
4.3.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ đã phân cấp cho địa phương	1						
	Có thực hiện: 1							
	Không thực hiện: 0							
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1						
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1							
	Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5							
	Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25							
	Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0							
5	**XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**	**10,5**						
5.1	***Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm***	***2***						
5.1.1	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của bộ thực hiện đúng cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	BNV đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
	100% số cơ quan, tổ chức: 1							
	Từ 80% - dưới 100% số cơ quan, tổ chức: 0,5							
	Từ 60% - dưới 80% số cơ quan, tổ chức: 0,25							
	Dưới 60% số cơ quan, tổ chức: 0							
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc bộ thực hiện đúng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	1						
	100% số đơn vị: 1							
	Từ 80% - dưới 100% số đơn vị: 0,5							
	Từ 60% - dưới 80% số đơn vị: 0,25							
	Dưới 60% số đơn vị: 0							
5.2	***Tuyển dụng công chức, viên chức***	***2***						
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại các cơ quan, đơn vị thuộc bộ *(Vụ, Cục, Tổng cục và tương đương)*	1						
	Đúng quy định: 1							
	Không đúng quy định: 0							
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ	1						
	Đúng quy định: 1							
	Không đúng quy định: 0							
5.3	***Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của bộ***	***1***						
5.3.1	Thực hiện quy định về thi nâng ngạch công chức	0,5						
	Đúng quy định: 0,5							
	Không đúng quy định: 0							
5.3.2	Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức	0,5						
	Đúng quy định: 0,5							
	Không đúng quy định: 0							
5.4	***Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp vụ và tương đương***	***1***						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	BNV đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
	100% số lãnh đạo cấp vụ và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: 1							
	Dưới 100% số lãnh đạo cấp vụ và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: 0							
5.5	***Thực hiện quy định về đánh giá, phân loại công chức, viên chức***	***1***						
	Đúng quy định: 1							
	Không đúng quy định: 0							
5.6	***Mức độ hoàn thành kế hoạch tinh giản biên chế trong năm***	***2***						
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 2							
	Hoàn thành từ 70% - dưới 100% kế hoạch: 1							
	Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0							
5.7	***Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức***	***1,5***						
5.7.1	Thực hiện công tác báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	0,5						
	Đúng quy định: 0,5							
	Không đúng quy định: 0							
5.7.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	1						
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1							
	Hoàn thành từ 70% - dưới 100% kế hoạch: 0,5							
	Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0							
6	**CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG**	**3**						
6.1	***Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính***	***1***						
	Đúng quy định: 1							
	Không đúng quy định: 0							
6.2	***Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ***	***2***						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	BNV đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
6.2.1	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	1						
	100% số đơn vị: 1							
	Dưới 100% số đơn vị: 0							
6.2.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thực hiện đúng quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm	1						
	100% số đơn vị: 1							
	Dưới 100% số đơn vị: 0							
7	**HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH**	**10,5**						
7.1	***Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của bộ***	***4,5***						
7.1.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch ứng dụng CNTT	1						
	Hoàn thành 100% kế hoạch:1							
	Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,5							
	Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,25							
	Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0							
7.1.2	Xây dựng và triển khai Kiến trúc Chính phủ điện tử của bộ	1						
	Đã ban hành và duy trì, cập nhật theo quy định: 1							
	Đã ban hành nhưng không duy trì, cập nhật theo quy định: 0,5							
	Chưa ban hành Kiến trúc: 0							
7.1.3	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị thuộc bộ dưới dạng điện tử	1						
	Từ 80% số văn bản trở lên: 1							
	Từ 60% - dưới 80% số văn bản: 0,5							
	Từ 50% - dưới 60% số văn bản: 0,25							
	Dưới 50% số văn bản: 0							
7.1.4	Áp dụng hình thức thi trên máy tính trong	1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	BNV đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
	các kỳ thi tuyển dụng, thi nâng ngạch công chức và thi thăng hạng viên chức							
	Đã áp dụng:1							
	Chưa áp dụng:0							
7.1.5	Tỷ lệ Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc bộ sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp trong xử lý công việc	0,5						
	100% số Thủ trưởng cơ quan, đơn vị: 0,5							
	Từ 80% - dưới 100% số Thủ trưởng cơ quan, đơn vị: 0,25							
	Dưới 80% số Thủ trưởng cơ quan, đơn vị: 0							
7.2	***Cung cấp dịch vụ công trực tuyến***	***3,5***						
7.2.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3	1,5						
	Từ 40% số hồ sơ TTHC trở lên: 1,5							
	Từ 30% - dưới 40% số hồ sơ TTHC: 1							
	Từ 20% - dưới 30% số hồ sơ TTHC: 0,5							
	Dưới 20% số hồ sơ TTHC: 0							
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4	1,5						
	Từ 30% số hồ sơ TTHC trở lên: 1,5							
	Từ 20% - dưới 30% số hồ sơ TTHC: 1							
	Từ 10% - dưới 20% số hồ sơ TTHC: 0,5							
	Dưới 10% số hồ sơ TTHC: 0							
7.2.3	Thực hiện quy định về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích	0,5						
	Đúng quy định: 0,5							
	Không đúng quy định: 0							
7.3	***Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2008***	***2,5***						
7.3.1	Công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN	0,5						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	BNV đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
	9001:2008 tại cơ quan bộ							
	Có ban hành: 0,5							
	Không ban hành: 0							
7.3.2	Tỷ lệ cơ quan hành chính thuộc bộ *(Cục, Tổng cục và tương đương)* đã công bố hệ thống quản lý chất lượng ISO tại đơn vị	1						
	100% số cơ quan: 1							
	Từ 90% - dưới 100% số cơ quan: 0,5							
	Dưới 90% số cơ quan: 0							
7.3.3	Tỷ lệ cơ quan thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo quy định	1						
	100% số cơ quan: 1							
	Từ 80% - dưới 100% số cơ quan: 0,5							
	Dưới 80% số cơ quan: 0							
II	**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**	**38**						
1	***Tác động đến thể chế, cơ chế, chính sách thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ***	**8,5**						
1.1	Đánh giá về vai trò của bộ đối với sự phát triển của ngành, lĩnh vực	1,5						Điều tra xã hội học
1.2	Tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ	1						Điều tra xã hội học
1.3	Tính hợp lý của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ	1						Điều tra xã hội học
1.4	Tính khả thi của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ	1						Điều tra xã hội học
1.5	Tính kịp thời trong tổ chức triển khai các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ	2						Điều tra xã hội học
1.6	Tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ	2						Điều tra xã hội học

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	BNV đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
2	***Tác động đến chất lượng quy định TTHC***	**5,5**						
2.1	Mức độ rõ ràng, dễ hiểu về các quy định hồ sơ, trình tự thực hiện TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ	1,5						Điều tra xã hội học
2.2	Sự đơn giản, dễ thực hiện đối với mẫu đơn, mẫu tờ khai trong hồ sơ TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ	1,5						Điều tra xã hội học
2.3	Sự minh bạch, rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong quy trình giải quyết TTHC do bộ công bố	1,5						Điều tra xã hội học
2.4	Tính hợp lý về các quy định hồ sơ, trình tự thực hiện TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ	1						Điều tra xã hội học
3	***Tác động đến tổ chức bộ máy hành chính***	***5***						
3.1	Đánh giá về thực hiện quy chế làm việc của bộ	1						Điều tra xã hội học
3.2	Tính hợp lý trong phân định chức năng, nhiệm vụ giữa các đơn vị thuộc, trực thuộc bộ	1						Điều tra xã hội học
3.3	Tính hợp lý trong thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện do bộ ban hành	1,5						Điều tra xã hội học
3.4	Tính hợp lý trong việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa bộ và địa phương	1,5						Điều tra xã hội học
4	***Tác động đến chất lượng đội ngũ công chức của bộ***	**9**						
4.1	Đánh giá về năng lực giải quyết công việc của công chức	1,5						Điều tra xã hội học
4.2	Đánh giá về tinh thần trách nhiệm đối với công việc của công chức	2						Điều tra xã hội học
4.3	Đánh giá về thái độ phục vụ của công chức	2						Điều tra xã hội học
4.4	Tình trạng công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân	1						Điều tra xã hội học

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	BNV đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
4.5	Tính công khai, minh bạch trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức	1,5						Điều tra xã hội học
4.6	Tính hiệu quả trong việc thực thi chính sách thu hút người có tài năng vào bộ máy hành chính	1						Điều tra xã hội học
5	***Tác động đến quản lý tài chính công***	**4,5**						
5.1	Đánh giá việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của bộ	1,5						Điều tra xã hội học
5.2	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính	1,5						Điều tra xã hội học
5.3	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập	1,5						Điều tra xã hội học
6	***Tác động đến hiện đại hóa hành chính***	**5,5**						
6.1	Tính kịp thời của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin điện tử của bộ	1						Điều tra xã hội học
6.2	Mức độ đầy đủ của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin của bộ	1						Điều tra xã hội học
6.3	Mức độ thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử của bộ	1						Điều tra xã hội học
6.4	Chất lượng xử lý công việc trên môi trường mạng trong khối cơ quan bộ	1,5						Điều tra xã hội học
6.5	Tính hiệu quả trong việc thực hiện quy trình ISO	1						Điều tra xã hội học
	TỔNG ĐIỂM (= I + II)	**100**						

Bảng 2

CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số **4361**/ QĐ-BNV ngày 28 /12/2016 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	BNV đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
I	**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CCHC CỦA TỈNH**	**62**						
1	**CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC**	**8,5**						
1.1	***Kế hoạch CCHC năm***	***2***						
1.1.1	Thời gian ban hành kế hoạch *(trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch)*	0,5						
	Ban hành kịp thời: 0,5							
	Ban hành không kịp thời: 0							
1.1.2	Chất lượng kế hoạch CCHC	0,5						
	Đạt yêu cầu theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ: 0,5							
	Không đạt yêu cầu theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ: 0							
1.1.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC	1						
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1							
	Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,5							
	Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,25							
	Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0							
1.2	***Thực hiện công tác báo cáo CCHC***	***2***						
1.2.1	Báo cáo CCHC định kỳ	1						
	Đáp ứng yêu cầu về số lượng, nội dung và thời gian báo cáo theo hướng dẫn: 1							
	Không đáp ứng yêu cầu về số lượng hoặc nội dung hoặc thời gian báo cáo theo hướng dẫn: 0							
1.2.2	Báo cáo tự chấm điểm kết quả Chỉ số CCHC	1						
	Điểm tự chấm chính xác 100% so với kết quả thẩm định: 1							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	BNV đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
	Điểm tự chấm sai số không quá 3% so với kết quả thẩm định: 0,5							
	Điểm tự chấm sai số trên 3% so với kết quả thẩm định: 0							
1.3	***Kiểm tra công tác CCHC***	***2***						
1.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện được kiểm tra trong năm	1						
	Từ 30% số cơ quan, đơn vị trở lên: 1							
	Từ 20% - dưới 30% số cơ quan, đơn vị: 0,5							
	Dưới 20% số cơ quan, đơn vị: 0							
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1						
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1							
	Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5							
	Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25							
	Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0							
1.4	***Công tác tuyên truyền CCHC***	***1,5***						
1.4.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC	0,5						
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 0,5							
	Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 0,25							
	Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0							
1.4.2	Mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC	1						
	Thực hiện tuyên truyền đầy đủ nội dung CCHC thông qua các kênh truyền thống: 0,5							
	Thực hiện các hình thức tuyên truyền khác về CCHC: 0,5							
1.5	***Sáng kiến trong cải cách hành chính***	***1***						
	Có sáng kiến mới trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh trong năm: 1							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	BNV đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt đượ c		
	Không có sáng kiến: 0							
2	**XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TẠI TỈNH**	**7,5**						
2.1	***Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh***	***2***						
2.1.1	Xây dựng VBQPPL trong năm theo danh mục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	1,5						
	100% số văn bản được ban hành đúng tiến độ:1,5							
	Từ 90% - dưới 100% số văn bản được ban hành đúng tiến độ: 1							
	Từ 80% - dưới 90 % số văn bản được ban hành đúng tiến độ: 0,5							
	Dưới 80% số văn bản được ban hành đúng tiến độ: 0							
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL	0,5						
	100% VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình: 0,5							
	Dưới 100% VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình: 0							
2.2	***Theo dõi thi hành pháp luật***	***2,5***						
2.2.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của tỉnh	1						
	Hoàn thành 100% kế hoạch:1							
	Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch:0,5							
	Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch:0,25							
	Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0							
2.2.2	Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật	0,5						
	Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0,5							
	Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	BNV đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
2.2.3	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1						
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1							
	Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5							
	Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25							
	Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0							
2.3	***Rà soát, hệ thống hóa VBQPPL***	***1,5***						
2.3.1	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	0,5						
	Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0,5							
	Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0							
2.3.2	Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	1						
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1							
	Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5							
	Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25							
	Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0							
2.4	***Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật***	***1,5***						
2.4.1	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kiểm tra, xử lý VBQPPL	0,5						
	Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0,5							
	Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0							
2.4.2	Xử lý vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1						
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	BNV đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
	Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5							
	Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25							
	Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0							
3	**CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**	**9**						
3.1	***Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính (TTHC)***	***2***						
3.1.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính	1						
	Hoàn thành 100% kế hoạch:1							
	Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch:0,5							
	Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch:0,25							
	Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0							
3.1.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát	1						
	100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1							
	Dưới 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0							
3.2	***Công bố, cập nhật thủ tục hành chính***	***2***						
3.2.1	Công bố TTHC theo quy định của Chính phủ	1						
	Công bố đầy đủ, kịp thời TTHC và các quy định có liên quan: 1							
	Công bố không đầy đủ hoặc không kịp thời: 0							
3.2.2	Cập nhật TTHC và các văn bản quy định về TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia	1						
	Kịp thời: 1							
	Không kịp thời: 0							
3.3	***Công khai thủ tục hành chính***	***3***						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	BNV đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
3.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1						
	100% số cơ quan, đơn vị: 1							
	Từ 85% - dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 0,5							
	Từ 70% - dưới 85% số cơ quan, đơn vị: 0,25							
	Dưới 70% số cơ quan, đơn vị: 0							
3.3.2	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.	1						
	100% số cơ quan, đơn vị: 1							
	Dưới 100% số cơ quan đơn vị: 0							
3.3.3	Tỷ lệ TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh	1						
	100% số TTHC:1							
	Dưới 100% số TTHC: 0							
3.4	***Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh***	***2***						
3.4.1	Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	1						
	Thực hiện đúng quy định: 1							
	Không thực hiện đúng quy định: 0							
3.4.2	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	1						
	100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1							
	Từ 90% - dưới 100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5							
	Dưới 90% số PAKN được xử lý hoặc kiến							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	BNV đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
	nghị xử lý: 0							
4	**CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH**	**6,5**						
4.1	***Tuân thủ các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy***	***1,5***						
	Thực hiện đầy đủ theo quy định: 1,5							
	Không thực hiện đầy đủ theo quy định: 0							
4.2	***Kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện***	***2***						
4.2.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện được kiểm tra	1						
	Từ 30% số cơ quan, đơn vị trở lên: 1							
	Từ 20% - dưới 30% số cơ quan, đơn vị: 0,5							
	Dưới 20% số cơ quan, đơn vị: 0							
4.2.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1						
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1							
	Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5							
	Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25							
	Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0							
4.3	***Thực hiện phân cấp quản lý***	***3***						
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành	1						
	Thực hiện đầy đủ các quy định: 1							
	Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0							
4.3.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã	1						
	Có thực hiện: 1							
	Không thực hiện: 0							
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	BNV đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1							
	Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5							
	Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25							
	Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0							
5	**XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**	**9,5**						
5.1	***Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm***	***2***						
5.1.1	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh thực hiện đúng cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	1						
	100% số cơ quan, tổ chức: 1							
	Từ 80% - dưới 100% số cơ quan, tổ chức: 0,5							
	Từ 60% - dưới 80% số cơ quan, tổ chức: 0,25							
	Dưới 60% số cơ quan, tổ chức: 0							
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh thực hiện đúng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	1						
	100% số đơn vị: 1							
	Từ 80% - dưới 100% số đơn vị: 0,5							
	Từ 60% - dưới 80% số đơn vị: 0,25							
	Dưới 60% số đơn vị: 0							
5.2	***Tuyển dụng công chức, viên chức***	***1***						
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã	0,5						
	Đúng quy định: 0,5							
	Không đúng quy định: 0							
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập	0,5						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	BNV đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
	thuộc tỉnh							
	Đúng quy định: 0,5							
	Không đúng quy định: 0							
5.3	***Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của tỉnh***	***1***						
5.3.1	Thực hiện quy định về thi nâng ngạch công chức	0,5						
	Đúng quy định: 0,5							
	Không đúng quy định: 0							
5.3.2	Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức	0,5						
	Đúng quy định: 0,5							
	Không đúng quy định: 0							
5.4	***Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp sở và tương đương***	**1**						
	100% số lãnh đạo cấp sở và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: 1							
	Dưới 100% số lãnh đạo cấp sở và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: 0							
5.5	***Thực hiện quy định về đánh giá, phân loại công chức, viên chức***	***0,5***						
	Đúng quy định: 0,5							
	Không đúng quy định: 0							
5.6	***Mức độ hoàn thành kế hoạch tinh giản biên chế trong năm***	***1***						
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1							
	Hoàn thành từ 70% - dưới 100% kế hoạch: 0,5							
	Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0							
5.7	***Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức***	***1,5***						
5.7.1	Thực hiện công tác báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	0,5						
	Đúng quy định: 0,5							
	Không đúng quy định: 0							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	BNV đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt đượ c		
5.7.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1						
	Hoàn thành 100% kế hoạch:1							
	Hoàn thành từ 70% - dưới 100% kế hoạch: 0,5							
	Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0							
5.8	***Cán bộ, công chức cấp xã***	***1,5***						
5.8.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	0,5						
	100% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 0,5							
	Từ 80% - dưới 100% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 0,25							
	Dưới 80% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 0							
5.8.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	0,5						
	100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0,5							
	Từ 80% - dưới 100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0,25							
	Dưới 80% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0							
5.8.3	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm	0,5						
	Từ 70% số cán bộ, công chức trở lên: 0,5							
	Từ 50% - dưới 70% số cán bộ, công chức: 0,25							
	Dưới 50% số cán bộ, công chức: 0							
6	**CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG**	**4**						
6.1	***Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính***	***1***						
	Đúng quy định: 1							
	Không đúng quy định: 0							
6.2	***Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh***	***3***						
6.2.1	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	BNV đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
	100% số đơn vị:1							
	Dưới 100% số đơn vị: 0							
6.2.2	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên	1						
	Số đơn vị tăng so với năm trước:1							
	Số đơn vị không tăng so với năm trước: 0							
6.2.3	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp	0,5						
	100% số đơn vị đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án: 0,5							
	Từ 80% - dưới 100% số đơn vị đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án: 0,25							
	Dưới 80% số đơn vị đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án: 0							
6.2.4	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đúng quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm	0,5						
	100% số đơn vị: 0,5							
	Dưới 100% số đơn vị: 0							
7	**HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH**	**9**						
7.1	***Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của tỉnh***	***4***						
7.1.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch ứng dụng CNTT	1						
	Hoàn thành 100% kế hoạch:1							
	Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch:0,5							
	Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch:0,25							
	Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0							
7.1.2	Xây dựng và triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh	1						
	Đã ban hành và duy trì, cập nhật theo quy định: 1							
	Đã ban hành nhưng không duy trì, cập nhật							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	BNV đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
	theo quy định: 0,5							
	Chưa ban hành Kiến trúc: 0							
7.1.3	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử	1						
	Từ 80% số văn bản trở lên: 1							
	Từ 60% - dưới 80% số văn bản: 0,5							
	Từ 50% - dưới 60% số văn bản: 0,25							
	Dưới 50% số văn bản: 0							
7.1.4	Thực hiện kết nối, liên thông các phần mềm quản lý văn bản *(từ cấp tỉnh đến cấp xã)*	1						
	Đã kết nối liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã: 1							
	Đã kết nối liên thông từ cấp tỉnh đến cấp huyện: 0,5							
	Chưa thực hiện kết nối liên thông: 0							
7.2	***Cung cấp dịch vụ công trực tuyến***	***3,5***						
7.2.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3	1,5						
	Từ 40% số hồ sơ TTHC trở lên: 1,5							
	Từ 30% - dưới 40% số hồ sơ TTHC: 1							
	Từ 20% - dưới 30% số hồ sơ TTHC: 0,5							
	Dưới 20% số hồ sơ TTHC: 0							
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4	1,5						
	Từ 30% số hồ sơ TTHC trở lên: 1,5							
	Từ 20% - dưới 30% số hồ sơ TTHC: 1							
	Từ 10% - dưới 20% số hồ sơ TTHC: 0,5							
	Dưới 10% số hồ sơ TTHC: 0							
7.2.3	Thực hiện quy định về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích	0,5						
	Đúng quy định: 0,5							
	Không đúng quy định: 0							
7.3	***Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:***	***1,5***						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	BNV đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt đượ c		
	2008							
7.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008	0,5						
	100% số cơ quan, đơn vị: 0,5							
	Từ 80% - dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 0,25							
	Dưới 80% số cơ quan, đơn vị: 0							
7.3.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008	0,5						
	Từ 70% số đơn vị trở lên: 0,5							
	Từ 50% - dưới 70% số đơn vị: 0,25							
	Dưới 50% số đơn vị: 0							
7.3.3	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo quy định	0,5						
	100% số cơ quan, đơn vị: 0,5							
	Từ 80% - dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 0,25							
	Dưới 80% số cơ quan, đơn vị: 0							
8	**THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG**	**8**						
8.1	***Thủ tục hành chính giải quyết theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông***	***5,5***						
8.1.1	Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh *(sở, ban, ngành)* được thực hiện theo cơ chế một cửa	1						
	100% số TTHC: 1							
	Từ 80% - dưới 100% số TTHC: 0,5							
	Từ 70% - dưới 80% số TTHC: 0,25							
	Dưới 70% số TTHC: 0							
8.1.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện có 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ chế một cửa	1,5						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	BNV đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
	100% số đơn vị : 1,5							
	Từ 80% - dưới 100% số đơn vị: 1							
	Từ 60% - dưới 80% số đơn vị: 0,5							
	Dưới 60% số đơn vị: 0							
8.1.3	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã có 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ chế một cửa *(Không tính các xã thuộc huyện đảo)*	1,5						
	100% số đơn vị : 1,5							
	Từ 80% - dưới 100% số đơn vị: 1							
	Từ 60% - dưới 80% số đơn vị: 0,5							
	Dưới 60% số đơn vị: 0							
8.1.4	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông	1,5						
	Từ 50 TTHC trở lên: 1,5							
	Từ 30 - 49 TTHC: 1							
	Từ 20- 29 TTHC:0,5							
	Dưới 20 TTHC: 0							
8.2	***Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện có Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại***	***1***						
	100% số đơn vị: 1							
	Từ 50% - dưới 100% số đơn vị: 0,5							
	Dưới 50% số đơn vị: 0							
8.3	***Kết quả giải quyết TTHC***	***1,5***						
8.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	0,5						
	100% số cơ quan: 0,5							
	Từ 80% - dưới 100% số cơ quan: 0,25							
	Dưới 80% số cơ quan: 0							
8.3.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện có 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	0,5						
	100% số đơn vị: 0,5							
	Từ 80% - dưới 100% số đơn vị: 0,25							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	BNV đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
	Dưới 80% số đơn vị: 0							
8.3.3	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã có 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	0,5						
	100% số đơn vị: 0,5							
	Từ 80% - dưới 100% số đơn vị: 0,25							
	Dưới 80% số đơn vị: 0							
II	**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**	**38**						
1	***Tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh***	**3**						
1.1	Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh	1,5						
	Cao hơn so với năm trước liền kề:1,5							
	Bằng so với năm trước liền kề: 1							
	Thấp hơn so với năm trước liền kề: 0							
1.2	Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm	1,5						
	Tăng từ 30% trở lên so với năm trước liền kề: 1,5							
	Tăng từ 10% - dưới 30% so với năm trước liền kề: 1							
	Tăng dưới 10% so với năm trước liền kề: 0							
2	***Tác động đến chất lượng thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh***	**5**						
2.1	Tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh	1						Điều tra xã hội học
2.2	Tính hợp lý của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh	1						Điều tra xã hội học
2.3	Tính khả thi của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh	1						Điều tra xã hội học
2.4	Tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh	2						Điều tra xã hội học
3	***Tác động đến tình hình giải quyết thủ tục***	**5,5**						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	BNV đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
	hành chính							
3.1	Đánh giá về cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1,5						Điều tra xã hội học
3.2	Sự thuận tiện trong việc tìm hiểu thông tin về TTHC	1						Điều tra xã hội học
3.3	Sự đơn giản, dễ thực hiện đối với mẫu đơn, mẫu tờ khai trong hồ sơ TTHC	1,5						Điều tra xã hội học
3.4	Tính công khai, minh bạch trong giải quyết TTHC	1,5						Điều tra xã hội học
4	***Tác động đến tổ chức bộ máy hành chính***	**4**						
4.1	Đánh giá về thực hiện quy chế làm việc của UBND tỉnh	1						Điều tra xã hội học
4.2	Tính hợp lý trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền của tỉnh	1,5						Điều tra xã hội học
4.3	Tính hợp lý trong việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa tỉnh và huyện	1,5						Điều tra xã hội học
5	***Tác động đến đội ngũ công chức giải quyết thủ tục hành chính***	***5,5***						
5.1	Đánh giá về năng lực chuyên môn của công chức giải quyết TTHC	1,5						Điều tra xã hội học
5.2	Đánh giá về tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ của công chức giải quyết TTHC	2						Điều tra xã hội học
5.3	Tình trạng công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân	1						Điều tra xã hội học
5.4	Tính hiệu quả trong việc thực thi chính sách thu hút người có tài năng vào bộ máy hành chính	1						Điều tra xã hội học
6	***Tác động đến quản lý tài chính công***	***4,5***						
6.1	Đánh giá việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị	1,5						Điều tra xã hội học
6.2	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính	1,5						Điều tra xã hội học
6.3	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập	1,5						Điều tra xã hội học

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	BNV đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
7	***Tác động đến hiện đại hóa hành chính***	***4***						
7.1	Tính kịp thời của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh	1						Điều tra xã hội học
7.2	Mức độ đầy đủ của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin của tỉnh	1						Điều tra xã hội học
7.3	Mức độ thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh	1						Điều tra xã hội học
7.4	Tính hiệu quả trong việc thực hiện quy trình ISO	1						Điều tra xã hội học
8	***Tác động đến chất lượng cung cấp dịch công***	**6,5**						
8.1	Đánh giá về chất lượng cung cấp dịch vụ y tế công lập	2						Điều tra xã hội học
8.2	Đánh giá về chất lượng cung cấp dịch vụ giáo dục công lập	2						Điều tra xã hội học
8.3	Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức về chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công	2,5						Kết quả khảo sát hàng năm của tỉnh
	Đạt từ 80% trở lên: 2,5							
	Đạt từ 60% - dưới 80%: 1,5							
	Đạt dưới 60%: 0							
	TỔNG ĐIỂM (=I + II)	**100**						

HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

Văn phòng Chính phủ vừa có Thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hòa Bình về Dự thảo Nghị định về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ và Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức.

Về Dự thảo Nghị định về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ, Phó Thủ tướng yêu cầu Bộ Nội vụ hoàn chỉnh Dự thảo Nghị định theo hướng: Phạm vi điều chỉnh cần bao quát cả cơ chế phát hiện học sinh có thành tích xuất sắc ngay từ bậc trung học phổ thông; quy định độ tuổi của đối tượng áp dụng chính sách theo đúng Kết luận số 86-KL/TW của Bộ Chính trị; rà soát quy định về phụ cấp và biên chế, bảo đảm phù hợp với Kết luận số 63-KL/TW và 64-KL/TW của Hội nghị Trung ương 7 Khóa XI, Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Ảnh minh họa

Bên cạnh đó, trên cơ sở quy định về Khung trình độ quốc gia Việt Nam và xếp hạng các cơ sở giáo dục đại học, chỉnh lý quy định về tiêu chuẩn sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ phù hợp với đặc thù ngành, lĩnh vực, bảo đảm lựa chọn được người có năng lực vượt trội vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội; bổ sung cơ chế đánh giá, phương án xử lý đối với những đối tượng thuộc diện hưởng chính sách qua quá trình công tác mà không đạt yêu cầu.

Bộ Nội vụ phối hợp với Bộ Tư pháp và các cơ quan có liên quan rà soát các Luật có liên quan: Luật cán bộ, công chức, Luật viên chức, Luật sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam, Luật công an nhân dân và đề xuất sửa đổi, bổ sung nếu cần thiết; Bộ Nội vụ sớm có văn bản báo cáo

Bộ Chính trị, Ban Bí thư về quá trình triển khai Kết luận số 86-KL/TW theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 39/TB-VPCP ngày 29/2/2016 của Văn phòng Chính phủ.

Khắc phục hiện tượng nể nang trong đánh giá cán bộ, công chức, viên chức

Về Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức, Phó Thủ tướng yêu cầu Bộ Nội vụ chỉnh lý Dự thảo Nghị định theo hướng: quy định người đứng đầu đơn vị sự nghiệp có trách nhiệm nhận xét và đề nghị người đứng đầu cơ quan, đơn vị cấp trên trực tiếp quyết định đánh giá, phân loại đối với cấp phó không do mình bổ nhiệm; lưu ý quy định đối với đơn vị sự nghiệp tự chủ để bảo đảm đúng thẩm quyền.

Bộ Nội vụ báo cáo xin ý kiến Chính phủ phương án quy định về trách nhiệm xây dựng các tiêu chí chi tiết để đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức: phương án 1 như Dự thảo Nghị định là giao Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị xây dựng các tiêu chí chi tiết để đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm phù hợp với điều kiện cụ thể của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị; phương án 2 là giao Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ hướng dẫn cụ thể các tiêu chí để đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo từng ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

Bộ Nội vụ tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện quy định về đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, đáp ứng yêu cầu cải cách công vụ, công chức, bảo đảm đúng thực tế, chuẩn mực, phù hợp với cơ chế hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập, khắc phục bất cập hiện nay là còn hiện tượng nể nang, né tránh, ngại va chạm, dĩ hòa vi quý, bình quân chủ nghĩa.

Nguồn: baochinhphu.vn

QUY ĐỊNH VỀ GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ TRONG LĨNH VỰC BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ VÀ BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

Ngày 24/12/2016, Chính phủ ban hành Nghị định số 166/2016/NĐ-CP Quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp (Nghị định số 166 của Chính phủ).

Theo đó, Nghị định này quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT) và bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) bao gồm đăng ký tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực BHXH, BHYT, BHTN; cấp sổ BHXH, thẻ BHYT; giải quyết, chi trả các chế độ BHXH, BHYT, BHTN; giám định, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh

BHYT và việc trao đổi thông tin liên quan đến việc thực hiện chế độ BHXH, BHYT, BHTN (sau đây gọi chung là giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội).

3 nguyên tắc giao dịch điện tử

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử; quy định của pháp luật về BHXH, BHYT, BHTN, an toàn vệ sinh lao động, pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và pháp luật có liên quan.

- Việc thực hiện các giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội phải bảo đảm rõ ràng, bình đẳng, trung thực, an toàn, hiệu quả, tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo mật và toàn vẹn thông tin.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân được quyền lựa chọn giao dịch bằng phương tiện điện tử hoặc giao dịch bằng phương thức truyền thống trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

Ảnh minh họa

2 điều kiện thực hiện giao dịch điện tử

Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội phải bảo đảm các điều kiện sau: (1) Có chứng thư số còn hiệu lực do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cấp theo quy định. Trường hợp cá nhân thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội nhưng chưa được cấp chứng thư số thì được sử dụng mã xác thực giao dịch điện tử do Bảo hiểm xã hội Việt Nam cấp. (2) Có khả năng truy cập, sử dụng mạng Internet; có địa chỉ thư điện tử liên lạc ổn định và đăng ký với Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

5 quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân khi tham gia giao dịch điện tử

- Được thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật Giao dịch điện tử, Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan

- Được lựa chọn một trong hai hình thức quy định tại khoản 2 Điều 5 của Nghị định này; được lựa chọn Tổ chức I-VAN để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ I-VAN.

- Được Bảo hiểm xã hội Việt Nam hoặc Tổ chức I-VAN hướng dẫn, hỗ trợ và giải quyết kịp thời khi gặp sự cố trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử.

- Được Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Tổ chức I-VAN bảo đảm bí mật, tính toàn vẹn về dữ liệu các thông tin giao dịch điện tử theo quy định của pháp luật.

- Được cơ quan bảo hiểm xã hội cung cấp thông tin về việc đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp bằng phương tiện điện tử.

Đăng ký sử dụng phương thức giao dịch điện tử

Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội lập Tờ khai đăng ký sử dụng phương thức giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội theo Mẫu số 01/ĐK-GD tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và gửi bản điện tử đến Cổng thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam hoặc gửi bản giấy đến Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ khai đăng ký sử dụng phương thức giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội của cơ quan, tổ chức, cá nhân, Bảo hiểm xã hội Việt Nam phải thông báo kèm theo việc cấp tài khoản để thực hiện giao dịch điện tử qua địa chỉ thư điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội; trường hợp không chấp thuận, Bảo hiểm xã hội Việt Nam phải thông báo và nêu rõ lý do.

Nộp hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam

Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội thực hiện lập và nộp hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử theo một trong hai cách sau: (1) Truy cập tài khoản giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, thực hiện lập hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử trực tuyến tại Cổng thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và gửi hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử đến Cổng thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam. (2) Lập hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử bằng các phần mềm, công cụ hỗ trợ giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội đáp ứng chuẩn định dạng dữ liệu của Bảo hiểm xã hội Việt Nam; sau đó truy cập vào tài khoản giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội để thực hiện gửi hồ sơ bảo hiểm điện tử đến Cổng thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Trong thời hạn 02 giờ, kể từ khi nhận được hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân, Bảo hiểm xã hội Việt Nam gửi thông báo xác nhận nộp hồ sơ kèm bảo hiểm xã hội điện tử qua địa chỉ thư điện tử cho cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

Ngoài việc nộp hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội có thể thực hiện việc lập và nộp hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử qua tổ chức I-VAN.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2017.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

CHỦ TỊCH NƯỚC, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ BỔ NHIỆM NHÂN SỰ MỘT SỐ CƠ QUAN

Thủ tướng Chính phủ vừa quyết định danh sách Ban Chỉ đạo quốc gia về hội nhập quốc tế. Theo đó, Trưởng Ban Chỉ đạo quốc gia về hội nhập quốc tế là Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc.

Các Phó Trưởng Ban Chỉ đạo gồm: Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Bình Minh; Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ; Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam.

3 Ủy viên Thường trực Ban Chỉ đạo gồm: Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Mai Tiến Dũng; Bộ trưởng Bộ Công Thương Trần Tuấn Anh; Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Đào Ngọc Dung.

Các Ủy viên khác gồm: Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Chu Ngọc Anh; Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Nguyễn Ngọc Thiện; Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Nguyễn Chí Vịnh; Thứ trưởng Bộ Công an Bùi Văn Nam; Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Thế Phương; Thứ trưởng Bộ Tài chính Trần Xuân Hà; Thứ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Khánh Ngọc; Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Bùi Văn Ga; Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Thành Hưng.

* Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc vừa ký các Quyết định bổ nhiệm 3 Ủy viên Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam.

Cụ thể, Thủ tướng bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Thành, Thứ trưởng Bộ Công an kiêm giữ chức vụ Ủy viên Hội đồng quản lý BHXH Việt Nam thay ông Bùi Quang Bền đã thôi giữ chức vụ Thứ trưởng Bộ Công an; ông Lê Chiêm, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng kiêm giữ chức vụ Ủy viên Hội đồng quản lý BHXH Việt Nam thay ông Nguyễn Thành Cung đã thôi giữ chức vụ Thứ trưởng Bộ Quốc phòng; ông Trần Anh Tuấn, Thứ trưởng Bộ Nội vụ kiêm giữ chức vụ Ủy viên Hội đồng quản lý BHXH Việt Nam thay ông Nguyễn Duy Thăng, Thứ trưởng Bộ Nội vụ đã được phân công phụ trách lĩnh vực công tác khác trong lãnh đạo Bộ Nội vụ.

* Ngày 26/12, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tổ chức lễ công bố và trao quyết định của Chủ tịch nước bổ nhiệm 53 Thẩm phán trung cấp, 77 Thẩm phán sơ cấp.

Đồng thời, Chánh án TAND tối cao Nguyễn Hòa Bình cũng trao quyết định bổ nhiệm ông Lê Thanh Phong, sinh năm 1967, Thẩm phán trung cấp, Chánh án TAND quận 7 và bà Trịnh Ngọc Thúy, sinh năm 1967, Thẩm phán trung cấp, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, thanh tra và thi đua khen thưởng giữ chức vụ Phó Chánh án TAND TP. Hồ Chí Minh.

*Thủ tướng đã phê chuẩn kết quả bầu bổ sung Phó Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Vũ Việt Văn, Tỉnh ủy viên, Bí thư Thị ủy, Chủ tịch HĐND thị xã Phúc Yên nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Thủ tướng cũng điều động, bổ nhiệm có thời hạn ông Nguyễn Hồng Long, Kiểm toán trưởng Kiểm toán nhà nước khu vực 4, Kiểm toán nhà nước giữ chức vụ Phó Trưởng ban chuyên trách Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp.

Đồng thời, Thủ tướng cũng bổ nhiệm ông Hoàng Quang Phòng, Phó Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam kiêm giữ chức vụ Ủy viên Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam thay ông Phùng Quang Huy đã nghỉ hưu theo chế độ.

Nguồn: baochinhphu.vn

THAY ĐỔI NHÂN SỰ BAN CHỈ ĐẠO QUY HOẠCH VÙNG THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Thủ tướng Chính phủ vừa ký quyết định 2501/QĐ-TTg điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 25/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ về nhân sự Ban Chỉ đạo quy hoạch và đầu tư xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội.

Theo Quyết định 2501/QĐ-TTg, Trưởng Ban Chỉ đạo là Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng. 2 Phó Trưởng ban là Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà (thường trực) và Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Chí Dũng.

Các ủy viên gồm : Ông Bùi Văn Nam, Thứ trưởng Bộ Công an; ông Huỳnh Quang Hải, Thứ trưởng Bộ Tài chính; bà Hồ Thị Kim Thoa, Thứ trưởng Bộ Công Thương; ông Nguyễn Hồng Trường, Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải; ông Vũ Văn Tám, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ; ông Phạm Lê Tuấn , Thứ trưởng Bộ Y tế ; ông Phạm Mạnh Hùng , Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ; bà Đặng Thị Bích Liên , Thứ trưởng Bộ Văn hóa , Thể thao và Du lịch ; ông Phạm Đại Dương , Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; ông Nguyễn Duy Thăng, Thứ trưởng Bộ Nội vụ ; ông Nguyễn Cao Lục , Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ ; ông Nguyễn Phương Nam , Trung tướng, Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Bộ Quốc phòng ; một Thứ trưởng Bộ Xây dựng ; một Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; ông Nguyễn Đức Chung, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; ông Nguyễn Xuân Đông, Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam; ông Nguyễn Dương Thái, Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương; ông Nguyễn Văn Trì, Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc; ông Vũ Hồng Bắc, Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên; ông Nguyễn Văn Linh, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang; ông Nguyễn Văn Quang, Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình; ông Đặng Ngọc Quỳnh, Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh Hưng Yên; ông Nguyễn Tiến Nhường, Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh Bắc Ninh; ông Nguyễn Thanh Hải, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ.

Nguồn: baochinhphu.vn

BỘ QUỐC PHÒNG CÓ THÊM 4 THƯỢNG TƯỚNG

Chiều 30/12/2016, tại Phủ Chủ tịch, Chủ tịch nước Trần Đại Quang đã trao quyết định và giao nhiệm vụ 4 tướng lĩnh quân đội được thăng quân hàm từ Trung tướng, Phó Đô đốc Hải quân lên Thượng tướng. Dự buổi lễ thăng quân hàm có các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị: Phạm Minh Chính, Trưởng ban Tổ chức Trung ương; Đại tướng Ngô Xuân Lịch, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; Thượng tướng Tô Lâm, Bộ trưởng Bộ Công an.

Chủ tịch nước Trần Đại Quang phát biểu tại buổi lễ. Ảnh: TTXVN

Các sĩ quan cấp cao của Quân đội nhân dân Việt Nam được thăng quân hàm gồm: Trung tướng Trần Đơn, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Ban Thường vụ Quân ủy Trung ương, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng; Trung tướng Lê Chiêm, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Quân ủy Trung ương, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng; Trung tướng Nguyễn Phương Nam, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Quân ủy Trung ương, Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam; Phó Đô đốc Hải quân Phạm Ngọc Minh, Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam.

Chủ tịch nước Trần Đại Quang khẳng định, việc Đảng, Nhà nước thăng quân hàm cấp Thượng tướng cho 4 sĩ quan cấp cao Quân đội nhân dân Việt Nam thể hiện sự quan tâm sâu sắc, sự tin tưởng của Đảng, Nhà nước và nhân dân đối với lực lượng vũ trang nhân dân; là sự ghi nhận, đánh giá cao những công lao, đóng góp của cá nhân mỗi đồng chí trong sự nghiệp xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng.

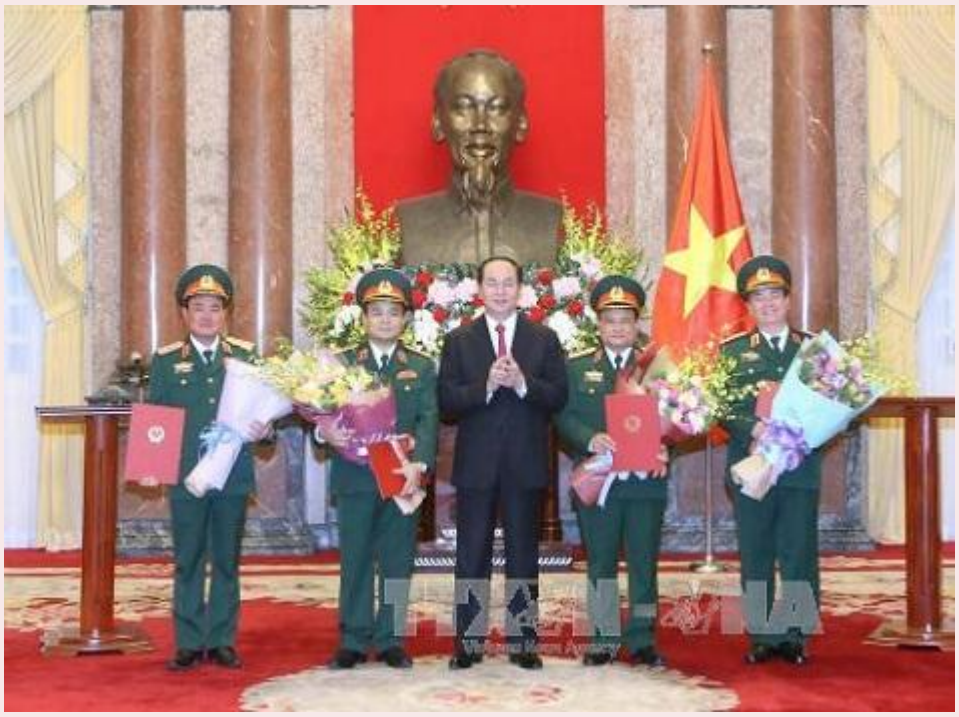

Chủ tịch nước trao Quyết định cho 4 sĩ quan cao cấp. Ảnh: TTXVN

Chủ tịch nước nhấn mạnh, các sĩ quan được thăng quân hàm cấp Thượng tướng là những cán bộ, sĩ quan ưu tú của Đảng, Nhà nước và Quân đội, đã có nhiều chiến công, thành tích xuất sắc trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế. Trên các cương vị công tác, trong bất cứ điều kiện, hoàn cảnh nào, các sĩ quan luôn thể hiện là những cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức cách mạng trong sáng, tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc và nhân dân, luôn mang hết tinh thần trách nhiệm và năng lực để hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

Nhấn mạnh việc được thăng quân hàm cấp Thượng tướng là niềm tự hào, vinh dự lớn nhưng trách nhiệm cũng rất nặng nề, Chủ tịch nước Trần Đại Quang giao nhiệm vụ: Các Thượng tướng Trần Đơn, Lê Chiêm, Nguyễn Phương Nam và Phạm Ngọc Minh tiếp tục rèn luyện bản lĩnh chính trị, tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc và nhân dân; không ngừng học tập, nghiên cứu, nâng cao năng lực, trình độ về mọi mặt; chủ động, nhạy bén, nắm chắc tình hình, cùng Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng kịp thời tham mưu với Đảng, Nhà nước những chủ trương, giải pháp để xử lý đúng đắn, thắng lợi mọi tình huống quân sự, quốc phòng nhằm bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, đồng thời, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước.

Chủ tịch nước Trần Đại Quang tin tưởng, các sĩ quan được thăng quân hàm cấp Thượng tướng luôn giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng trong sáng, khiêm tốn, giản dị, gần gũi, gắn bó với cán bộ, chiến sĩ và nhân dân; thực sự gương mẫu, chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và kỷ luật của Quân đội.

Cùng với đó, các sĩ quan cần nỗ lực phấn đấu cùng Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống, bảo đảm Quân đội hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó.

Thay mặt các tướng lĩnh được thăng quân hàm, Thượng tướng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Trần Đơn bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc với Đảng, Nhà nước, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, các bộ, ban, ngành, các tầng lớp nhân dân đã thường xuyên quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi để các đồng chí có cơ hội phấn đấu, trưởng thành trong môi trường quân đội. Thượng tướng Trần Đơn khẳng định, là cán bộ trưởng thành trong Quân đội, các sĩ quan được thăng quân hàm đợt này luôn xác định phấn đấu, nỗ lực vượt qua khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước, nhân dân và Quân đội giao phó. Các sĩ quan cấp cao của Quân đội hứa sẽ nỗ lực rèn luyện, tuyệt đối trung thành với Đảng, Nhà nước và nhân dân, nguyện đem hết sức lực, trí tuệ góp phần xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam chính quy, tinh nhuệ và hiện đại, là chỗ dựa vững chắc, tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Nguồn: TTXVN